

ÔN NHƯ
NGUYỄN VĂN NGỌC

TRUYỆN CỔ NƯỚC NAM

In lần thứ tư

Chương trình Việt văn 1958 của B. Q. G. G. D.

LỚP ĐỆ THẤT — ĐỆ LỤC



NGƯỜI TA — TẬP I

THĂNG LONG



CÙNG ĐỌC, CÙNG CHIA SẺ

Tên sách : TRUYỆN CỔ NƯỚC NAM
QUYỂN THƯỢNG : NGƯỜI TA
Tác giả : ÔN NHƯ NGUYỄN VĂN NGỌC
Nhà xuất bản : THĂNG LONG
Năm xuất bản : 1932

Nguồn sách : tusachtiengviet.com

Đánh máy : thuantran46, bhp, dacxeru,
Thuong Nguyen, Kim Ho, bongmoloko, little_lion,
huong.nguyenthuthu, laithuylinh, Khongtennao

Kiểm tra chính tả : Ngô Thanh Tùng,
Max Phạm, Trần Trung Hiếu, Tào Thanh Huyền,
Dương Văn Nghĩa, Lưu Nguyễn Thị Hợp

Biên tập chữ Hán – Nôm : Trần Tú Linh

Biên tập ebook : Thư Võ

Ngày hoàn thành : 23/10/2018

**Ebook này được thực hiện theo dự án phi lợi nhuận «
SỐ HÓA 1000 QUYỂN SÁCH VIỆT MỘT THỜI VANG
BÓNG » của diễn đàn TVE-4U.ORG**

**Cảm ơn tác giả ÔN NHƯ NGUYỄN VĂN NGỌC và nhà
xuất bản THĂNG LONG đã chia sẻ với bạn đọc những
kiến thức quý giá.**

MỤC LỤC

MÀO ĐẦU

CHUM VÀNG BẮT ĐƯỢC

KÉO CÀY TRẢ NỢ

CÁI CÂN THỦY NGÂN

CÂY TRE TRĂM MẮT

CÁ RÔ RẠCH NGƯỢC

CÀ CUỐNG VỚI NGƯỜI TỊT MŨI

NGÀNH MẶT BÊN NÀO ?

GIẢ CHẾT BẮT QUẠ

SINH CON RỒI MỚI SINH CHA

ĂN MÀY ĐÁNH ĐỔ CẦU AO (THẦN GIÓ BỊ QUỶ)

CÁI GÌ TO ƠN HƠN

MƯỜI VOI

NEM CÔNG, CHẢ PHƯỢNG, RÂU RỒNG

TRẠNG ẾCH

CÓ AI LÀM CHỨNG

CÂU ĐỔ NÊN VỢ NÊN CHỒNG

CÓ VÚ, KHÔNG ĐẦU

QUÍT LÀM, CAM CHỊU

CHÚ LÍNH ĂN KHOAI

BẮT TÉP NUÔI CÒ

CHỬA ĐÁNH, ĐÁNH ĐƯỢC

BÀ CHỦ VÀ NGƯỜI ĐI CÀY

VỢ HAI, VỢ CẢ

VĂN MAI VÀ THỊ MẬT

MỘT HẠT TRỜI CHO
THỊT BÒ, LỘC SẮN
CHƯA ĐỔ ÔNG NGHỀ
ANH CÂM BẬT NÓI
TAY QUÈ, MẶC TAY
CHÚ CHÍCH, CÔ CHÒE
CÓ NỢ THÌ CÓ KIA
PHƯỢNG HOÀNG ĐẬU CÂY KHẾ
THẰNG BỊP CỐC
CHUỘT, ONG ĐI TRƯỚC
VUA THỂ TỔ VÀ ÔNG LÃO NUÔI ONG
VỊ THUỐC QUÝ HÓA
ÂM ĐỨC
LÀM LÀNH
MÀI DAO DẠY VỢ
GIẾT CHÓ KHUYÊN CHỒNG
KÊU MỘT VIỆC ĐƯỢC BA VIỆC
ÔNG TÚ VÀ NGƯỜI BUÔN MÈO
BÁT CANH HẸ
BÁT CANH HƯƠNG ÁN
CÂY GÌ CỬA CHẰNG ĐƯỢC
ĐẬU ĐEN CHƯỜM ĐẦU
NỒI KÊ ÔNG THỔ
VỪNG KHOAI LANG
LÀM RỄ CHƯƠNG ĐÀI
VỮ LÀ MƯA
ĐẾO CÀY GIỮA ĐƯỜNG

ĐẼO CÀY GIỮA ĐƯỜNG (II)
TRỜI TỐC, GIÓ RUNG
NỊNH ĐỜI
CON KHÁ HƠN THẦY
NGƯỜI HỌC TRÒ MUỐN ĐẬU
HỌC VĂN HAY HỌC VÕ
TAM ĐẠI CON GÀ
THẦY ĐỒ ĂN BÁNH RÁN
CỜ GIAN BẠC LẬM
LỘC TRỜI HƠN LỘC NƯỚC
NGHĨA CŨ, TÌNH NAY
KHÔNG GIẾT GIÁN
TRỌNG NGHỀ
NGƯỜI HỌC TRÒ VÀ CON CHÓ ĐÁ
CHÓ ĐÁ ĐỔ MÁU
DỐT HỌC CŨNG THÔNG
SÁNG MẮT RA
TÀI VỚI HỌC
KHÔNG ĂN BÍ
LƯƠN NGẮN, TRẠCH DÀI
CON ĐỂ, CON NUÔI
MẤT GIỖ, BỔ CAU
ĐI LỬA TIỀN CƠM
VẠC, CÒ
BÁT VẠN LÀ QUẢ ÓT
MÈO LẠI HOÀN MÈO
LÁ HÚNG ! LÁ HÚNG !

HAI VỢ CHỒNG ANH THẦY BÓI
THẰNG BỢM CÓ CON NGỰA
ĐỔI LÒNG LÀNH
HAI ANH EM VÀ CON CHÓ ĐÁ
THI VẼ NHANH
VAN NHƯ VẠC
TRI ÂM VỚI KHƯỞU
HAI THẰNG ĂN TRỘM VÀ CON NGỰA
QUÂN TỬ RUỒI
NGƯỜI ĂN MÍA VÀ NGƯỜI CHỦ VƯỜN
HAI THỨ MỌT KHÁC NHAU
CÔ LÔ GỐC MÍT
THÈM
SỢ SÉT BÀ
CUA CẮP THẦY VƯỜN
CHỬA ĐẾN TẬN GIÀ
ANH CHẶN DÊ VÀ ANH XÁCH NGỔNG
CHIÊM BAO THỊT CHÓ
NỤ CÀ, HOA MƯỚP
KHÔNG HOA, KHÔNG CHỒNG
DỪNG ĐĨA TRÁ TỘI
NGƯỜI HỌC TRÒ VỚI CON RÙA
CÂY ĐA BIẾT NÓI
BA CON TRÂU ĐỰC THÀNH CHÍN CON
CỦ KHOAI VÀ CÁI CẦU
KÉO CÂY LÚA LÊN
THẦY DẠY HỌC TRÒ

THANH YÊN SO VỚI PHẬT THỦ
NA MÔ CHUYỂN
ANH THỢ RÈN BỪA
CUỐC, CÀ, BỪA TRANH CÔNG
CƠM VỚI CÀ
THỊT NGÓE, CANH GÀ
MẸ HIỀN CON THẢO
CÂY TÁO VÀ NHÀ LÁNG GIỀNG
HAI VỢ CHỒNG NGƯỜI THUYỀN CHÀI VÀ THẦY TU
BUÔN VỊT TRỜI
BỮA RƯỢU CHÁY NHÀ
CHIÊM BAO THẤY LỢN KÊU
SỢ MA BAO GIỜ
LÀM GIƯỜNG CHO VỢ ĐỂ
TÙ LÌ TÁM TIỀN

ÔN NHƯ NGUYỄN VĂN NGỌC
TRUYỆN CỔ NƯỚC NAM
QUYỂN THƯỢNG : NGƯỜI TA
THĂNG LONG

MÀO ĐẦU

« *Nước ta cổ những hơn bốn nghìn năm* », câu nhiều người Nam ta thường nói, mà như có ý tự phụ cho cái « cổ » là quý.

Vậy mà nước Nam cổ ở những cái gì ?

Nòi giống cổ, lịch sử cổ, phong tục cổ, văn-chương, mỹ-thuật cổ, đèn đài, di-tích cổ, người cổ, óc cổ, tiền cổ, đồ cổ, truyện cổ...

Cổ nhiều hay ít, hay hay dở, lợi hay hại, chúng tôi không nói đến.

Cổ nên yêu hay nên ghét, nên trọng hay nên khinh, nên giữ hay nên bỏ, chúng tôi cũng không bàn đến.

Chúng tôi chỉ biết đối với những cái gọi là « cổ », không phải ai cũng sở thích như ai : kẻ mến chùa cổ, người ưa hát cổ, kẻ chuộng cổ tục, người quý cổ văn...

Về phần chúng tôi, thì chúng tôi xin thú rằng chúng tôi có cái nhược điểm hâm mộ, luyến ái riêng với những « *Truyện cổ* » hơn là bao nhiêu cái cổ khác.

Nên đã lâu năm, chúng tôi hằng để tâm đến truyện cổ, tìm tòi truyện cổ, góp nhặt truyện cổ, ghi chép truyện cổ, thu xếp truyện cổ, nghe ngóng, kể lể truyện cổ, mua chuộc, giữ gìn truyện cổ... chẳng khác chi một nhà mê chơi đồ cổ mà chứa chất đồ cổ vậy.

Thói đời, những người có đồ cổ thường hay đem ra khoe khoang phô bày cho bà con anh em thưởng thức. Nên có

được ít « *Truyện cổ* » nào, chúng tôi cũng dám bạo dạn đưa ra cho in, gọi là thử bắt chước phô bày xem sao.

Quyển sách chúng tôi cho xuất bản đây chính là quyển đầu về những « *Truyện cổ* » ấy.

Đồ cổ, xưa nay thiên hạ trân trọng, bất cứ là đồ sành, đồ sứ, đồ đồng, đồ thiếc, đồ gỗ, đồ son, đồ ngọc ngà, hay bức tranh, nét chữ... hầu hết là đồ của người Tàu, từ các đời xưa nào bên Tàu để lại cả.

Còn những truyện cổ chúng tôi sưu tập đây chúng tôi dám quyết rằng thật là của riêng của nước Nam, tự người Nam sáng tác, xuất sản ra, chứ không phải đi vay, đi mượn, nhờ vả vào ai mà được. Một chứng cứ rõ ràng : Hơn 120 truyện trong sách, không có mấy truyện là không hàm một đôi câu thành ngữ hay sáo ngữ, ca hát hay phong dao bằng tiếng Nam nghĩa là một thứ tiếng riêng nó làm cho nước Nam mới thật là nước Nam vậy. Gián hoặc có một đôi truyện, phảng phất tương tự giống như truyện Tàu thì chẳng qua cũng chỉ là bất kỳ ngẫu nhiên mà thôi. Còn bảo có nhiều truyện tất đã chịu một cái ảnh hưởng xa xôi tự ngoài đem vào, thì cái ảnh hưởng đó chắc là do từ đạo Phật bên Ấn độ tràn sang, hơn là của đạo Khổng bên China đưa lại. Vả chẳng đã là người, dù ở phương đông hay phương tây, dù phân da trắng hay da vàng, cũng là thuộc về một nhân loại, cũng cùng chung một tư tưởng như nhau được. Vậy người nước Nam cũng là người có một cái óc, cái tâm tính như người, thì há lại không tự nghĩ ngợi, phát minh nên được một cái gì giống như người hay sao !

Nên chúng tôi đề nhan quyển truyện cổ này là « **TRUYỆN CỔ NƯỚC NAM** » thật không lấy làm thẹn với ngòi bút, mà lại như muốn phô trương tỏ rõ rằng nước Nam ta cổ là ở đó, xưa văn minh sớm hơn người ở như đó, và nay già cỗi chậm hơn người có lẽ cũng vì đó.

Muốn cho đúng cách biên tập, đáng lẽ những truyện trong sách chúng tôi phải xếp riêng từng loại, từng mục, có thứ tự phân minh, khiến người nghiên cứu về sau được dễ dàng tra khảo.

Đại để chúng tôi có thể chia phác ra làm năm mục như sau này :

1. Những truyện thuộc về cái lối cổ tích hoặc dã sử, cha mẹ hay ông bà tối tối thường kể cho con cháu nghe ;

2. Những truyện mà kết cục đã thành câu phương ngôn, lý ngữ, hoặc trái lại, xuất xứ từ những câu lý ngữ, phương ngôn ấy ra ;

3. Những truyện thuần về văn chương trong có những câu ca, bài hát nôm na mà vui thú, giản dị mà tự nhiên, xưa kia đâu đó vẫn thường truyền tụng ;

4. Những truyện trong ngụ một cái ý cao xa thuộc về triết lý, may ra so bì được với Bạch tử bên Trung Quốc, và sau này, có thể đem vào môn học cổ điển của nước nhà ;

5. Những truyện vui chơi cười đùa có lý thú, để tiêu sấu khiển muện, nhưng chưa quá thuộc về cái thể gọi là « Tiểu lâm » các nhà đạo đức nghiêm ngặt vẫn quen chê là nhảm nhí.

Tựu trung, hoặc có một đôi truyện vặt vãnh không rõ thuộc hẳn về mục nào, và người xem có lẽ cho như không được nòng mặng lắm. Nhưng chúng tôi cũng không nỡ bỏ qua, cứ liệt cả vào đây, vì chẳng gì nữa, thì những truyện ấy cũng được một cái đặc tính là truyện cổ.

Tuy nhiên trong sách, chúng tôi không cho in phân tách rõ ra từng mục loại như thế.

Chúng tôi tùy liệu mà dàn xếp gián-đoạn đi. Như sau một vài truyện hoang đường quá ư cổ, chúng tôi để một truyện ngụ ngôn cổ mà kim, trước một truyện khuyến thiện, thuộc về tôn giáo, chúng tôi lại xen năm ba truyện câu văn bóng-bảy, thú-vị hay lời lẽ bông-lỡn vui cười thỏa-thích.

Xếp như vậy, chúng tôi thiết tưởng người đọc bất cứ là người lớn hay trẻ con, cũng có thể theo lần lượt, mà đọc hết bài trên đến bài dưới, bài ngắn đến bài dài, mà không đến nỗi lấy làm chán nản. Đã không chán nản, thì truyện nào cũng có hứng thú, cũng dễ hiểu biết, cũng có thể xem, mà rồi kể lại được, khác nào như khi ngồi vào mâm được dùng nhiều món ăn thay đổi, mỗi món, một vị khác nhau, nếu không bồi bổ cả được cho sức lực thì cũng thơm ngon ít nhiều cho khứu giác và vị giác.

Những truyện chúng tôi nhặt đây, hầu hết là còn ở trong tiếng nói hơn ở trong chữ viết, xưa nay chỉ mới được người kể cho tai nghe, chớ chưa mấy ai chịu nhặt nhạnh biên chép, ấn hành thành sách vở.¹

Bởi thế mà cũng cùng một truyện, thường có khi sai lạc khác nhau xa. Người kể thế này, kẻ nói thế nọ, đây ngắt rút

nửa chừng, đó dài thêm hai ba đoạn. Thật là dài ngắn khôn đo, thêm bớt khó liệu, đầu Ngô mình Sở, râu ông nọ mà cằm cằm bà kia.

Nên khi sưu tập, chúng tôi phải hết sức nghe người này, hỏi người nọ, tìm nơi này, lục nơi khác, dẫn đo so sánh, suy xét, cân nhắc từng li từng tí, sau mới dám hạ bút chấm chước mà dàn xếp, mà phô diễn, mà sửa sang, mà trau mài cho thành được câu truyện có đầu đuôi, có nghĩa, có kỳ thú, có văn vẻ.

Chúng tôi cũng biết trong sách còn có truyện ghi chép chưa được tinh-tường, lộn đủ, lời lẽ chưa được chất-phác gãy gọn hẳn như của cổ-nhân, sau này, chúng tôi xin sửa-chữa dần. Chúng tôi lại dám mong rằng bà con ai xem truyện, được chỗ nào biết hơn chúng tôi, làm ơn chỉ bảo giúp để chúng tôi bồi bổ lại, thì chúng tôi được lấy làm hân-hạnh vô cùng.

Công việc tồn cổ, không bảo một người hay năm ba người một lúc mà làm nổi.

Lại vẫn theo ý riêng chúng tôi, thì trong việc tồn cổ, moi lục những truyện cổ, rồi đem xây dựng tô-điểm lại, cho thành văn, thành bài, thật không phải là một việc đáng bỏ qua, như có người quá ư thiên với kim, ra điều muốn bỏ qua vậy.

Văn-chương Pháp – nói cả văn-chương Âu-Mỹ – còn bảo đợi bao nhiêu bạn thiếu-niên tân-tiến sau này nghiên cứu, phiên dịch, dẫn giải, ban-bổ ra, không sợ rồi không ai nghĩ tới.

Văn-chương Tàu – nói rộng cả văn-chương Nhật, Ấn –

vẫn có người xới đắp, vun trồng duy-trì ủng-hộ không ngại rồi có ngày suy-chuyển lưu-lạc mất.

Còn chính văn-chương Việt-Nam nhà, gác cái phần chữ Hán ra ngoài, chỉ một phần chữ nôm về bên gọi là « học-giả thành lập » thì nay hiện đã được ít người lưu-tâm sao-lục, và đem ra xuất bản, ta không lo rằng có khi tiêu diệt mai một đi nữa – Nhưng về bên gọi là « dân-gian thành-lập » thì ngán thay ! Từ bao giờ đến giờ, lắm người vẫn có như không kể vào đâu, không có địa-vị, giá-trị nào, khinh-khỉnh thờ ơ coi thường, như coi thường chính bọn dân-gian hay dân đen « chân lấm tay bùn » vậy.

Ôi ! Nhưng nghĩ kỹ, sở dĩ thành được nước Nam, nước Nam sở dĩ còn được đến nay, thật gốc ở như bọn dân đen cổ-lổ, chất phác, « khố rách áo ôm » ấy nhiều, thì sở dĩ thành được văn Nam – hay văn Nôm – văn Nam sở-dĩ còn lưu đến nay, tất cũng phải nhờ vào những tiếng, những câu, những lời-những truyện sinh sản từ những chốn quê mùa cục kịch, ngõ hẻm hang cùng của những bọn cổ lỗ chất phác, « khố rách áo ôm » ấy mà ra.

Nên khi chúng tôi góp nhặt những truyện này dù cho mất bao nhiêu công phu, thời giờ chúng tôi cũng lấy làm vui lòng và coi như một cái nghĩa vụ thiêng liêng đối với quá nửa phần văn chương của nước nhà.

Thành trì cổ có sụp đổ, vùi dập xuống đất còn hòng có lúc, có người đào bới, mô phỏng mà xây đắp lại được. Chớ những truyện cổ, không ai ghi chép, cứ để trong lời nói, trong cái lối gọi là « truyền khẩu, truyền tụng » mà đã quên đi, là

mất hẳn, sau này thật không tài nào cứu vớt, gây dựng lại cho được. Cứ xem như hiện trạng, truyện cổ bỏ mất cũng đã nhiều rồi. Huống hồ trong vòng hai ba năm nữa, nếu cứ như thế này mãi, thì chúng tôi e để rồi có ngày, không còn mấy người mẹ, người bà kể được một đôi truyện cổ-tích nào của nước nhà cho con cháu nhà nghe nữa.

Nếu quả thật thế, thì rất là đáng tiếc !

Nên chúng tôi hết lòng sốt sắng thành-thực dám ước-ao rằng những sĩ-phu đâu đó trong nước, nên lưu tâm mà thu-thập lấy những lời cổ, những truyện cổ hiện nay còn có thể thu-thập được. Chúng tôi lại mong có nhiều người thích xem, thích kể truyện cổ, sau gây nên một hạng người *sành truyện cổ*, cũng như hạng *người sành đồ cổ* vậy. Không phải nói quá, những truyện cổ thật là một kho vàng vô giá của ông cha để lại làm cái vốn rất quý cho con cháu được nhờ. Các nhà văn sĩ bây giờ có thể nhân đây, biến hóa, bày đặt ra nhiều lối văn mới khác, mà không phải cứ ép mình, cúi đầu đi mượn cả bao nhiêu cốt cách, điển-tích của nước ngoài.

Giữa lúc cổ, kim xung đột, kim có thể mạnh, như muốn nuốt cổ, mà ta cố lựa lọc giữ một vài phần hay trong những cái cổ của ta, nó khiến ta bao giờ cũng phải nhớ *ta là ta, không phải là ai*, thì cái công việc ta làm quyết-nhiên không phải là vô-ích.

Làm người Nam nên biết truyện cổ nước Nam. Tinh thần người Nam hiện ra ở đây, tinh-hoa nước Nam muốn lưu lại cũng ở đây.

Dám xin độc giả lượng xét.

**Tại Hà-nội, ngày mồng một
Tháng tám, năm Nhâm-thân (1-9-1932)
Ô. N. NG. V. NG.**

CHUM VÀNG BẮT ĐƯỢC

Xưa có người nhà nghèo, một hôm ra ruộng cày, cày thấy một chum vàng. Người ấy đào lên, lể-mể bưng để trên bờ ruộng.

Tối về nhà khoe với vợ rằng : « Hôm nay tao đi cày, bắt được một chum vàng to. Tao bưng để trên bờ ruộng ».

Vợ bảo : « Của trời đã cho sao không mang về. Ngộ đêm nay có đũa nào lấy mất thì làm thế nào ? »

Chồng nói : « Thật có phải của trời cho, thì tự nhiên đem về nhà này, chẳng đũa nào lấy được cả. Mà không thật của trời cho, đũa nào nó lấy thì lấy tao không tiếc ».

Đang lúc hai vợ chồng trò chuyện với nhau thì có hai thằng kẻ trộm rình ở ngoài nhà, nó nghe được hết cả. Hai thằng bèn bảo nhau tìm ra bờ ruộng. Quả nhiên, thấy chum vàng ở đấy. Hai thằng lấy làm mừng rỡ, vội vàng khiêng về nhà. Nhưng đến lúc mở ra, trợn trừng, trợn trạc định chia nhau, thì vàng chẳng thấy đâu, chỉ thấy đầy một chum răn. Hai thằng sợ hãi, chưa kịp đổ ra xem, thì trời đã sáng, vội đập nắp lại để giấu một nơi.

Sáng hôm sau, người kia lại ra ruộng cày, thì chẳng thấy chum vàng đâu nữa. Xong buổi cày, về nhà, vợ hỏi : « Thế nào ? Chum vàng làm sao ? »

Chồng nói : « Hôm qua tao để chum vàng bên bờ ruộng rõ ràng. Hôm nay tao đi cày không thấy đâu nữa. Không biết đũa nào nó đem đi đâu rồi ấy ».

Vợ bảo : « Ai bảo con người khờ dại thế ! Của đã bắt

được mà không đem về. Bỏ ở giữa trời, thì tất có đứa nó phải khiêng đi, yên làm sao được ! »

Lúc hai vợ chồng nói chuyện, thì ra hai thằng kẻ trộm lại rình, chúng nghe rõ cả đầu đuôi, lấy làm tức giận, bảo nhau rằng : « Rắn mà nó trông ra vàng ! Hai vợ chồng nó đang tiếc với nhau ! Ta lại đem ra bờ ruộng ».

Nói rồi, hai thằng liền về nhà, khiêng cái chum vàng đem ra bờ ruộng trả. Sáng hôm sau, người kia ra đi cày thì lại thấy cái chum ở đấy rồi. Người ấy đem mở ra xem thì lại thấy vàng vẫn còn nguyên như trước.

Tối về nhà, lại khoe với vợ rằng : « Này nhà nó này ! Tao đã bảo mà, của trời đã cho mình, thì chẳng ai lấy được. Hôm nay, tao đi cày lại thấy chum vàng ở bờ ruộng ».

Vợ nói : « Thôi đi đừng nói lếu nữa đi. Cứ nay bắt được chum vàng, mai đã mất chum vàng... Ai mà tin được ! »

Chồng bảo : « Thì thật mà ! Tao lại thấy cái chum ở bờ ruộng, tao mở ra xem rõ ràng có vàng thật mà, nhưng tao chẳng đem về làm gì. Có phải của trời cho, thì tự khắc nó phải bò về nhà ».

Đêm hôm ấy hai thằng kẻ trộm vẫn còn rình nữa, nghe thấy hai vợ chồng nhà ấy nói chuyện, lấy làm tức mình, bảo nhau rằng : « Ừ mà bảo nó bò về nhà, thì ông cho nó bò về để cắn chết cả hai vợ chồng mà cho bố ghét ».

Rồi hai thằng mò ra bờ ruộng, con mắt tráo trượng mở chum ra xem lại. Quả nhiên thấy lúc-nhúc những rắn. Chúng vội-vàng đập nắp lại, và khiêng bỏ vào nhà người cày ruộng,

rồi chạy mất.

Người kia sáng dậy, ra vườn, thấy chum vàng ở đấy rồi, gọi vợ lại bảo : « Bu nó này ! Tao nói có sai đâu ! Cửa trời đã cho thì tự nhiên nó phải bò về nhà. Cái chum vàng ở kia kia rồi. Bu nó ra mà xem ».

Vợ chạy ra xem, thì quả nhiên đầy một chum vàng thật. Bấy giờ chồng mới chịu lấy vàng cất vào trong nhà. Và từ đó, hai vợ chồng mới đem cái vàng ấy mà làm giàu làm có, ăn tiêu rất sung sướng. Vì tích này mới rõ câu :

*« Số giàu đem đến những nhưng,
Lọ là con mắt tráo trưng mới giàu ».*

là có nghĩa vậy.

KÉO CÀY TRẢ NỢ

Xưa, có một người tên gọi là Chu-văn-Địch làm ăn vất vả, cửa nhà đói kém, nhưng tính khí hiền lành, ăn ở thật thà, có nhân có đức. Trong hạt, có một nhà giàu thường cho người ấy vay nợ, năm nào cũng vậy, vay vay, trả trả, đã nhiều. Phải một năm mất mùa, người ấy không trả được nợ, mà ông nhà giàu cũng không hỏi đến. Mấy năm sau người ấy chết đi, nợ vẫn còn lại. Nên lúc hấp hối còn trối lại với con rằng :

*« Nợ nần chưa trả được ai,
Hồn này thác xuống tuyền đài chưa yên ».*

Một đêm, ông nhà giàu kia nằm mơ, nghe có tiếng người đến nói bên tai rằng :

*« Tái sinh chưa dứt hương thề,
Làm thân trâu ngựa đền nghì trúc mai ».*

Sáng ngày dậy, thấy con trâu đẻ ra được con nghé trên lưng có hai chữ « Văn-Địch ». Con nghé mỗi ngày một lớn, khôn ngoan, dễ bảo, cày bừa rất khỏe. Người ngoài biết chuyện, ai cũng bảo rằng :

*« Người ăn thì còn,
Con ăn thì hết.
Đã đến lúc chết,
Hãy còn nhớ ơn ».*

Cách đây ít năm, hai đứa con Văn-Địch khôn lớn lên, làm ăn nhờ trời cũng khá. Một hôm đang cày ngoài đồng, nghe thấy ở thửa ruộng gần đấy có người bảo con trâu rằng :
« Văn-Địch ! Văn-Địch ! Nhanh chân, mau bước, kéo đã trưa

rồi ».

Hai đứa con nghe thấy tên bố, ngạc-nhiên chạy sang bên ruộng hỏi, thì người kia nói rằng : « Con trâu này từ lúc sinh ra, trên lưng có hai chữ Văn-Địch, mà có gọi đúng tên nó như thế, thì nó mới chịu làm ».

Lúc về, hai đứa con vội sang nhà ông nhà giàu hỏi chuyện, tỏ ý muốn mua con trâu, thì ông ấy bảo rằng : « Trước, tên Chu-văn-Địch có vay nợ ta, không trả được, ta cũng không đòi. Có lẽ bởi vậy, mà phải hóa kiếp làm con trâu này để trả nghĩa cho ta. Đã mấy năm nay có làm ăn chịu khó, trong nhà ta đây cũng được thịnh vượng. Nợ trả như thế, ta cho cũng đủ rồi. Vậy nếu hai anh có phải là con, muốn mua chuộc về, thì ta để lại cho. Ta lại trả văn-khế cũ đem về mà hóa kiếp cho yên hồn cha ».

Khi hai đứa con chuộc được con trâu về, vừa đem bức văn-khế ra hóa, thì nó lăn ra nó chết. Thế là nó đã trả sạch được nợ kiếp trước rồi. Sau hai đứa con làm ăn mỗi ngày một nẩy nở và trở nên giàu sang, ai cũng có bụng yêu, bụng quý.

Thấy truyện này, người ta mới đặt câu « *Kéo cày trả nợ* » thành câu tục-ngữ. Người ta còn phụ thêm một câu hát rằng :

*« Ở cho có nghĩa, có nhân,
Cây đức lắm chồi, người đức lắm con.
Ba vương sánh với bảy tròn,
Đời cha nhân đức, đời con sang giàu ».*

CÁI CÂN THỦY NGÂN

Xưa có một nhà làm nghề buôn bán, âm mưu chế ra một cái cân rỗng, trong đổ thủy-ngân, hai đầu bịt đồng, không ai biết. Khi cân hàng bán cho người ta thì dốc cán cân vào đằng móc. Khi cân hàng mua của ai thì lại dốc cán cân vào đằng quả. Như vậy một cái cân vừa nặng, vừa nhẹ được, và bao giờ phần lợi cũng về mình. Vì buôn bán điên-đảo như thế, mà không bao lâu nhà ấy trở nên giàu có. Trời cho, lại sinh ra hai đứa con trai mặt mũi khôi-ngô, học-hành thông-thạo. Thiên hạ ai nấy đều khen là nhà có đại hồng-phúc.

Một hôm, hai vợ chồng ngồi bàn với nhau rằng : « Nhà ta bây giờ đã giàu có hơn người nhiều, lại sanh hai đứa con khôn-ngoan, giỏi giang. « Một mặt người bằng mười mặt của », thôi thì bây giờ ta đem phá bỏ cái cân điên-đảo kia đi, để dành cái đức lại cho con về sau ».

Bàn xong hai vợ chồng thuận tình sửa cái lễ sám-hối trên thì cúng Phật, dưới thì cúng ông bà, ông vải. Rồi đem cái cân ra chẻ. Thì khi chẻ, ghê thay ! thấy trong cái cân có đọng một cục máu đỏ hon hồng. Từ đó, hai vợ chồng bảo nhau ăn ở tu nhân tích đức, tránh điều dữ, làm điều lành.

Nhưng cách đó vài năm, bỗng một hôm một đứa con lăn ra chết, và không bao lâu, còn đứa kia cũng lăn ra chết nốt. Hai vợ chồng kêu gào khóc lóc, rất là thảm thiết nghĩ rằng mình đã có bụng cái ác vi thiện mà Trời không chứng quả. Hai vợ chồng rầu rĩ khổ sở, cứ ngồi than dài thở vắn trong mấy tháng trời, không buồn động đến việc gì nữa.

Một đêm, hai vợ chồng cũng nằm mơ thấy có ông Bụt đến bảo rằng : « Vợ chồng mà hãy nên lo toan làm ăn tu tỉnh lại. Chớ vội ngồi vậy mà trách Trời không có mắt. Trời thương chúng mà lắm đó ! Trước Trời thấy chúng mà buồn bán lọc lừa. Trời đã sai hai con quý xuống đầu thai làm con để phá tan cho hết những của phi nghĩa chúng mà chặt bóp nhật hạnh bao nhiêu năm. May mà chúng mà sớm biết hối hận, cải tà qui chánh, tránh dữ làm lành, Trời mới sai bắt hai con quý ấy về. Đừng thương tiếc chúng nó làm chi nữa. Chúng mà cứ ăn ở ngay lành rồi Trời lại đền cho hai đứa con khác để ngày sau mà nhờ ».

Hai vợ chồng biết thế, không thương khóc con nữa, lại làm ăn như cũ, và lúc nào cũng tâm tâm niệm niệm cố gắng làm bao nhiêu điều từ thiện, phúc đức. Quả nhiên, sau lại sinh được hai đứa con trai khác. Hai đứa cùng hiền lành tử tế, văn hay chữ tốt và sau lớn lên, làm cho cha mẹ thật được vẻ vang vui sướng về cái cảnh già.

CÂY TRE TRĂM MẮT

Xưa có một người có đứa con gái đẹp lắm. Trong nhà phải thuê một thằng ở để giúp việc. Ông chủ muốn lợi dụng nó, mới bảo nó rằng : « Màỵ chịu khó làm ăn với tao, rồi tao gả cô cho màỵ ».

Thằng ở mừng lắm và gia công, gia sức làm việc cho chủ không quản nắng sương, không nài mệt nhọc sớm khuya gì cả. Nó ở đã được ba năm, trong nhà làm ăn mỗi ngày một giàu có.

Ông chủ bấy giờ mới nghĩ bụng rằng : « Nhà mình giàu có thế này mà gả con cho đứa ở, thì chẳng là uổng con mà người ta lại chê cười cho ru ! »

Nghĩ thế rồi, bèn lặt nó luôn mà đem gả cho một nhà khác giàu sang nhất nhì trong làng.

Sáng hôm sắp đưa dâu, ông chủ gọi thằng ở ra lừa nó, bảo rằng : « Bây giờ màỵ chịu khó lên rừng tìm thấy một cây tre trăm mắt đem về đây làm đũa ăn cưới, thì tao cho màỵ lấy cô màỵ ngay ».

Thằng ở thật thà, lập tức vác dao lên rừng. Nhưng suốt buổi kiếm hết khu này, khu khác, chẳng đâu thấy có cây tre đủ được trăm mắt. Nó buồn, nó ngồi nó khóc hu hu.

Bỗng thấy một ông lão đầu tóc bạc phơ, đến hỏi rằng : « Làm sao con khóc ? Nói cho ta nghe ».

Thằng kia thưa đầu đuôi câu chuyện. Ông lão nghe rồi, bảo rằng : « Màỵ đi chặt tre đếm đủ trăm cái mắt, rồi đem lại đây ông bảo ». Nó làm y theo như lời.

Ông lão bảo nó đọc : « *Khắc nhập, khắc nhập* »². Nó vừa đọc ba lần như thế, thì một trăm đoạn tre tự nhiên liền lại với nhau mà thành một cây tre đủ trăm mắt. Nó mừng quýnh, ghé vai định vác về. Nhưng cây tre dài quá, nhắc lên vướng, không đi được. Nó lại ngồi khóc hu hu.

Ông lão lại đến hỏi : « Làm sao con khóc ? » Nó nói tre dài quá không sao vác được về nhà.

Ông lão bảo nó đọc : « *Khắc xuất, khắc xuất* »³. Nó vừa đọc xong ba câu thì cây tre lại tức khắc rời ra từng đoạn. Nó bèn bó cả lại và gánh về nhà. Lúc về tới nơi thấy hai họ đang ăn uống tưng bừng, sắp đến lúc rước dâu, nó mới biết là ông chủ lừa nó đem con gái gả cho người ta rồi. Không nói gì cả, nó cứ lẳng lặng đem trăm đoạn tre xếp dang dang dưới đất. Rồi nó lẩm bẩm nó đọc : « *Khắc nhập, khắc nhập* ». Tự nhiên một trăm đoạn tre kia chắp liền lại thành một cây tre trăm mắt dài lắm.

Ông chủ thấy chuyện lạ lùng, chạy lại gần xem. Nó cũng đọc luôn : « *Khắc nhập, khắc nhập* » thì ông kia cũng dính liền ngay vào cây tre, không tài nào đẩy ra cho được.

Ông thông gia thấy vậy chạy ra, định gỡ cho ông chủ. Nó đợi lúc tới gần, nó cũng lại đọc : « *Khắc nhập, khắc nhập* » thì cả ông ấy dính chập luôn với cây tre, không sao lìa ra được nữa.

Hai họ thấy vậy, không còn ai dám bạ men đến đó. Còn hai ông kia van van lạy lạy để nó thả ra cho : ông thông gia thì xin về nhà ngay, còn ông chủ thì xin gả con gái cho nó. Lúc bấy giờ nó mới đọc : « *Khắc xuất, khắc xuất* » thì hai ông

kia rời ngay cây tre ra, và cây tre cũng rời ngay ra trăm
đoạn. Rồi quả nhiên lấy được cô ả, không ai dám trêu nó
nữa. Vì truyện này mà sau thành có câu ví rằng :

*« Chê ta rồi lại lấy ta,
Tuy là đũa ở nhưng mà có công ».*

CÁ RÔ RẠCH NGƯỢC

Xưa có người đàn bà, chồng chết, một hôm mời những tay thông thái trong làng có chân trong hội « Tư văn » đến làm lễ giúp. Khi dâng đồ lễ thịt cá rất nhiều, trông thích mắt lắm. Có ông « Tư văn » ngó thấy đĩa cá rô ngon lành lén cắp ngay một con, giắt vào trong khăn bịt đầu. Vô phúc, lại phải người đàn bà nó trông thấy. Nó mới vừa khóc chồng nó, vừa kể câu rằng :

*« Trời mưa, trời gió đã lâu,
Cá rô rạch ngược lên đầu tư văn ».*

Câu ấy sau thành một câu nói giễu. ⁴

CÀ CUỐNG VỚI NGƯỜI TỊT MŨI

Xưa có một người đã phải cái tật lỗ mũi tịt, lại thêm được cái tính ngời đầu thấy ai nói gì, là cũng nói theo luôn như thế.

Một hôm đang khi ăn uống đông đúc, có người đưa mâm tô canh cho anh ta ăn và hỏi rằng : « Ăn có thơm không ? »

Anh ta đáp theo rằng : « Thơm lắm ! nó phảng phất như mùi hương trầm ».

Một chốc, người kia lại đưa nước mắm cà cuống cho anh ta ăn và hỏi rằng : « Ăn có thối không ? »

Anh ta đáp theo rằng : « Thối lắm ! Nó thum thum như mùi thầy ma ».

Cả bàn nghe nói, cười ầm. Vì câu chuyện này, mới thành ra câu người ta thường nói rằng : « Cà cuống đừng cho người tịt mũi ăn ».

NGÀNH MẶT BÊN NÀO ?

Xưa một anh có hai vợ. Cứ đêm đêm vợ lớn nằm trong, vợ bé nằm ngoài, còn anh ta thì chen vào giữa. Ai chẳng bảo thế là sướng ! Nhưng khốn một nỗi vợ lớn muốn anh ta ngành mặt vào trong, thì vợ bé lại đòi anh ta ngành mặt ra ngoài. Lúng túng không biết ngành về bên nào là phải, anh ta mới bảo rằng : « Bây giờ ai mà ví được câu gì thật hay, thì ta ngành mặt về bên ấy ». Vợ lớn nghe nói liền ví rằng :

*« Anh có thương em,
Thì anh ngành mặt vào trong.
Đến mai em đi chợ,
Em mua bún với lòng về anh ăn ».*

Anh ta đã toan trở mình ngành mặt vào trong, thì lại nghe thấy vợ bé ví luôn rằng :

*« Anh có thương em,
Thì anh ngành mặt ra ngoài.
Đến mai em đi chợ,
Em mua mặt với khoai mài anh xơi ».*

Anh kia nghe ví, nghĩ bún ăn với lòng cũng thú, mà khoai mài chấm với mặt cũng ngon, nên anh ta lại vẫn lúng-túng không biết ngành mặt về bên nào. Chẳng lẽ lại suốt đêm cứ nằm ngửa mặt mà trông lên đỉnh màn sao ! Anh ta mới cũng lên giọng ví một câu rằng :

*« Trông cho Trời để lâu dài
Bún lòng thì bún, khoai mài thì khoai ».*

Rồi đành cứ ngành vào bên trong một tí, rồi lại ngành ra

bên ngoài một tí.

GIẢ CHẾT BẮT QUẠ

Xưa có một thằng đi ở có tính hay cờ bạc, thành mắc nợ, nhiều lắm. Một buổi sớm mai, nó đem trâu ra cày, bị các chủ nợ bắt mất trâu đi. Nó buồn quá, lên bờ ruộng nằm giả chết. Một chốc có hai con quạ ngõ là xác người chết thật, mới dần dần bay lại định móc mắt ăn.

Nó giơ tay ra, vợ ngay được một chú, mắng rằng : « Mày tưởng tao chết, định đến móc mắt tao. Nay tao bắt được mày, tao giết chết mày đi ».

Con quạ sợ lắm, van rằng : « Xin anh tha cho tôi. Rồi tôi xin trả ơn cho anh một cái của rất quý ».

Nó hỏi : « Của quý của mày đâu ? Mau mau đưa ra đây không thì chết lập tức ».

Con quạ bèn nhả ra một hòn ngọc, nói rằng : « Có hạt ngọc này, thì ước gì, được nấy ».

Thằng kia cầm hạt ngọc, liền ước thử rằng : « Ước sao ta được một con trâu để đem về trả chủ ».

Thì tự nhiên có một con trâu ở đâu đến ngay trước mắt thật. Nó bèn buông tha cho con quạ, dắt con trâu về trả chủ và xin ra ngay không làm nữa.

Đoạn nó ngồi giữa trời, cầm hạt ngọc mà ước rằng : « Ước sao ta được một tòa nhà, rộng năm, phượng bảy thật lịch sự ».

Vừa nói xong, thì thấy được ngay thật một tòa nhà, rộng năm, phượng bảy, lại đủ cả đồ đạc bày biện rất trang hoàng.

Được ở nhà rồi, nó lại ước rằng : « Ước sao ta được một khoảng đồng cò bay thẳng cánh bõ công cấy cày ».

Vừa nói xong, thì thấy được ngay một khoảng đồng cò bay thẳng cánh, trâu bò cày bừa đủ cả thật. Nó được giàu có rằng, lấy làm sướng thân lắm.

Một hôm nó lại ngồi ước rằng : « Ước sao ta được một người vợ, mắt phượng mày ngài, đẹp như tiên giáng thế ».

Vừa nói xong, thì thấy một đứa con gái một nhà giàu đẹp nhất vùng ấy lại đến ở với nó và xin gả nghĩa vợ chồng.

Được ít lâu, đứa con gái lân la, một hôm tò mò hỏi nó rằng : « Trước anh khổ sở lắm, anh làm thế nào mà được chóng giàu sang như thế này ? »

Thằng kia thật thà đáp rằng : « Ta chẳng làm gì cả, ta chỉ có được hạt ngọc của con quạ nó cho. Ta muốn cần gì là ta được ngay cái nấy ».

Đứa con gái biết vậy, một hôm rình lúc nó ra đồng vắng, ở nhà lấy trộm hạt ngọc rồi bỏ về ở với cha mẹ. Lúc thằng kia về, thấy mất vợ, lại mất cả hạt ngọc, tìm kiếm đâu cũng không thấy. Nó lên núi ngồi và nó khóc.

Bỗng có ông Bụt hiện xuống, hỏi rằng : « Người kia mất gì, ngồi đây mà khóc ? »

Nó nói rằng : « Tôi có một hạt ngọc quạ, vợ tôi nó lấy trộm mất. Tôi tiếc của, tôi ngồi tôi khóc ».

Bụt bảo rằng : « Con chớ lo, ông bày cho con một mẹo, nó phải trả ngọc lại cho con ».

Rồi Bụt đưa cho một cành hoa đỏ, một cành hoa trắng

mà dặn rằng : « Đem cành hoa trắng về gài vào cửa nhà nó, thì trong nhà nó sẽ sinh ra chuyện tức cười. Xong lại cầm cành hoa đỏ đến chữa cho nó khỏi, thì nó trả lại ngọc cho ».

Thằng kia nghe lời Bụt dạy, liền đem cành hoa trắng đến cầm trước cửa nhà vợ, rồi về. Mùi hoa thơm đưa lên ngào ngạt, hai ông bà và cô ả bảo nhau chạy ra xem. Thấy bông hoa thơm, ông tranh người, bà tranh người, cô ả cũng tranh người. Quái sao ! người xong, bỗng chốc ông thấy mũi ông cứ dài ra, bà thấy mũi bà cứ dài ra, cô ả cũng thấy mũi cô ả cứ dài ra đến mấy gang tay, lưng la lủng lẳng ở trước ngực, chẳng khác nào như cái vòi voi vậy. Ông nhìn bà, mẹ nhìn con, con nhìn bố, ngơ ngơ ngẩn ngẩn, nửa khóc nửa cười, không biết là cái bệnh quái gì mà quái ác thế. Sau chữa bao nhiêu thuốc, chạy bao nhiêu thầy, cái mũi vẫn cứ dài, không làm thế nào cho ngắn lại được như xưa. Cách đó mấy bữa thằng kia giả dạng lại chơi. Nó thấy bố mẹ vợ và vợ thế, nó tức cười không thể nhìn được.

Hai ông bà vừa khóc, vừa bảo nó rằng : « Nhà ta chẳng biết tội tình gì mà phải cái bệnh lạ lùng như thế này ».

Thằng kia bảo : « Ấy chỉ tại vợ tôi nó ăn trộm ngọc của tôi đem về nhà đấy thôi. Nếu ông bảo nó trả lại ngọc cho tôi, thì tôi đây chữa khỏi bệnh ngay tức thì ».

Hai ông bà vừa như van nó vừa nói :

*« Cửa là gạch, nghĩa là vàng,
Cửa chàng, lại trả cho chàng lo chi.
Chàng mà chữa được thôi đi,⁵
Vợ thì chàng lấy, ngọc thì chàng mang ».*

Rồi gọi con đem ngọc ra trả. Thằng kia cầm lấy ngọc, rồi mới đưa cành hoa đỏ ra cho người, thì mũi ông ngấn luôn lại như cũ, đưa cho bà người, thì mũi bà co ngay lại như xưa, đưa cho cô ả người, thì mũi cô ả liền rút như trước vừa xinh vừa đẹp. Xong người con gái lại theo nó về làm vợ. Và từ đó, không còn dám đá động đến hòn ngọc, nó đưa cho cầm, cũng không dám cầm nữa. Sau hai vợ chồng thằng ấy ăn ở với nhau, thuận hòa vui sướng, sinh được một trai, một gái đẹp như ngọc và thông minh không ai bằng. Khi nó già sắp chết, thì thấy hai con quạ đến đậu trước nhà kêu rằng :

*« Cho mau, cho mau
Trả ngọc cho mau ».*

Vụt chốc thấy sáng rực, rồi hạt ngọc tự nhiên biến đi mất.

SINH CON RỒI MỚI SINH CHA

Xưa có hai người ở tỉnh xa, cùng đi lính với nhau, và ăn ở với nhau rất là thân thiết. Đến lúc thôi lính về nhà, thì một người làm nên giàu có, còn người kia vẫn nghèo đói. Người nhà giàu nhớ bạn, đến hỏi thăm, thấy bạn nghèo khổ, liền đưa cho vay mười lạng bạc để làm vốn.

Cách đã mấy năm, không được tin tức gì của bạn, người nhà giàu nghĩ bụng rằng : « Bạn ta có lẽ vẫn còn túng, nên chưa có tiền trả ta. Âu là bây giờ ta lại sang thăm anh ta cũng đem đi mười lạng bạc, nếu anh quả còn nghèo đói, thì ta lại đưa giúp anh ta lần nữa ».

Nghĩ vậy, rồi đi. Khi vừa đến cổng, thấy nhà bạn trang hoàng lịch sự thì người kia đem bạc giấu ở trên đầu cổng rồi mới vào. Vợ chồng bạn thấy mặt, ngỡ là sang đòi nợ, mời vào nhà thiết đãi ăn uống tử tế, rồi lập tâm bất nhân đợi đến đêm khuya, giết quách đi, và đem xác chôn dưới gốc cây khế. Ít lâu, cây khế chỉ sinh được một quả to lắm. Người vợ trông thích mắt, hái xuống ăn. Rồi thụ thai, đủ ngày tháng, sinh ra một đứa con trai khỏe mạnh, khôi ngô, nhưng phải cái tật không biết nói.

Hai vợ chồng lấy làm buồn bực, một hôm phàn nàn với nhau rằng : « Nhà ta giàu có không thiếu gì. Trời cho sinh được một mụn con, thì Trời bắt nó phải cái tật câm ! Rõ người có năm, có mười thì tốt, mình chỉ có một, thì lại vô duyên ! »

Đứa con nghe thấy hai cha mẹ than thở, tự nhiên bật nói

ra rằng : « Thầy mẹ cho mời quan huyện qua đây chơi với con. Rồi con nói cho thầy mẹ xem ».

Hai vợ chồng lấy làm quái lạ, hỏi gặng nó mãi thì nó lại câm như trước, không nói gì nữa. Sau bàn bạc với nhau thử chiều ý con xem sao, bèn đem lễ lên trên huyện, kể chuyện đầu đuôi và cố mời quan đến chơi nhà thật.

Quan bằng lòng đi. Đến nhà liền cho lính gọi thằng bé ra hỏi : « Cớ sao mà không chịu nói để cha mẹ mà phải lên trình với ta ? »

Thằng bé ra, lễ phép cúi lạy quan huyện, rồi thưa rành mạch rằng : « Quan đã đến đây, xin quan soi xét cho con được nhờ, kéo oan lả. Nguyên con với anh này – chỉ vào cha – xưa có đi lính làm bạn với nhau rất thân. Lúc mãn khoa, anh em cùng trở về lập nghiệp làm ăn. Sau con đến nhà anh ấy chơi, thấy anh ấy nghèo đói, con đem cho vay mười lạng bạc để làm vốn. Lâu không thấy anh ấy trả, con tưởng anh ấy còn bận túng, lại sang thăm anh ấy và cũng đem theo mười lạng bạc, định giúp anh ấy lần nữa. Nhưng lúc đến nơi thấy anh ấy giàu có, con giắt mười lạng bạc ấy ở ngoài cổng, rồi mới vào. Chẳng ngờ, anh ấy lựa đến nửa đêm, giết chết con đi và đem xác con chôn dưới gốc cây khế. Hồn con bấy giờ nhập ngay vào cây khế. Cây khế sinh được một quả vừa to, vừa ngọt. Hồn con lại biến vào quả khế. Vợ anh ấy ăn quả khế mà sinh ra con. Dám xin quan lớn thân oan cho con. Quan cho người ra đào gốc khế, xem có còn cái xác con, và ra bới trên mái cổng, xem có còn mười lạng bạc không ».

Quan liền sai lính làm theo như lời khai, thì quả nhiên ở dưới gốc khế có cái xác người và ở trên cổng nhà còn mười lạng bạc thật. Chứng cứ rõ ràng, hai vợ chồng nhà kia không còn chối cãi làm sao được, tự phải thú nhận hết tội, không đợi quan tra hỏi. Quan liền phê án trị tội luôn cả hai vợ chồng. Còn thằng bé lạy tạ quan xong, xin trở về nhà cũ. Lúc về tới nơi, tính lại, kể từ ngày ra đi đến ngày ấy được hai mươi năm, khi đi vợ mới có thai, khi về thì con đã có cháu. Bởi truyện này nên mới có câu cổ ngữ rằng :

*« Tham vàng, phụ nghĩa cố nhân,
Oan hồn, hồn hiện, trời gần chẳng xa,
Sinh con, rồi mới sinh cha,
Sinh cháu giữ nhà, rồi mới sinh ông ».* ⁶

ĂN MÀY ĐÁNH ĐỔ CẦU AO (THẦN GIÓ BỊ QUỶ)

Xưa có người nghèo đói đi ăn xin đã bao lâu, nay mới được một hôm, có một nhà giàu bố thí cho bát gạo. Anh ăn mày mừng rỡ, hí hửng đem gạo xuống vo dưới cầu ao. Chẳng may lúc đem vo, gió đâu nổi tứ tung, làm lật giá gạo đổ cả xuống ao. Anh ăn mày khóc lóc thảm thiết, không biết bắt đền ai. Càng nghĩ, càng giận trận gió, anh ta bèn làm đơn lên kiện tại Thiên đình. Đơn rằng :

*Nay tôi đói khát,
Ở quận Hà đòai,
Đi khắp mọi nơi
Kiếm ăn độ khẩu,
Hôm nay mới thấu,
Đến cửa nhà giàu,
Nói hết trước sau,
Cho được đấu lúa
Cửa nhà không có,
Chẳng biết vo đâu,
Ra đến cái cầu,
Ngồi mà vo đó
Phút đầu trận gió,
Lúa đổ xuống ao,
Không vớt, không lao,
Làm sao vớt được ?
Vậy nên đến trước
Gác phượng lầu rồng,*

*Tấu lạy Cửu trùng,
Thương cho kẻ khổ*

Trời chấp đơn. Rồi sai quỷ sứ đòi Thần làm gió lên tra hỏi. Lời Thần gió khai rằng : « Vì có người lái buôn, buôn mấy thuyền thóc gặp phải độ không gió, không sao về được, mới làm lễ cầu phong, cho nên tôi phải thổi gió cho thuyền nó chạy ». ⁷

- Người làm việc nhà Trời như thế thật là bất công, bất chính. Kẻ đói người cùng, thì không thấu tình thương đến nó. Còn đứa giàu nó đem lễ vật nó dâng, thì tham của tối mắt lại, nó bảo làm chi cũng làm.

Đoạn Trời phạt tội Thần gió, bảo phải bắt người phú thương kia đền trả người ăn mày một bát gạo. Người phú thương cũng chịu đền. Nhưng nó không khỏi oán Thần gió. Nên mới có câu người ta vẫn thường ví rằng :

*« Ăn mày đánh đổ cầu ao,
Vì lời Phong suy ⁸ cho tao phải đền ».*

CÁI GÌ TO HƠN

Xưa có ba người, một hôm, ngồi uống rượu, tán chuyện cùng nhau. Ba người hỏi nhau câu rằng : « Như trong nhà thì cái gì công to hơn cả ? »

Một người nói : « Cứ như tôi, thì cái nhà ở công to hơn cả ».

Người nữa nói : « Như ý tôi, thì cái bếp nấu công to hơn cả ».

Người thứ ba nói : « Như tôi nghĩ, thì cái giường nằm lại công to hơn cả ».

Ba người nói mỗi người một lẽ, không ai chịu ai, cứ cãi lẫn nhau mãi. Chợt thấy một ông già ở đâu hiện xuống giữa sân, tóc vàng rời rợi, mình mặc áo vàng, đầu đội khăn đỏ, vừa cao vừa đẹp, cất tiếng nói rằng : « Cái nhà che nắng, che mưa, ở được yên lành, cái bếp nấu nướng đồ ăn, ăn được no nê, cái giường nằm ngồi nghỉ ngơi sức được khỏe mạnh. Ba cái cũng có ơn to cả. Các người chớ khá tranh giành cãi nhau vô ích ». Nói xong, ông già lại hát một câu rằng :

*« Công ơn nhất thì cái nhà,
Nhì thì cái bếp, thứ ba cái giường ».*

Rồi ông biến mất.

MƯỜI VOI

Xưa một nhà có ba người con rể. Hai người rể lớn thì giàu có. Còn người rể thứ ba thì nghèo khổ, không có cóc khô gì, nhưng được cái mồm nói huyếch, nói hoáng, chỉ một tắc đến trời. Khi bố vợ mất, hai người rể lớn, người thì đem lợn gạo, người thì đem gà, vịt đến làm lễ viếng.

Còn anh thứ ba trơ ra chẳng có gì, lại còn đon đả nói ở nhà vợ rằng : « To gì con lợn ! Lớn gì gà, vịt. Để ta đi mua hẳn mười voi thật to, thật lớn về làm lễ cúng cho mà xem ».

Nói rồi bỏ đi. Đi luôn mấy hôm, cả nhà đợi mãi chẳng thấy về. Cấp kỳ đến lúc đám đã cất rồi, mới thấy anh ta lù lù dẫn cái mặt đến, vừa làm ra bộ giận dữ, vừa như lấy làm tiếc xót xa trong lòng mà phàn nàn rằng : « Rõ thật tức của mình ! Mình định mua thật kỳ được mười voi. Một người đã có tám con đem bán, mình bảo được đủ cả mười mới mua. Họ đi kiếm mãi không xong, rồi lại bỏ đi mất hút đằng nào, làm cho mình chờ đợi mất công mà vô ích ».

Thì thật quả là : « *Mười voi không được bát nước xáo* ». Câu tục ngữ nói nào sai.

NEM CÔNG, CHẢ PHƯỢNG, RÂU RỒNG

Xưa ở gần chốn kinh kỳ có một nhà của cái giàu có, ăn uống xa hoa không thiếu thứ gì.

Một hôm, chồng muốn thử vợ, nói rằng : « Kể cả miếng ăn, thì nhà ta đây không còn thềm thuồng gì nữa. Thiên hạ xưa nay vẫn cho ở đời có ba thứ ăn ngon nhất là « nem công, chả phượng với râu rồng » Chả phượng với râu rồng thì ta đã từng được nếm qua rồi. Chỉ còn thứ nem công, ta chưa được ăn bao giờ cả. À này mình ạ ! Tôi thấy ở vườn cấm nhà vua, có một con công to lắm. Hay ta đi bắt trộm về ta làm thịt, hai vợ chồng ăn cho biết mùi ».

Vợ nghe nói, thềm nuốt nước dãi, bảo chồng mau mau làm thế nào được công ăn, thì làm. Chồng may mò cố đi lấy trộm được con công về cho vợ trông thấy thật. Nhưng đến lúc làm thịt, thì đem công giấu đi một nơi, rồi lấy thịt gà giả làm nem công. Vợ ăn tấm tắc khen ngon, cho chồng là người sành sỏi.

Được mấy hôm, trong vườn cấm, thấy mất công, lập tức có lời rao ra rằng : « Ai lấy trộm công của nhà vua, thì người ấy có tội. Còn ai bắt được người lấy trộm của nhà vua hay tìm đâu thấy công đem về nộp, đàn ông thì được làm quan to, đàn bà thì được phong tước Phi ».

Đã được ăn nem công, vợ nghe thấy rao, lại còn muốn làm bà Phi liền lên quan tố giác là chính chồng mình đã lấy trộm công để ăn thịt. Quan lập tức sai lính đi bắt chồng điều đến.

Người chồng vừa đến vừa đem công theo, và thưa quan rằng : « Con công nó đâu lạc vào nhà tôi. Tôi thử lòng vợ tôi, hỏi có muốn ăn nem công không. Nó thèm quá đòi ăn thật. Nhưng tôi không làm thịt công sợ mang tội. Tôi phải đem giấu đi một nơi, mà làm thịt gà thay vào. Bây giờ nó lại đi tố giác tôi, xin quan soi xét ».

Quan nghe nói, xử tội người vợ và phong cho chồng nó được làm quan. Bởi có sự tình này, mới có câu hát rằng :

*« Nem công, chả phượng, râu rồng,
Có hai vợ chồng chẳng hết lòng nhau ».*

TRẠNG ẾCH

Xưa có ông quan lấy một nàng hầu rất đẹp. Nhưng vì tại vợ cả ghen tuông quá lắm, ông quan phải đưa tiền bạc cho người nàng hầu về đi lấy chồng khác. Người nàng hầu đi giữa đường, gặp một anh câu ếch, phải duyên phải kiếp làm sao lấy ngay làm chồng và ăn ở với nhau thuận hòa lắm.

Một hôm, người câu ếch câu được một con ếch vàng to. Nhân ngày giỗ cha, chồng bảo vợ làm thịt con ếch để cúng. Khi làm thịt, vợ thấy trong mình con ếch cho một hòn ngọc bèn đưa cho chồng. Cách đó ít lâu, có chiếu trong triều ban ra nói là vua đau mắt, ai có ngọc ếch đem dâng để vua rỏ mắt mà vua qua khỏi, thì sẽ được phong làm quan. Người câu ếch bạo dạn xin vào chữa. Vua khỏi, người ấy được làm một chức quan nhỏ.

Năm sau, phải đi đại hạn, vua lại ra chiếu khắp trong nước rằng ai cầu được cho trời mưa ngay, thì vua cho làm trạng nguyên. Viên quan câu ếch, quen xem chân ếch, biết trời gần mưa lại quả quyết ra ứng chiếu xin cầu cho trời mưa. Sáng làm lễ cầu đảo, thì chiều đến, trời quả mưa to, và mưa rất nhiều.

Vua và các quan coi người câu ếch xấu xí đê hèn không đáng làm ông trạng. Nhưng trót đã có lời chiếu, bất đắc dĩ cũng phải cho làm Trạng thật, nhưng gọi giễu là « Trạng Ếch ». Rồi sai luôn đi sứ sang Tàu cho khỏi thấy mặt. Trạng Ếch không biết đi sứ là thế nào. Nhưng đã có lệnh trên, không lẽ từ chối, cứ phải đi xem sao. Khi sang đến Tàu, lại gặp cả ba ông sứ ba nước khác cùng đến.

Một hôm, vua Tàu đãi tiệc chung cả bốn sứ. Trên bàn có bốn chiếc bánh. Ba ông sứ kia chưa kịp ăn, thì Trạng Ếch đã vội xơi luôn cả bốn. Bỗng chốc thấy viên quan Tàu ngồi tiếp yến, giơ ra *bốn ngón* tay. Ba viên sứ kia không hiểu ra sao cả. Chỉ có Trạng Ếch tưởng viên quan Tàu chê mình ăn những bốn cái bánh, liền đưa cả hai bàn tay xòe ra *tám ngón* có ý bảo « *Tám* chiếc bánh như thế, ta ăn cũng hết ».

Một chốc lại thấy quan Tàu lùa một ngón tay vào giữa bụng. Ba viên sứ kia vẫn không hiểu gì cả. Chỉ có Trạng Ếch, tưởng viên quan ấy chê mình ăn lắm nút bụng ra, liền sẽ đưa bàn tay ra mà vỗ, có ý bảo « Bánh ăn nhỏ bằng lòng bàn tay, có gì mà nút bụng ».

Bữa yến xong, Trạng Ếch thấy viên quan Tàu kính phục mình hơn trước nhiều, rồi vào tâu với vua Tàu. Thì thấy vua Tàu cho vời đến và phong cho làm « Lưỡng quốc Trạng nguyên » rồi ban cho bao nhiêu vàng bạc, găm vóc mà trở về nước.

Khi về đến nước nhà, vua quan đều phải trọng vọng không dám khinh lờn gọi là « Trạng Ếch » nữa mà tôn gọi là « Trạng hai nước ». Nhưng cả nước vẫn không ai tán ra tại sao chỉ vì ăn bánh, giơ ngón tay, và vỗ bàn tay mà khiến cho người Tàu phải tôn kính đến thế.

Mãi sau mới có người Tàu diễn ra rằng. Viên quan Tàu, khi giơ bốn ngón tay là ra vế đối : « *Tư di lai tân* »⁹

Mà trạng An-Nam giơ tám ngón tay là để đối lại : « *Bát man tiến cống* »¹⁰

Còn khi viên quan Tàu lùa một ngón tay vào bụng là ra

vẽ đối : « *Hung trung binh giáp* »¹¹

Mà trạng An-nam vỗ tay là đối lại : « *Chưởng thượng kinh luân* ».¹²

CÓ AI LÀM CHỨNG

Xưa có ông nhà giàu chỉ làm nghề cho vay lãi. Trong vùng, có một nhà đói khó vay ông được ba mươi quan tiền. Ông nhà giàu đi đòi đã năm bảy bận, mà nhà ấy không sao trả được, cứ khất lần. Một hôm ông đến đòi nữa thì cả nhà đi vắng, chỉ có một đứa bé đang tinh nghịch ngoài sân. Ông mới hỏi đứa bé rằng : « Cha mẹ mà đi đâu vắng cả ? ».

Đứa bé làm thinh không đáp. Ông kia tức mình hỏi mãi : « Cha mẹ mà đi trốn nợ, hay đi đâu ? Mà phải nói cho thật ».

Đứa bé bấy giờ mới thủng thỉnh đáp rằng : « Cha tôi thì đi chém cây sống, trồng cây chết. Mẹ tôi thì đi bán gió mà mua que ».

Ông kia nghe nói, chẳng biết cha mẹ nó làm cái gì, mà nó nói lạ thế. Ông gặng hỏi nó đôi ba lần, nó cứ cười không đáp ra sao cả. Thấy vậy, ông mới dỗ dành nó rằng : « Cha mẹ mà làm nghề gì, mà cứ nói cho thật. Rồi cha mẹ mà còn nợ tao bao nhiêu, thì tao cho mà cả, tao không đòi nữa ».

Thằng bé làm ra chuyện ngù ngừ nói rằng : « Tôi biết ông lừa tôi đấy ! Ông cứ nói chuyện đưa trâu qua đò làm gì thế ! »

Ông kia bảo : « Không tao nói thật mà ! »

Nó nói : « Thật à ! Thế thì tôi phải đi mời người đến làm chứng. Rồi tôi hãy xin nói ».

Ông kia nghĩ bụng « Thằng bé này đáo để ». Thì ngay lúc ấy, vừa trông thấy một con mối, ông mới xui trẻ ăn cứt gà,

mới bảo với nó rằng : « Có con mỗi kia làm chứng cho cũng được rồi. Mà cứ nói đi ».

Thằng bé có chứng cứ tử tế mới nói rằng : « Cha tôi đi chém cây sống, trồng cây chết tức là cha tôi đi cấy, còn mẹ tôi đi bán gió mua que tức là đi bán quạt ».

Ông kia nghe nói, ngẫm nghĩ chịu thằng bé là tài, trở ra về. Cách được mấy hôm, ông ta lại cứ đến hỏi nợ. Người cha lại năn nỉ xin khất, nhưng thấy thằng con lon ton chạy ra bảo : « Cha không phải trả món nợ ấy nữa. Ông ấy đã cho con cả rồi ».

Ông kia nói : « Trẻ con đừng nói láo ! Ai cho mà ? »

Nó bảo : « Thì có chứng cứ tử tế, ông còn cãi gì ».

Ông kia giận giữ vùng vằng ra về, lẩm bẩm dọa rằng : « Ừ rồi tao xem cha con nhà mà có phải trả tao không ! »

Người cha nghe nói sợ hãi, hỏi lại con : « Ông ấy bảo cho mà nợ, mà nói có chứng cứ, thì chứng cứ gì mà chứng cứ đâu ? »

Thằng con nói : « Cha chớ lo. Cha cứ đừng trả, để đó mặc con. Khôn ngoan lên đến cửa quan mới biết ».

Quả nhiên được mấy hôm, có trát quan về đòi người kia lên thật. Vì ông nhà giàu đã đầu đơn kiện tại công đường. Người cha cứ thực, trình rằng : « Bẩm, tôi có nợ ông ấy ba mươi quan tiền. Tôi đã có lời khất rồi tôi xin trả. Nhưng con tôi nó bảo đừng trả, vì ông ấy đã cho nó cả rồi, mà nó lại có chứng cứ tử tế ».

Ông nhà giàu cãi : « Thằng bé nó nói láo ! Chớ tôi cho nó

bao giờ đâu, mà có chứng cứ gì đâu. Xin quan cho đòi nó lên mà tra hỏi ».

Quan nghe, lập tức cho đòi thằng bé lên. Thằng bé vào quan, chào lạy rất lễ phép, rồi kể lại rành mạch đầu đuôi câu chuyện. Quan hỏi vặn nó : « Nhưng lúc bấy giờ có ai làm chứng cho câu nói của ông kia không ? »

Nó thưa : « Bẩm có, có người làm chứng, chính ông ấy, lúc bấy giờ, chỉ vào một con mối đang leo cột nhà bảo làm chứng ».

Ông kia nghe nó nói sai đở mặt cãi rằng : « Lúc ấy chỉ có con mối đậu trên chiếc đĩa cả, chớ làm gì có con mối leo ở cột nhà ».

Quan nghe ông kia cãi, cười mà nói rằng : « Thế thì ông có nói cho nó thật rồi. Mà lúc ông nói, có con mối làm chứng cho nó thật rồi. Ông còn cãi gì nữa. Ông tưởng lừa trẻ được, nhưng ngờ đâu nó lại lừa được ông. Con cháu bây giờ thật khôn hơn ông vài dấp ông à ».

Rồi quan xử cho người kia không phải trả nợ nữa. Ông nhà giàu phải cắn răng chịu, lấy làm căm tức lắm, nhưng trong bụng vẫn khen thầm thằng bé sao mà khôn ngoan tài giỏi đến bực ấy. ¹³

CÂU ĐỐ NÊN VỢ NÊN CHỒNG

Xưa có người học trò đi hỏi vợ, gặp phải chị ả hay ví von đối đáp, thách rằng : « Gái này chẳng văn chương, phụ lục gì cả, gái này chỉ đố một câu, hễ chàng đáp được, thì gái này bằng lòng ». Người học trò ừ. Người con gái liền đố rằng :

*« Dưới đời gì lớn hơn voi ?
Gì cao hơn núi, gì dài hơn sông ? »*

Người học trò khẩu ứng đáp ngay rằng :

*« Anh đây dạ lớn hơn voi,
Tiếng cao hơn núi, tình dài hơn sông ».*

Chị ả chịu là tài. Rồi, chỉ vì một câu đối đáp ấy mà nên vợ nên chồng.

CÓ VÚ, KHÔNG ĐẦU

Một hôm, một người vào rừng bắn chim. Có đứa con gái hát bõn một câu rằng :

*« Chim gì trên rừng có vú,
Cá gì dưới bể không đầu ?
Anh mà đối được,
Em xin làm hầu thứ hai ».*

Người đi bắn liền đáp lại rằng :

*« Con dơi trên rừng có vú,
Con cua dưới bể không đầu.
Anh đã đối được,
Em về làm hầu nhà anh ».*

Đứa con gái nghe đáp, cầm đầu chạy mất.

QUÍT LÀM, CAM CHỊU

Xưa có hai người, một người bé nhỏ tên gọi là Quít, một người to lớn tên gọi là Cam, hai người kết bạn, đi lại với nhau thân lắm, không mấy khi rời nhau. Một hôm, Quít rủ Cam đi chơi. Quít bảo Cam rằng : « Tôi đưa anh đến nhà trò, anh em ta đánh bạc chơi ».

Cam từ chối : « Tôi không biết đánh... »

Quít nói : « Anh không biết đánh, thì anh ngồi anh xem tôi đánh, cũng vui đáo để ».

Cam nể lời cùng đi với Quít. Đến nhà trò hai người cùng ngồi vào đám bạc. Một mình Quít đánh, Cam ngồi bên xem, thì thấy Quít thò đánh cái nào, là thua cái nấy. Càng thua Quít càng cay, đánh bao nhiêu tiền lưng đã hết sạch, còn vay thêm nhà trò nữa.

Lúc tan cuộc bạc, Quít đứng lên khất với nhà trò rằng : « Cái chỗ tôi còn chịu đấy, xin khất năm ba bữa nữa, tôi sẽ đem lại trả phân minh ».

Chủ nhà trò bảo : « Giấy trắng mực đen là đèn thiên hạ, chú phải làm giấy ký kết cho tôi thế nào mới được ».

Quít không lẽ chối, phải cầm đầu viết văn tự nợ, rồi đưa cho nhà chủ. Nhưng chủ nhà trò, còn chưa chịu, bảo rằng : « Hiện nay có chú Cam đây, chú ấy cũng phải ký kết vào văn tự này mới được. Bằng không thì hai chú cũng không được về ».

Quít thấy vậy, dỗ Cam rằng : « Sự vay mượn mặc tôi, không việc gì đến anh cả. Thế nào, rồi tôi trang trải cũng

xong. Bây giờ anh chỉ ký qua vào đây vài chữ để hai ta về cho khỏi lòi thối. Anh đừng ngại gì cả ».

Cam thấy Quít nói khôn khéo, cũng bùi tai nghe, hạ bút ký tên vào văn tự. Hết hạn khát, nhà trò cho người đến nhà Quít hỏi nợ. Quít gay gắt nói rằng : « Quít quít đấy ! Quít quít đấy ! Quít không trả đâu mà đòi ».

Nhà trò không biết làm thế nào, đến nhà Cam hỏi. Cam ngon ngọt bảo rằng : « Tiền là anh Quít anh ấy vay, chớ tôi có vay đâu mà đòi ».

Tay nhà trò, không phải tay vừa, nó dọa rằng : « Tôi chẳng biết Quít Cam, Cam Quít nào cả. Tôi cứ chiếu tên ký trong văn tự tôi đòi. Món tiền đây kể cũng không bao nhiêu, các anh mà biết điều, thì các anh phải trả ngay tôi, kéo tôi đem lên thưa quan thì chẳng những các anh phải trả nợ tôi, mà các anh lại còn thêm tù tội nữa ».

Cam thấy nhà trò nói cứng, phải đấu dịu hỏi rằng : « Thế hiện nay tính cả gốc lãi là bao nhiêu ? »

Nhà trò nói : « Chẳng có mấy, cả gốc lãi, chỉ có ba mươi sáu quan thối ».

Cam nghĩ đã trót đại, không biết làm sao được, vả lại sợ lòi thối đến việc thưa kiện, bất đắc dĩ phải vào nhà lấy đủ ba mươi sáu quan tiền trả cho nhà trò mà đòi văn tự lại. Lúc nhà trò đi khỏi, Cam tìm đến nhà Quít lấy điều phải chăng, nói với Quít rằng : « Tôi đã trả nợ cho nhà trò rồi, bây giờ anh trả lại cho tôi. Chẳng lẽ anh lại để tôi phải trả món tiền mà chính tôi không được tiêu đồng nào. Cái tình anh em, thân mật quăn quít với nhau, anh nên nghĩ lại ».

Quít không để nói hết, lên giọng chanh chua lắp liếm rằng : « Quít quít, Quít quít đấy ! Cam làm chi thì Cam cứ việc làm ».

Cam thấy Quít đâm liều, còn biết làm thế nào, đành lủi thủi về nhà, vừa đi vừa lẩm bẩm một mình : « Quít làm Cam chịu, Quít làm Cam chịu. Sự đã trót vậy, ta cam tâm chịu vậy ».¹⁴

CHÚ LÍNH ĂN KHOAI

Xưa có người đi lính đã lâu năm, lúc mãn khoa về trong lưng chỉ còn được ba đồng tiền. Anh ta đi qua một cái chợ, trong bụng đói lả, nhưng không biết ăn gì cho vừa tiền. Khi dạo qua hàng cháo, nhà hàng cháo mời ăn, thì anh ta nói rằng : « Cháo ăn lỏng vỏng tôi chẳng ăn cháo ».

Khi lượn qua hàng xôi, nhà hàng lại mời ăn, thì anh ta nói rằng : « Lòng đang bồi hồi, tôi chẳng ăn xôi ».

Sau đến qua hàng khoai lang, thấy bày ra từng củ, nhà hàng cũng chào mời. Anh ta nghĩ bụng ăn khoai có lẽ vừa tiền, mới hỏi rằng : « Mấy đồng một củ ? »

Nhà hàng nói : « Ba đồng ».

Anh ta mặc cả : « Hai đồng Bán chẳng ? »

Nhà hàng nói : « Ừ thì tôi bán rẻ cho cậu ».

Người lính bèn ngồi xuống ghế, vắt chân chữ ngũ, chọn một củ khoai, bóc vỏ tươm tất để lại một bên, rồi bửa khoai ra. Ăn xong, anh ta làm ra dáng, gọi nhà hàng bảo : « Bớ cô nhà hàng múc tôi bát nước ».

Lúc nhà hàng ngoảnh vào múc nước, anh ta còn đói, vội bốc ngay đồng vỏ khoai bóc ra lúc nãy bỏ vào mồm. Nhà hàng cầm gáo nước quay ra, thấy anh ta đang lùng bùng nhai, hỏi rằng : « Cậu ăn gì thế ? »

Bảo ăn vỏ khoai sợ xấu hổ, anh ta phải nói rằng : « À, tôi ăn đồng đâu ».

Nhà hàng nói : « Một đồng đâu, hai đồng khoai là ba

đồng ».

Bấm lưng chỉ có ba đồng tiền, mà nhà hàng đã tính cả ba đồng rồi, người lính đành xĩa ra trả, rồi bấm bụng đứng dậy đi, không dám ngó tới bát nước nữa. Vì truyện này nên mới có câu người ta thường hát rằng :

*« Vắt chân chữ ngũ,
Đánh củ khoai lang,
Bớ mụ nhà hàng !
Rót anh bát nước ».*

BẮT TÉP NUÔI CÒ

Xưa có hai vợ chồng nhà nghèo đi mua đôi cò trắng về nuôi, định để kiếm lời. Ngày nào, vợ chồng cũng đi tát đằm, tát đìa để nhặt con tôm con tép, về cho cò ăn. Cò ăn nhiều, mỗi ngày cò một béo.

Cách năm ba tháng, hai vợ chồng một hôm bàn với nhau rằng : « Ta nuôi cò lâu ngày, cò đã quen ta lắm rồi. Bây giờ ta đem nó ra sông cho nó kiếm ăn lấy. Ta khỏi mất công mò tôm, mò tép nuôi nó ».

Nói rồi, hai vợ chồng đem hai con cò ra bờ sông thả. Nhưng cò được rộng chân, chẳng thấy cò bảo nhau xuống sông kiếm ăn, lại thấy cò vù vù bay đậu ngay trên một cái cây cao gần đó. Hai vợ chồng thấy thế, trước còn đứng nhìn, sau đợi mãi, nóng ruột chồng bảo vợ lên bắt, vợ bảo chồng đuổi xuống. Đôi cò bỏ cây bay đi nơi khác, chồng lại bảo vợ chạy theo, vợ lại bảo chồng đón lại. Nhưng đôi cò cứ thế nó bay mãi, nó bay xa, một con nó bay lên ngàn, một con nó bay ra bể. Hai vợ chồng tiu nghỉu, đành vể tay không, trong lòng luống những thiết tha, tha thiết. Có người biết chuyện, theo sau, ghéu ngao câu rằng :

*« Công anh bắt tép nuôi cò
Cò ăn cho lớn cò dò lên cây ».*

CHỬA ĐÁNH, ĐÁNH ĐƯỢC

Xưa có một nhà có một nương khoai thật lắm củ. Phải một đêm, có đứa nghèo đói đến đánh trộm mất ít khoai. Nhà chủ bắt hụt, hung hăng tức giận, đỏ mặt tía tai, bảo rằng hễ bắt được đứa lấy trộm thì đập cho kỳ chết. Đêm sau ra nương rình, quả nhiên, tên nghèo đói lại đến đánh trộm khoai nữa. Nhà chủ vớ được, sẵn gậy trong tay, vụt lấy vụt để một hồi. Nó kêu, nó la, nó rên, nó khóc, nó giả giẫy chết, nó nằm lăn ăn vạ. Nhà chủ sợ cuống tái cả người phải dỗ dành nó, phải xin van nó, phải biếu nó khoai, phải cho nó tiền lại phải đem nó về tận nhà. Người làng biết ai cũng cười rằng. Rõ thật :

*« Chửa đánh được người đỏ mặt như vang,
Đánh được rồi mặt vàng như nghệ ».*

Từ đó về sau, người kia cách cho đến già.

BÀ CHỦ VÀ NGƯỜI ĐI CÀY

Xưa có một bà chủ, một hôm bảo thằng người nhà đem trâu ra ruộng cày và dặn nó trước rằng : « Khi nào nghe thấy tiếng cốc kêu, thì hãy về nhé ».

Người kia cày suốt buổi, đã mệt nhọc chán chê lại bụng đói như cào, mà đợi mãi, cũng chẳng thấy tiếng cốc kêu đâu cả. Người ấy buồn bực mới hát rằng :

*« Cốc kia sao chẳng thấy kêu,
Để tao cày mãi đến khi nao mới được về ».*

Bà chủ mãi không thấy thằng người nhà về, nghĩ bụng rằng : « Tại nó chưa nghe thấy tiếng cốc kêu, cho nên nó không dám về ». Rồi bà bèn ra đứng núp dưới bụi cây, giả làm cốc kêu to lên cho nó nghe thấy tiếng.

Khi nó thấy tiếng tưởng rằng cốc kêu thật, nó lấy làm giận lắm, vừa tháo bắp cày vừa lầu bầu rằng : « Cốc gì mà cốc ! Cả buổi đi đâu, đến giờ mới cốc. Tao xem cho mày ». Rồi nhân cái bắp cày cầm tay nó đem, nó phang luôn vào bụi định đập cho chết cốc.

Ngờ đâu ! nó thấy bà chủ trong bụi chui ra, vừa run vừa nói : « Chớ đánh ! Chớ đánh ! Tao đây ! Tao đây ! Không phải cốc đâu ».

Thằng người nhà thấy vậy bật cười. Và cả bao nhiêu người làm đồng gần đấy cùng đều chê cười cả bà chủ lẫn đứa ở. Bởi truyện này, mới có câu người ta thường hát rằng :

*« Cày thời cứ buổi mà về,
Đừng nghe tiếng cốc, kẻ chê người cười ».*

VỢ HAI, VỢ CẢ

Xưa có một người lấy hai vợ. Vợ cả thì đẹp mà hiền lành. Vợ hai đã xấu lại chua ngoa, độc ác. Ban đầu hai người vợ cùng ở chung một nhà. Nhưng sau, hai người ngày nào cũng cãi nhau, đánh nhau, chồng không sao chịu được, cho mỗi người ở riêng ra một nhà, nhưng không cách xa nhau mấy. Có một khi người chồng đi buôn bè vắng, vợ cả nghe thấy vợ hai ở bên nhà ghéu ngoa hát rằng :

*« Chồng chung, chồng chạ !
Ai khéo hầu hạ,
Thời được chồng riêng
Chi mà sợ, chi mà kiêng ! »*

Vợ cả biết nó muốn gây sự với mình, cứ làm thinh không nói năng gì cả. Nhưng trong bụng không thể không giận được. Hôm sau về nhà, kể chuyện cho mẹ, cho em nghe.

Mẹ thì khuyên : « Một sự nhịn là chín sự lành. Thôi, con hãy cứ nhịn nó đi, đừng đối đáp nó làm gì. Đợi chồng con về sẽ hay ».

Em cũng nhủ rằng : « Cần chi phải để tâm. Chị không nghe người ta nói.

*Dù anh năm bảy nàng hầu,
Em đây cũng cứ ngồi đầu chính thê ! »*

Người kia nghe mẹ, nghe em nói, yên lòng về, tịnh vô không một lời gì nặng nhẹ cả. Nhưng cái trò đời, được đằng chân, lân đằng đầu, vợ hai thấy vợ cả càng nhịn bao nhiêu, lại càng làm già bấy nhiêu. Nó độc ác lấp tâm làm cho mất

tăm mắt tích đi.

Một đêm nó thuê mấy tên con quan giết chết người vợ cả, đem chôn một nơi, rồi sẵn có thây chết trôi bên sông, nó cho lôi vào nhà, rồi đốt cháy cả nhà vợ cả, lẫn cả nhà nó

Cách đó một tháng, người chồng đi buôn mới về. Nghe thấy câu chuyện nhà tuy có thương tiếc vợ cả, nhưng không nghi ngờ gì, lại lấy tiền làm nhà ở nơi đất cũ, và lo làm ăn như trước

Có một hôm, người chồng đang ngồi trong hiên nom ra, người vợ hai đang giặt áo ngoài cầu ao, thì bỗng thấy có con chim xanh bay đến, đậu trên cành cây giữa sân, hót to lên rằng :

*« Giặt áo chồng tao,
Thì giặt cho sạch
Giặt mà không sạch,
Tao vạch mặt ra ».*

Người vợ hai nghe nói, sợ tái người đi. Còn chồng nghe hót, lấy làm lạ. Khi người vợ giặt áo xong sắp đem phơi, thì lại thấy con chim hót rõ ràng rằng :

*« Phơi áo chồng tao,
Thì phơi bằng sào
Đừng phơi hàng rào,
Tao cào mặt ra ».*

Người chồng nghe phảng phất như tiếng vợ cả xưa, bèn chạy đến gốc cây, rũ tay áo ra, nói rằng :

« Xanh xanh kia hỡi xanh xanh !

Có phải vợ anh, chui vào tay áo ».

Thì con xanh xanh quả nhiên bay vào trong tay áo thật. Rồi một chốc biến đâu mất, không thấy nữa ¹⁵. Người chồng bấy giờ mới nghi ngờ, đem người vợ hai ra tra khảo. Vợ hai không dám giấu giếm, phải thú thật cả đầu đuôi. Rồi sợ quá, đến đêm ra đâm đầu xuống ao tự tử.

VĂN MAI VÀ THỊ MẬT

Xưa có hai người, người con trai tên là Văn Mai, người con gái tên là Thị Mật, bên chưa có vợ, bên chưa có chồng. Một hôm, Mai đi chơi gặp Mật muốn kết đạo tào khang, mới hát đùa một câu rằng :

*« Có duyên ta gặp nhau đây
Sông Ngân xin bắc ngày này cầu Ô ».*

Mật nghe hát, không thèm nói đi nói lại. Sau cứ lải nhải mãi, lấy làm giận lòng, mới hát đáp lại câu rằng :

*« Thiếu chi kẻ đón người đưa,
Trong như bột lọc, vẫn còn chờ nước trong ».*

Mai nghe câu hát, nghĩ sự khó khăn, bèn về cậy băng nhân đi hỏi Mai nói với băng nhân rằng : « Bà cố khéo ngọt ngon đầu lưỡi thế nào, may ra cô ả êm tai xong việc, thì tôi xin đền trả công bà thực hậu ».

Băng nhân đi ngỏ lời nghe chừng đàn đã êm cung, tơ hồng muốn kết, chỉ hồng dễ xe, bèn về nói với Mai định ngày nạp cát để rước Mật về mà hòa hợp lứa đôi.

Hôm cưới Mật về nhà, Mai giả làm ra ý giận. Đêm tuy nằm chung một chiếu một giường nhưng nghĩ muốn làm cho Mật biết sợ trước, cứ ngoảnh mặt vào tường, không nói không rằng gì cả Thị Mật khi ấy không biết dỗ dành thế nào, mới lên giọng ngọt-ngào hát một câu rằng :

*« Xin anh ngoảnh mặt ra ngoài
Đến mai em sẽ đi chợ mua mật với khoai mài anh ăn ».*

Trước, Mai còn làm thình, nhưng thấy Mật cứ lời bàn giải, nghe tiếng dịu dàng êm-ái, mới thuận đạo vợ chồng. Rồi từ đó Mai Mật quấn-quít với nhau, một dây một buộc ai giằng cho ra. Cho đến lúc chết cũng còn quyến luyến cùng nhau không rời nhau ra được. Vì người ta cho rằng Mai chết thì hóa làm khoai mài, Mật chết hóa làm cây mía, và thành ăn khoai mài phải có mật chấm mới ngon là sự tích thế.

MỘT HẠT TRỜI CHO

Xưa một nhà có hai anh em, anh thì giàu có, em thì nghèo khổ. Em mới đến nói xin anh ít ruộng để cày. Anh nghĩ cũng thương tình, chia cho em một nửa ruộng. Nhưng quái cái số nó xui khiến ra sao :

*« Nhà giàu trồng lau ra lúa
Còn nhà kẻ khó trồng lúa ra lau ».*

Mà khu ruộng của anh thì lúa mọc đều đặn tốt tươi, còn khu ruộng của em thì vên vẹn chỉ được có một bông nhưng cái hạt thật to. Tại trời làm, đến ngày ngọn lúa cô độc khi vừa chín có con quạ từ đâu bay đến, nó mổ vào cái hạt mà tha đi. Người em luống cuống chạy đuổi theo con quạ, đuổi mãi đến một nơi rừng rậm, thì thấy con quạ nhả hạt gạo trao cho một bà Tiên.

Người kia đang dơ dẫn thế nào thì bà Tiên gọi lại bảo rằng : « Người muốn gì, ta cho người ước ba điều, ta sẽ cho được như ý sở nguyện ».

Người kia cuống quít nói rằng : « Tôi chỉ ước được nhiều lúa, nhiều người và nhiều vàng bạc ».

Nói vừa xong, cả bà Tiên, cả con quạ, cả hạt thóc biến đi đâu mất. Người kia thất vọng đành trở về nhà thì quái lạ ! Trong nhà thấy lúa, thấy người và thấy vàng bạc từ đâu đến đã đầy dẫy cả ra rồi. Bởi truyện này, mới có câu tục ngữ rằng : « Một hạt trời cho, bằng kho người làm ».

THỊT BÒ, LỘC SẴN

Xưa có một anh làng cày trong nhà cũng khá, dư dật miếng ăn. Anh ta sinh được một đứa con trai cho ăn, cho học ân cần chu tất.

Đứa con đi học, tính đã mười hai năm tròn nhưng chỉ biết lếu láo năm ba quyển sách, chớ chưa hòng thi cử gì được. Song cái trò, dốt vẫn hay khoe, con vẫn thường nói với bố rằng : « Tôi học thật giỏi đi rồi, không còn kém cạnh ai nữa ».

Cha nghe con nói, có ý mừng thầm, chắc rồi con ta thế nào cũng làm nên. Nên chi ngồi đâu, đi đâu, cha cũng khoe với thiên hạ rằng : « Con tôi học thật giỏi đi rồi. Rồi sau cũng có thịt bò ăn mà chớ ! »

Có một hôm, gặp một người rất béo lẻo, biết anh ta thường hay khoe như thế, mới nói mơn với anh ta rằng : « Ông bảo con ông đã giỏi, là thịt bò cầm chắc rồi. Nhưng mà thịt bò phải có lộc sẵn mới ngon. Bây giờ tôi coi trong nhà ông đây chưa có cây sẵn nào cả. Đợi đến khi cậu cả thi làm nên thì lấy gì mà ăn với thịt bò ? »

Anh kia thật thà nói : « Tưởng cần gì mới khó, chớ cây sẵn thì ta trồng được ».

Người kia phỉnh luôn rằng : « Nay, muốn ăn hết thì phải đào giun, thì muốn ăn thịt bò, phải trồng sẵn ».

Lúc người kia nói chuyện ra về, anh ta liền đi lùng khắp nơi, mua bao nhiêu sẵn trồng đầy một nương. Khi nương sẵn tốt đẹp rồi, anh ta liền tìm đến nhà người nói khéo kia, bảo

rằng : « Trước kia bác nói nhà tôi không có sẵn. Bây giờ bác thử lại nhà tôi mà coi, xem biết cơ man nào mà kể. Tha hồ mặc sức cả làng, cả huyện ăn cũng không hết ».

Người kia nghe nói, hỏi kháy rằng : « Sẵn đã nhiều rồi thật à ? Thế thì bò đã có chưa ».

Anh kia đáp : « Chưa có ».

Người kia rằng : « Thế thì còn đợi đến bao giờ ? Bò mà chưa có, thì lộc sẵn rồi ăn với gì ? »

Anh kia nghe nói, liền về nhà lấy tiền bậm bậm bổ bổ đi tậu bò về nuôi. Từ đó, ngày đêm anh ta cứ ngồi mà khẩn cho chóng đến khoa thi.

Khoa thi gần đến, anh ta giục con sắm sửa vào lều vắc chõng vào trường. Không nói ai cũng biết, cậu con anh làng cày sức còn kém lắm, chưa kịp vào kỳ đệ nhất thì đã vội rút xuống biển rồi. Thiên hạ hay tin rủ nhau đến chọc anh làng cày ta đủ miếng. Người thì nói « Cậu học thế mới giỏi », kẻ thì rằng « Cậu thi ấy mới tài », người lại kêu « Bò nuôi mãi già đi », kẻ lại cười « Sẵn trồng lâu cối mất ! »

Anh làng cày bị mìa mai xấu hổ quá, điên tiết đem búa ra nường có bao nhiêu cây sẵn đang tươi tốt đều bổ đập xuống ráo. Còn bò, tức mình anh ra cũng cho đem ra chợ bán rẻ bán đắt cho mau không muốn trông thấy nữa. Thành thử, cả nhà, cả họ anh ta, cả người đồng hương đồng quán với anh ta và cả chính anh ta mong đợi con anh ta suốt đời mà không được hưởng cái vị thịt bò ăn với lộc sẵn nó ra thế nào cả.

CHƯA ĐỒ ÔNG NGHÈ

Xưa có một người học trò nghèo, nhưng hay chữ, ngày ngày thường đi học ở một làng khác. Gần đó có một cái đền thờ, hễ khi người học trò đi qua trước cửa, thì nghe thấy bên trong có tiếng chuyển động, như có người đứng dậy muốn chào hỏi. Một đêm người từ giữ đền nằm mơ thấy Thần về bảo rằng : « Mai đây, người phải sắm sửa ngoài đền cho trang trọng có Quan lớn vào chơi đền ta ».

Người từ y như lời, sớm mai dọn dẹp, quét tước, hầu nước đóm đèn thật tươm tất. Nhưng ngồi đợi suốt ngày chẳng thấy quan lớn quan bé nào đến cả. Mãi đến chiều tối mới thấy người học trò kia đi nghe sách về, ghé qua vào đền chơi. Người từ cho làm thường, không để ý đến. Cách mấy hôm sau, lại thấy ông Thần báo mộng như bận trước. Người từ lại quét dọn, sửa sang chờ đợi mãi cũng chẳng thấy ai, chỉ thấy người học trò độ nọ vào nghỉ đấy một lúc. Đến lượt thứ ba Thần lại báo mộng, người từ lại quét dọn, rồi cũng như hai lần trước, lại cũng chỉ thấy người học trò ấy thôi chớ chẳng thấy quan lớn, quan bé nào cả.

Người từ cho là sự lạ mới nhe mồm bảo người học trò rằng : « Thầy sau chắc làm nên công nghiệp lớn ».

Người học trò ngạc nhiên hỏi : « Anh lấy cái gì mà biết được trước ? »

Người từ nói : « Tôi hầu nhà Thánh đây, mấy bận thấy báo mộng rằng có quan lớn đến chơi, bắt tôi phải dọn dẹp, bắt tôi phải quét tước cho tươm tất. Mà bận nào tôi cũng

chẳng thấy quan lớn nào cả, tôi chỉ thấy một thầy đến thôi. Nên tôi chắc là ngày sau thế nào thầy cũng làm nên được Quan lớn ».

Người học trò nghe nói có ý mừng lắm. Đêm hôm ấy về nhà ngồi học ở dưới bóng trăng nghĩ thầm trong bụng rằng : « Mình học tài, làm nên Quan lớn là phải. Nhưng mình phải con vợ xấu quá không đáng làm Bà lớn chút nào. Mình mà đỗ rồi thì mình phải bỏ nó đi mà lấy một người vợ khác thật xinh đẹp ».

Sáng hôm sau, có người hàng tổng lại đòi nợ. Vừa bước vào đến sân, thì người học trò đã lên mặt mắng luôn rằng : « Ta chưa có mà trả. Chớ nên cậy giàu vội ! Khoa này ta đỗ về, ta sẽ liệu dỡ vườn đất nhà người ta ở, rồi xem có giàu được nữa không ? »

Mấy hôm sau, người từ năm mộng thấy ông Thần về bảo rằng : « Người học trò kia, không đỗ, không làm nên công nghiệp gì nữa đâu ».

Người từ hỏi : « Tại sao vậy ? »

Thần bảo : « Trước ta lên châu trời, thấy sổ Thiên-tào định lấy mấy ông Tiến sĩ tân Khoa, mà tên người ấy đứng đầu. Hôm nay ta lên, thì lại thấy trong sổ đã tước tên người ấy đi mà điền tên người khác vào rồi ».

Dưới lại có bản án kết tội rằng :

*« Nguyệt hạ phóng thê¹⁶
Đình tiền tử chạch¹⁷
Vị đắc ý, cố thất đức ».*¹⁸

Khoa ấy quả nhiên người học trò vừa vào thi kỳ đầu đã hỏng ngay, bao nhiêu chữ nghĩa như đổ xuống sông, xuống biển sạch. Bởi truyện này mới có câu tục ngữ rằng : « Chưa đỗ ông Nghè đã đe hàng tổng ».

ANH CÂM BẬT NÓI

Xưa có một thằng cầm đi đánh cá, đánh được ít nhiều còn để ở trong đó cả. Bữa cơm về ăn khi vội, bỏ quên cái đó trên bờ ao. Đến lúc cơm xong chạy ra tìm đó, thì trời mưa đổ xuống như trút, mà cái đó thì đã mất từ bao giờ không biết. Phần mất đó tiếc cá, phần bị mưa ướt hết quần áo, thằng cầm vừa giận người, vừa căm trời quá, thế nào tự nhiên, bật ra được mà chửi câu rằng :

*« Trời mưa, trời gió,
Vác đó đi đơm,
Chạy về ăn cơm,
Trở ra mất đó,
Cha mẹ con chó,
Lấy đó tao đi ! »*

Rồi thành vì bữa căm tức ấy mà từ đó thằng cầm hóa nói được, và câu nó nói ấy thành ra câu trẻ con bây giờ vẫn thường hát.

TAY QUÈ, MẶC TAY

Xưa có một nhà có đứa con gái đã nhận gả cho một nhà ở trong làng. Nhà trai sêu tết đã đôi ba năm, và nhà gái đã hẹn đến năm sau cho cưới. Hai đứa con trai, con gái cũng có lòng ưa nhau. Chẳng may trong năm, đứa con trai trèo cây thế nào, ngã què tay. Cha mẹ đứa con gái toan lật không muốn cho cưới, định đem gả cho nhà khác. Nhưng đứa con gái nhứt định không nghe. Cha mẹ bảo sao cũng không được, ai nói gì, thì nó chỉ hát rằng :

*« Hai tay vịn bẻ chanh, chè,
Vừa đôi thì lấy, tay què mặc tay ».*

Cha mẹ sau phải thuận theo ý nó vậy.

CHÚ CHÍCH, CÔ CHÒE

Xưa có một ông nhà giàu làm lễ cưới cho con trai. Con ông thì lùn thấp lè tè mà lấy một đứa con gái ở làng bên, thì bé nhỏ li ti. Giữa lúc nghênh hôn, hai họ đang ngồi uống rượu thì có một người qua đường, ra dáng học trò vào xin ăn. Ông nhà giàu nửa tỉnh nửa say, bảo người ấy rằng : « Buổi nay nhà ta có tiệc vui mừng. Thân thích bạn bè, kẻ mừng câu đối, người mừng bài thơ, đủ cả. Bây giờ bác đã vào đây, mà chắc bác là người có chữ, thì bác cũng kiếm năm ba chữ gì mừng cho các cháu. Bác mà làm cả hai họ chúng tôi đây được vui cười, thì chẳng những tôi mời bác ăn mà tôi lại còn thưởng tiền bác nữa ».

Người kia nói : « Câu đối mừng, thơ mừng, có cả rồi. Tôi biết kiếm câu gì được bây giờ ! Hay tôi xin hiến một câu tục ngữ cổ có được chẳng ? »

Ông cụ gật gù bảo : « Được ». Người kia liền lên giọng hát một câu rằng :

*« Chú Chích mà lấy cô Chòe,
Thối cơm chẳng chín, nấu chè chẳng sôi ».*

Hai họ nghe, ai nấy cùng vỗ tay cười. Người kia được cơm rượu lại được ba quan tiền.

CÓ NỢ THÌ CÓ KIA

Xưa có người học trò hay chữ, kén vợ mãi, năm ba mươi tuổi còn chưa lấy ai. Cha mẹ khuyên bảo không được, anh em họ hàng dỗ dành cũng không nghe. Sau có một cô con gái cũng hay chữ viết cho anh một cái thư. Trong có mấy câu rằng :

*« Có cò thì có măng,
Có ếch thì có lá lốt,
Có rươi thì có vỏ quít,*

Có trai anh hùng, thì có gái thuyên quyên. ¹⁹

Kén gì mà kén mãi ! Chỉ sợ già kén, rồi lại kẹn hom. Trai đã ngoài ba mươi xuân, còn non điều gì ? »

Người kia cố tìm cho được cô con gái ấy. Rồi đôi bên kết làm vợ chồng, ăn ở với nhau rất tử tế, lăm con, lăm cái và làm nên làm ra.

PHƯỢNG HOÀNG ĐẬU CÂY KHẾ

Xưa một nhà có hai anh em, khi cha mẹ mất đi người anh tranh hết cả ruộng vườn để cho người em chỉ có mỗi một cây khế. Người em cũng vui lòng chịu không dám nói gì đến anh. Sau, một hôm có đàn phượng hoàng tự đâu bay lại, đậu trên cây khế, có bao nhiêu quả ăn hết sạch.

Người em thấy vậy ra ngồi dưới gốc cây vừa khóc vừa nói với chim phượng rằng : « Cơ nghiệp tôi chỉ có mỗi cây khế đó thôi. Bây giờ các ngài lại xơi hết cả thì tôi biết mong vào đâu cho có mà ăn ! »

Phượng hoàng nghe nói bảo rằng : « Ta vốn hay đậu nơi cây ngô đồng và tắm mát chốn hồ sen. Ta mà đến đây chẳng qua chỉ để nghỉ chân chốc lát thôi. Ta có ăn mất trái khế nào, thì ta sẽ đền ơn trả lại không sợ thiệt ».

Nói rồi phượng hoàng nhả trong mồm ra rơi xuống một cây khế khác, bao nhiêu hoa tính là bạc, bao nhiêu quả tính là vàng cả.

Người em, vì thế mà được giàu có hơn anh nhiều. Anh thấy em giàu, hỏi tại duyên cớ làm sao. Em kể lại câu chuyện phượng hoàng cho anh nghe. Anh bèn nảy ý muốn đổi cả vườn ruộng cho em để lấy cây khế, những mong phượng hoàng nào đến ăn quả, lại cho cây khế bằng vàng, bằng bạc. Em bằng lòng.

Nhưng anh, được cây khế, đợi mãi bao lâu, chẳng thấy chim phượng hoàng nào đến cả, chỉ thấy lũ quạ đen, ngày nào, nó cũng rủ nhau đến kêu « xấu hổ ! xấu hổ ! »

THẰNG BỊP CỐC

Xưa có một bà già sinh được một đứa con đặt tên là thằng Bịp Cốc. Lúc Bịp lớn lên, đi thì lủi như cuốc, bạc thời đánh như sấm, đã sa vào đám nào, ai đánh nhỏ cũng cốc, ai đánh to cũng cốc, không trừ cái nào cả. Má nó bảo nó không được, dạy nó không nghe, đánh đập nó không chừa cả ngày nó đi không nghĩ chi sớm tối, cả đêm nó đi, không quản gì khuya, sáng.

Có một bận nó đi suốt ba ngày đêm không thấy về. Đến lúc về, trên đầu chỉ còn nửa mảnh khăn thâm, dưới mình chỉ còn một manh áo xác. Mẹ nó hỏi khăn áo đâu, thì nó nói thua bạc sạch cả rồi. Mẹ nó giận lắm, đưa nó ra trình ông Chánh.

Ông Chánh trừng phạt, đánh nó ba mươi roi, rồi dọa nó rằng : « Từ nay về sau, không được đánh bạc nữa, nếu không cư lời tao thì tao đưa ra làng. Làng sẽ bắt mày đánh đập đến chết. Liệu mà chừa thói cờ bạc ngay đi, có thân thì phải giữ ». Xong ông đuổi nó về

Nhưng thói nào tật ấy, chừa sao cho được. Ngay tối hôm ấy, Bịp lại lên đi đánh bạc, mãi đến gà gáy canh ba mới mò về.

Mẹ nó thấy vậy, càng giận nói rằng : « Tao dạy mày năm bảy phen, mày không ăn lời. Ông Chánh đánh mày ba mươi roi, mày không chịu nghe. Thôi việc quá lắm thế này, tao phải đem mày ra cáo làng để nhờ làng phân xử ». Rồi mẹ Bịp đưa Bịp ra cáo với làng thật

Làng xử rằng : « Ông Chánh đã có lời giao với mày làm

sao mà mày không biết ăn năn sửa tội. Có phải mày đã cư thói mày, thì làng cũng cư khoản làng mày phải chịu đòn ba mươi roi và nộp ba mươi quan tiền. Nếu mày không chịu, thì mày phải đi mỗ cho cả làng. Hai làng mày chịu làng nào, thì phải chịu ngay ».

Vừa ương, vừa liều, Bịp nói với làng rằng : « Đánh đòn thì tôi đau, tiền nộp thì tôi không có. Làng bắt tôi làm mỗ, thì tôi làm ».

Làng bảo : « Ừ, mày làm mỗ, thì đêm nào, cứ đến trống canh ba mày cũng phải đi khắp nơi đánh một hồi mỗ mà kêu làng ».

Bịp hỏi : « Kêu làm gì, mà đêm nào cũng phải kêu ? »

Làng nói : « Trong làng, nghe còn nhiều đứa cũng đánh bạc như mày, thì cứ đêm nào mày cũng phải đi kêu. Nếu mày không kêu, thì làng đập chết ».

Bịp thưa làng rằng : « Vậy kêu thế nào xin làng dạy cho ».

Ông Lý thay lời làng, bảo rằng : « Đêm đêm cứ đến trống canh ba, mày phải gióng lên một hồi mỗ, rồi mày đi kêu khắp làng rằng : Làng đã cấm bạc rồi, hễ ai còn đánh, mà làng bắt được, kẻ đàn anh thì phải phạt ba quan tiền, kẻ đàn em thì phải đánh ba mươi roi ».

Bịp nghe làng xử xong về nhà. Đêm hôm ấy giữa trống canh ba, nó đem mỗ ra, gõ inh ỏi một hồi, rồi nó cất tiếng rao to lên rằng :

« Cốc, cốc, cốc, cốc,

*Gỗ mỗ sừng bò,
Bao nhiêu phượng bạc,
Tối mò đến tôi.
Cốc, cốc, cốc, cốc ».*

Làng nghe nó rao thế, sáng sớm hôm sau liền hội họp, đòi Bịp đến hỏi rằng : « Đêm hôm qua, mà rao cái gì đó. Nếu đêm nay mà mà còn rao thế nữa, thì làng đập chết không tha ».

Nó thưa với làng rằng : « Tôi tối dạ, nên tôi quên mất câu ông Lý dặn. Hôm qua tôi rao thế nào, bây giờ tôi cũng không nhớ nữa. Để đêm hôm nay tôi xin rao lại, không dám rao như đêm hôm trước ».

Đêm hôm ấy giữa trống canh ba, nó lại đem mõ ra, gõ inh ỏi một hồi, rồi nó lại lên giọng rao to lên rằng :

*« Cốc, cốc, cốc, cốc...
Gỗ mỗ sừng trâu,
Bao nhiêu nhà thổ,
Mua dầu thắp khuya.
Cốc, cốc, cốc, cốc ».*

Làng nghe nó rao như thế, sáng sớm hôm sau lại họp ngay đòi Bịp đến hỏi : « Đêm hôm qua mà lại rao câu bậy gì thế ? Hay mà muốn cho làng đập chết mà ngay bây giờ ? »

Bịp thưa với làng rằng : « Ban đêm tôi đang ngủ mê, trống ba tôi phải dậy, thần hồn nát thần tính, tôi chẳng nhớ câu gì cả. Cứ bạ bập tiếng gì, là tôi lại kêu tiếng ấy thôi. Thôi đêm nay, tôi cố thức cho tỉnh táo, tôi xin rao đúng như câu ông Lý dặn. Nếu làng còn nghe thấy tôi rao bậy nữa, làng có

đập chết, tôi cũng cam tâm ».

Làng bảo : « Ừ thôi làng cũng không chấp chi những thứ bìm bịp. Làng cũng dung thứ cho một phen nữa là bắt quá tam. Nhưng nếu đêm nay mà mày còn rao láo, làng hẳn không tha... »

Đêm hôm ấy, giữa trống canh ba, nó lại đem mõ ra nó gõ inh ỏi một hồi, rồi nó giang mõm nó rao to lên rằng :

*« Cốc, cốc, cốc, cốc...
Gõ mõ sừng tê,
Bao nhiêu con gái,
Mua mê bện đ..
Cốc, cốc, cốc, cốc ».*

Làng nghe nó rao bậy này láo hơn hai bận trước nhiều, không đợi trời sáng để hội họp gì nữa, kéo nhau ra, người mắng, người chửi, người đập, người đánh nó thậm tệ. Cực thân quá, nó vừa gõ mõ vừa kêu rằng :

*« Cốc, cốc, cốc, cốc...
Giữa trống canh ba,
Cả làng ngủ cả,
Vất vả mình tôi,
Chết đi thì thôi,
Cốc, cốc, cốc, cốc ».*

Kêu xong, nó lúi vào trong bụi, không biết bị con gì cắn phải nó, sáng sớm làng dậy, thì đã thấy nó chết còng queo từ bao giờ, tay vẫn còn cầm cái mõ. Sau hồn nó nhập vào một giống bìm bịp, bây giờ đi đâu cũng cứ kêu cốc cốc, bởi vậy mà thành cái tên là *Bìm bịp cốc*.

CHUỘT, ONG ĐI TRƯỚC

Xưa có một người, con nhà giàu có, kết bạn với một con chuột và một con ong. Khi đi ra đường, thì người ấy nhường cho con chuột đi trước, con ong đi thứ hai, còn mình đi sau rốt.

Nửa đường, gặp một người học trò hỏi rằng : « Bác đường hoàng một đấng trượng phu, cứ sao lại chịu nhường cho con chuột, con ong đi trước ? »

Người kia đáp rằng : « Số là anh không biết. Hai con này, một con thì hay xốc xáo, một con thì hay cắn đốt, tôi nhường hai con ấy đi trước, thì tôi đây đi sau mới bình yên vô sự ».

VUA THẾ TỔ VÀ ÔNG LÃO NUÔI ONG

Khi vua Thế Tổ mở nước đã xong, một buổi ngự xe về làng chơi. Trong làng có một ông lão ra quỳ tâu rằng : « Tấu lạy Bề Trên, chúng tôi có một việc muốn kêu Bề Trên nhưng sợ đức Bề Trên ban quở ».

Đức Thế Tổ bảo : « Có việc gì, cho lão cứ được phép tâu ».

Ông lão bèn tâu rằng : « Kẻ quê mùa này với Bề Trên cùng sinh một năm, một tháng, một giờ. Đức Bề Trên thì đánh đông, dẹp bắc, làm đến Thiên tử, mà kẻ quê mùa này thì nghèo đói vẫn hoàn nghèo đói... không biết là tại duyên hay tại phận... »

Đức Thế Tổ hỏi : « Hiện nay lão làm nghề gì ? »

Ông lão tâu : « Tôi nay già yếu không làm được nghề gì cả. Hiện trong nhà, chỉ nuôi được mười tám cái tổ ong, suốt năm phải nhờ vào đó mà lần hồi kiếm ăn ».

Đức Thế Tổ nói : « Thế thì trời đãi hậu hơn ta nhiều. Ta đây chỉ làm vua có một nước. Chớ lão thì được coi những mười tám nước kia đó. Loài ong là một loài có nghĩa vua tôi. Mỗi tổ nó tức đã như một nước chư hầu. Bây giờ mà một mình lão nuôi được những mười tám tổ ong thế tức là lão chăn được mười tám nước nhỏ đấy. Thôi, lão chớ phàn nàn ! »

Nói xong vua truyền lấy cho ông lão một trăm quan tiền và dạy cứ nên giữ nghề nuôi ong mà kiếm ăn cho trọn.

VỊ THUỐC QUÝ HÓA

Xưa có một người lỡ độ đường, trong bụng đói quá, không biết làm thế nào, phải tìm vào một nhà kia, nói với bà chủ rằng : « Tôi có một bài thuốc gia truyền, ai gần chết cũng cứu cho sống lại được. Bài thuốc ấy thật là quý hóa, xưa nay tôi chưa truyền cho ai cả. Song bây giờ tôi không có ăn, tôi mà chết đói thì bài thuốc ấy cũng chết không được việc gì nữa. Nên tôi muốn nhờ bà cho tôi một bữa cơm, rồi tôi xin truyền bài thuốc lại cho bà để tạ ơn bà vậy ».

Bà chủ nghe nói, lấy làm mừng lắm, vội vàng đi thổi cơm cho người kia ăn.

Người kia ăn no nê rồi, bà chủ đem giấy bút ra bảo rằng : « Bài thuốc ấy thế nào ông biên ra cho tôi ».

Người kia nói : « Chà ! bài thuốc ấy quý lắm. Ta phải giữ kín đáo không nên biên ra làm gì. Bà cứ đi với tôi, đi gần thôi, tôi đưa bà đến tận nơi có vị thuốc ấy. Tôi chỉ bảo rõ ràng cho bà mới được ».

Bà chủ vui lòng đi theo. Đi một lúc lâu, không thấy người kia nói gì cả, bà ta nóng ruột hỏi giục rằng : « Thế nào đã đến nơi chưa ? Hay có phải định đánh lừa tôi để kiếm một bữa thì bảo ».

Người kia nói : « Xin bà cố đi ít nữa. Tôi đưa đến chỗ có vị thuốc ấy tôi đưa tận tay bà rồi bà xem ».

Khi hai người đi tới một thửa ruộng, sắp gặt được, người kia đứng lại bút một bông lúa, vừa chỉ vào ruộng lúa, vừa đưa bông lúa cho bà chủ mà rằng : « Bấm đây, các vị thuốc

quí hóa cứu người sống được là cái vị này đây. Bà cứ xem ngay như tôi lúc nãy mà không có nó, thì có phải tôi chết quách rồi còn đâu đến bây giờ !... »

Bà chủ nghe nói, ngẩn người, nhưng thấy người kia nói có lý, không bắt bẻ làm sao được.

Người kia lại nói thêm rằng : « Bà không phải nghi-ngờ gì nữa. Thật vậy, vị thuốc này thật là quý hóa. Bà cứ tin như tôi, bà kiếm lấy nó cho nhiều để hòng cứu lấy thiên hạ. Còn phúc đức gì bằng ».

ÂM ĐỨC

Xưa có một người học trò học hành rất thông minh chăm chỉ.

Một hôm, anh ta đi qua nhà ông thầy tướng, ông thầy tướng liếc mắt coi, rồi đoán rằng : « Tôi xem cái tướng thầy xấu lắm, nếu chẳng biết tu nhân, tích đức, thì cho thầy học hành giỏi giang thế nào, cũng luống công vô ích ».

Cách đấy ít lâu, anh ta lại đi qua trước cửa nhà ông thầy tướng. Ông thầy tướng vội gọi lại bảo rằng : « Quái lạ ! cái tướng của thầy, tôi coi bây giờ khác hẳn xưa. Hình như thầy đã cứu sống được bao nhiêu sinh linh, âm đức đã hồi, phúc tướng đã hiện, thầy đi thi khoa này, tôi chắc thầy đỗ, mà đỗ cao hơn người nhiều lắm. Thầy nói thật, tôi nghe, thầy có làm điều gì khác lạ chẳng ? »

Người học sinh nghĩ một lúc, rồi nói rằng : « Tôi thực không làm điều gì khác lạ cả. Chỉ có một hôm đi học, đang lúc trời mưa, tôi thấy một đàn kiến sa xuống nước sắp nguy. Tôi nghĩ thương tình, bèn đứng lại chịu khó bẻ một cành lau bắc cầu cho đàn kiến leo lên trên cạn. Tôi chỉ làm có thế mà thôi ».

Thầy tướng bảo : « Ấy đấy âm đức của thầy ở đấy rồi ».

Người học trò cũng không nghĩ tới lời thầy tướng, cứ cố chăm học. Rồi đến khoa thi, quả nhiên đỗ đến Trạng Nguyên. Sau có người biết chuyện, làm bài mừng quan Trạng mới rằng :

« Mười năm đặng hỏa biết bao công,

*Nhảy bước đường mây chiếm bảng rồng.
Bởi đức bắc cầu qua kiến nhỏ.
Xin đem cây đức găng vun trồng ».*

LÀM LÀNH

Xưa có người học trò cực kỳ hay chữ, mà đi thi luôn mấy khoa không đỗ. Sau thành quán trí, anh ta không đi thi nữa. Một đêm, nằm mơ thấy có vị Thần đến hỏi rằng : « Người học hành khá, thi thì tất đỗ, sao lại không thi nữa ? »

Người kia nói : « Tôi thuở bé, có thầy đồ đoán : « *Nhật nguyệt lạc hãm* », số tôi không làm nên công danh. Lại có thầy tướng đoán « *Hình hài đoản tiểu* », tướng tôi không thể sống lâu được. Tôi đi thi đã mấy khoa chật vật mãi. Nên tôi nghĩ rằng tướng số đã đành như vậy, thì dù cho cựa cạy bao nhiêu, cũng chỉ nhọc thân mà vô ích. Nên chi tôi thôi không đi thi nữa ».

Vị Thần bảo : « Số tướng mình vốn cũng có. Nhưng người nào có tâm, thì trời cũng xoay vần lại cho không phải cứ nhất định thế mãi. Nếu bây giờ người chịu chăm làm điều lành, thì sau trời cũng chứng giám cho người được sống lâu, giàu sang không kém ai ».

Người kia hỏi : « Biết làm những điều gì là điều lành ? »

Vị Thần giảng : « Việc gì làm phải đạo tức là điều lành, còn việc gì làm trái đạo tức là điều không lành. Như một hòn đá nằm giữa đường, người ta đi hay vấp phải, mà mình trừ đi được, thế là làm được một điều lành. Cứ như thế, tự ý suy ra, là tự khắc biết điều nào là điều lành nên làm, điều nào là điều không lành không nên làm ».

Khi người học trò tỉnh ra, cứ theo như lời thần mách bảo, đặt lễ cầu nguyện dâng số tâu với Trời Đất xin làm ba trăm

điều lành.

Ba năm sau, người ấy tính lại, cứ mỗi một điều « *quá* », trừ đi một điều « *công* » thì còn được ba trăm điều lành. Năm đó nhân có khoa thi, người ấy đi thi quả nhiên đỗ, mà đỗ cao.

Người ấy nghĩ bụng : « Đạo trời thật không phụ ai ! Có cầu có ứng, có làm điều lành, có hay ».

Rồi người ấy lại cầu nguyện làm ba trăm điều lành nữa. Một vài năm sau, công, quá trừ đi còn vừa ba trăm điều lành thì vừa gặp ngày được bổ làm quan. Từ đó người ấy làm ăn mỗi ngày một giàu sang hơn và mạnh khỏe sống lâu, con cháu, trong nhà đông đúc, thịnh vượng. Lúc trở về già, người ấy chỉ chuyên làm điều lành và khuyên cả nhà, cả họ cùng cả nhân dân cũng làm điều lành.

Bởi truyện này mới có câu tục ngữ rằng :

*« Lòng trời chẳng phụ ai ngay,
Họa giao phúc thiện xưa nay nào lấm ».*

Mà trong sách tướng, có câu ca về tướng thuật rằng :

*« Hữu tâm vô tướng,
Tướng tự tâm sinh ;
Hữu tướng vô tâm,
Tướng tòng tâm diệt ».* ²⁰

MÀI DAO DẠY VỢ

Xưa có một người nhà quê rất hiền lành thuần hậu mà lấy phải một người vợ cực kì nanh nọc độc ác. Nhà còn một mẹ già, cũng phải bà cụ hơi khắc nghiệt lắm điều. Thành hai bên mẹ chồng, nàng dâu cứ lục đục xô-xát luôn không mấy khi được vui vầy bình tĩnh.

Người chồng lấy thế làm bực mình ngao ngán. Anh ta đã dụng tâm lắm, lúc vắng vợ, thì có lời phải chẳng nói với mẹ ; lúc vắng mẹ, thì hết sức khuyên răn vợ, những mong cho một nhin chín lành, trên kính dưới nhường, đôi bên có êm thắm hòa hợp, thì mình mới được an nhàn mà hưởng cái lạc thú trong gia đình. Nào ngờ luống công mà vô ích. Trời chẳng chịu đất, thì đất lại càng chẳng chịu trời, mẹ chồng nói một, thì dâu nói mười. Trong nhà thật chẳng còn được chút gì là hòa khí, mà mỗi ngày lại càng thêm nhốn nháo khó chịu hơn.

Đôi bên xung khắc chống chọi kịch liệt, rút lại chỉ một mình anh chồng ở giữa là khổ. Khổ hay sinh kế, anh ta bèn nghĩ ra một kế. Một hôm anh ta ra chợ mua một con dao bầu thật to đem ra cứ mài mài, liếc liếc mãi. Vợ lấy làm lạ hỏi. Anh ta chẳng nói chẳng rằng. Dao mài xong lại cất đi. Cách vài hôm lại đem dao ra mài nữa. Vợ hỏi, anh ta cũng nhất định không nói.

Năm ba lần như thế, anh ta mới chịu nói rằng : « Tôi mài dao đây là chỉ định hễ có dịp, là thịt mẹ đấy thôi. Mình tính xem, mẹ bây giờ đã già, chẳng chết trước cũng chết sau, thế nào cũng một lần chết thì thôi. Nếu cứ để mẹ sống ở đời, nay to tiếng cùng mình, mai cãi cộ cùng mình, ngày kia bới móc

chửi rủa mình, mình tuy phận dâu con, mình cũng chẳng chịu, sinh sự thì sinh sự, đôi bên thành ra bất bình xô xát với nhau để xóm giềng người ta xỉ vả tôi. Tôi không sao chịu được. Tôi phải tính sửa mẹ thì tôi mới được yên vui cùng mình, vợ chồng ta hồng mới có lúc sung sướng... »

Chồng nói luôn một thôi như thế làm cho vợ phải lấy làm nghĩ. Nghĩ rồi hối. Hối rồi từ hôm đó, đổi cả tâm tính, cả cách cư xử với mẹ chồng không còn gì là ngang ngạch nữa. Chồng thấy thế đã mừng lòng. Đợi ít lâu, chồng lại mang dao ra mài. Mài đi mài lại thật sắc, rồi thử đi thử lại đôi ba bận. Vợ thấy vậy trong lòng nôn nao, người run lấy bầy.

Một chốc chồng gọi lại bảo : « Hôm nay tao phải thết mẹ đây ».

Rồi xăm xăm đến gần chỗ mẹ làm bộ như định giết mẹ thật.

Chị chàng hốt hoảng, vội vàng chạy theo đỡ dao ngăn lại, nói rằng : « Thôi trăm lạy mình, nghìn lạy mình. Trăm tội nghìn tội là ở như tôi cả, chớ không ở như mẹ già. Mình đừng làm thế mà oan uổng cho mẹ cả đôi ta. Từ giờ tôi xin tu tỉnh lại và xin hứa rằng không còn một điều gì là to tiếng với mẹ nữa ».

Rồi quả nhiên từ hôm đó, trong nhà hòa thuận vui vẻ, nàng dâu ăn ở với mẹ chồng quý hóa hơn là con gái đối với mẹ đẻ vậy.

GIẾT CHÓ KHUYÊN CHỒNG

Xưa một nhà có hai anh em, anh thì giàu có làm nên, em thì nghèo đói bần túng. Thế mà tình vô anh không nhìn nhận gì đến em cả. Ngày ngày anh chỉ kết bạn với những ai ai, nay bọn này, mai bọn khác, hôm thì rượu chè linh đình, hôm thì cờ bạc tấp nập ; ai ưa muốn cái gì thì dâng thì biếu, ai cần đến tiền bạc thì cho vay cho mượn. Thế mà chính em thì thật không hề bao giờ được biết cái bát, đôi đũa hay đồng tiền phân bạc của anh nó ra sao cả. Người em cũng đành vậy, không mảy may phàn nàn hay giận dữ gì anh.

Nhưng vợ người anh thấy thế làm trái ngược, thường vẫn nói với chồng rằng : « Cùng mẹ, cùng cha là ruột thịt, khác tông, khác giống là người dưng, sao nhà chỉ chuộng người dưng mà không thiết gì đến ruột thịt như thế ? Nhà không nghe thấy những câu thiên hạ thường nói sao đấy à :

*Khi làm thì chẳng thấy ai,
Đến khi có cố thì ngài ngời trên.
Khi vui thì vỗ tay vào,
Đến khi hoạn nạn thì nào thấy ai ».*

Chồng nghe nói, cãi rằng : « Đàn bà ngu dốt biết cái gì ! Đã khỏe ví von, thì tất cũng biết câu : *Giàu vì bạn sang vì vợ*. Cùng bao nhiêu câu, như câu :

*« Anh em thật thậm là hiền,
Bởi một đồng tiền mà mất lòng nhau.
Người dưng có ngãi thì đãi người dưng,
Anh em vô ngãi thì đừng anh em ! »*

« Còn chú nó, thì mặc chú nó đấy, chứ tôi không cần
« Kiến giả nhất phận », ai có thân thì người ấy lo. Chớ có
phải là anh, thì cứ nhiều sẵn sóc trông nom đến các em cả
đâu... Bao nhiêu bạn tôi đây đều là người tốt bụng tử tế cả ».

Vợ biết can chồng không ăn thua, nhưng không biết làm
cách nào cho chồng hồi tâm lại. Nhân một hôm chồng đi đâu
vắng, vợ ở nhà, đánh chết luôn một con chó đem chiếu bọc
lại, rồi để ở xó vườn.

Tối đến chồng về, vợ giả cách làm ra sợ hãi, nói rằng :
« Ban trưa, lúc mình đi vắng nhà, có một thằng bé ốm yếu
vào xin ăn. Tôi mắc bận chưa kịp cho thì nó kêu gào chửi rủa
ầm ỹ. Tức mình, tôi lấy đòn gánh đập nó một cái. Không biết
phải chỗ phạm làm sao, nó quay ra nó chết ngay lập tức. Tôi
vội vàng lấy chiếu bó xác nó lại, còn để góc vườn đằng kia...
Bây giờ không biết tính mượn ai đem nó đi chôn cho làng
xóm người ta khỏi biết ».

Chồng nghe nói hết hoảng run sợ, chạy đi tìm mấy người
bạn rất thân xưa nay, nói chuyện thực tình như thế và xin
đến giúp đem đi chôn hộ. Thì ra hết người này đến người
khác không nhờ được ai cả. Người thì chối từ việc này, kẻ thì
thoái thác về việc nọ. Chồng tiu nghỉu trở về bảo vợ.

Vợ nói rằng : « Thế thì mình sang gọi chú nó vậy, thử
xem chú nó có đến không ».

Chồng sang gọi em, thì em vội vàng đến ngay, bảo rằng :
« Ta phải mau mau đang đêm đem chôn đi, kéo chậm trễ,
trong làng ai biết thì khốn ».

Rồi xăm xăm ra chỗ bó chiếu, cùng với hai anh chị khiêng

cái xác đi chôn. Xong đâu đấy, về nhà, không hề kêu khó nhọc chi cả.

Lúc em về rồi, vợ mới bảo chồng rằng : « Đấy nhé ! Người ta nói : *Anh em như chân như tay* là phải lắm. Hôm nay may mà có chú nó sang giúp cho không hai vợ chồng mình đến khốn. Nào mình có còn mong nhờ vào những « bạn làm nên giàu » cùng những « người dưng có nghĩa » nữa hay thôi. Chao ôi ! Câu thiên hạ thật không sai ! Ở đời nay đã được :

*« Bạn bè mấy kẻ đá vàng,
Hòng khi mưa nắng lờ làng cậy nhau ».*

Bạn nhà đây chỉ toàn những quân :

*« Khi không lăm kẻ ra vào,
Đến khi hoạn nạn thì nào thấy ai ? cả thôi ! »*

Chồng nghe vợ nói, có ý hối hận như dần dần tỉnh ra. Sáng hôm hôm, vừa dậy đã thấy mấy người bạn rủ nhau kéo đến đây nhà. Họ cho là đánh chết người thật, nên họ trở mặt đòi ăn đứt tiền, đứt bạc. Chồng sợ lắm, đã toan đưa bạc tiền ra lễ thật. Nhưng người vợ nhất định không nghe, bảo họ muốn làm chi thì làm. Mà họ làm thật. Không bóp được tiền, họ tức giận, lúc trở ra về, bảo nhau lên cáo quan. Quan lập tức cho trát bắt hai vợ chồng người kia lên. Chồng thì sợ thất thần. Vợ bảo cứ yên tâm. Lúc quan tra hỏi, người vợ đứng dậy khai rõ đầu đuôi câu chuyện mình giết chó để thử bạn chồng như thế nào. Quan liền cho lính đến nhà khai quật cái xác chôn đem lại xem, thì quả nhiên là một con chó kéch. Quan liền thét mắng đánh đòn mấy tên bạn xấu bụng, và

khen người vợ hiền, khéo biết cách khuyên chồng theo đạo phải chăng.

Rồi từ đó, người chồng mới từ những ông bạn quý hóa kia đi và đỡ dần trông nom đến em rất ân cần tử tế. ²¹

KÊU MỘT VIỆC ĐƯỢC BA VIỆC

Xưa có người học trò, học hay chữ lắm, ai cũng chịu là tài, nhưng đi thi bần nào cũng chỉ vào một hai kỳ là trượt. Người học trò ấy lại xấu xa quá, đi hỏi vợ đâu, con gái đứa nào cũng hất hủi không chịu lấy. Tức giận lắm, anh ta không biết sao được. Sau nghe nói có một hòn núi cao. Trời, Đất thường hay giao tế ở đấy để làm việc dân gian. Anh ta sắm sửa lễ vật để đi kêu.

Đi mãi đến tối, anh ta vào trọ một nhà kia. Người trong nhà dọn cơm nước cho ăn thơm tất, rồi hỏi rằng : « Thầy đi công việc gì, ở đâu mà đi tối thế ? »

Người học trò nói : « Tôi học hành không thua kém gì ai, mà thi mãi không đỗ. Và tôi năm nay tuổi đã cao, mà người xấu, đi hỏi vợ đâu cũng không đăt. Tôi định lên kêu với Trời để xem tại duyên hay tại phận mà long đong đến thế ».

Nhà kia nói : « Tôi đây cũng có đứa con gái một thời một lứa với con người ta, con người ta thì chồng con có cả rồi, mà con tôi, thì không ai thèm ngó đến, vì nó không biết nói. Nếu có phải thầy đi kêu Trời việc của Thầy, thì phiền thầy kêu luôn cả việc cho con cháu nữa ».

Người ấy nhận lời rồi sáng mai dậy ra đi. Đi mãi lại đến tối, lại vào xin trọ một nhà kia. Chủ nhà này cũng cơm nước tử tế rồi hỏi đi đâu. Người học trò kể lại như trước.

Chủ nhà nghe rồi nói rằng : « Nếu thầy đi kêu Trời việc của thầy, thì thầy kêu giúp tôi việc này với : Nguyên nhà tôi có trồng ba cây cam, một cây thì có quả, còn hai cây thì

không. Chẳng biết tại sao, nhờ thầy bắm Trời cho tôi nhân thể ».

Người ấy nhận lời, rồi sáng hôm sau lại dậy ra đi. Đi mãi đến một nơi, thấy con sông mông mênh ở trước mặt, mà không thuyền bè chi cả. Người ấy đứng đợi lúc lâu, thì thấy giữa sông, nổi lên con cá chép to như chiếc thuyền, vẩy vẩy đẹp lắm.

Cá chép hỏi rằng : « Thầy đi đâu đứng đó ? »

Người học trò đem câu chuyện đầu đuôi kể lại.

Cá chép nói : « Như tôi đây to lớn thế này, không biết tại sao, mà đi thi mãi không hóa rồng. Bây giờ, tôi đưa thầy sang bên kia sông, thầy có kêu Trời việc của thầy, thì nhờ thầy kêu luôn hộ cả việc của tôi nhân thể ».

Người ấy vui lòng nhận lời, nhảy lên lưng cá ngồi. Cá đưa sang bên kia sông. Đi một hồi lâu nữa, mới đến hòn núi, đặt lễ xuống, khấn vái, rồi ngồi đó.

Phút chốc thấy trên trời ba vị Tiên giáng hỏi rằng : « Nhà người kêu việc chi ? »

Người ấy không dám thưa chính chuyện của mình, đem chuyện cá chép ra thưa trước.

Ba ông kia bảo : « Con cá mà không hóa rồng được, là bởi trong răng nó có ngậm hòn ngọc, thành không bay nổi ».

Anh ta lại đem chuyện hai cây cam thưa.

Ba ông kia bảo : « Hai cây cam ấy không ra quả được, là bởi ở dưới gốc nó có hai chum vàng : kim phải khắc mộc ».

Anh ta lại đem chuyện người con gái thừa.

Ba ông kia bảo : « Người con gái sở dĩ không nói được là bởi chưa có bậc kẻ cả đến khai khẩu cho nó ».

Anh ta chưa dám kêu chuyện mình, thì ba ông Tiên đã biến đâu mất rồi. Anh ta đành phải trở về, đi đến bờ sông.

Cá chép nổi lên hỏi : « Việc tôi làm sao ? »

Anh ta nói : « Tại trong răng mài có hạt ngọc, bây giờ mài nhẹ răng để ta lấy hạt ngọc ra cho nhẹ mình, thì mài hóa rồng được ngay ».

Khi về tới nhà có cây cam, chủ nhà hỏi : « Việc hỏi cây cam của tôi làm sao ? »

Anh ta nói : « Tại dưới gốc cam có hai chum vàng, bây giờ đào lên chia cho tôi một chum thì nó có quả ngay ».

Khi về tới nhà có cô con gái câm, chủ nhà chưa kịp tiếp hỏi tại làm sao thì cô con gái đã chạy ra chào chào nói nói mất cả câm. Nhà kia thấy vậy, gả con gái cho anh ta làm vợ. Nhờ có chum vàng, hai vợ chồng làm nên giàu có to. Lại nhờ có hòn ngọc cá, khoa sau anh ta thi đỗ thủ khoa và được bổ đi làm quan. Thành anh ta vừa được giàu, vừa được sang, lại vừa được cả vợ đẹp.

Bởi tích này mới có câu tục ngữ rằng : « *Kêu một việc, được ra ba việc* ».

ÔNG TÚ VÀ NGƯỜI BUÔN MÈO

Xưa có một người đồ Tú tài, thiên hạ quen gọi tắt là « Ông Tú » tính hay khôi hài đùa bỡn người ta. Một hôm ông vào trọ trong hàng quán, thấy một người buôn mèo đến trước, đã ngồi chễm chệ trên giường trên, bên cạnh để một cái lồng vô số là mèo. Ông Tú đành ngồi giường dưới.

Chủ quán vừa trọng người khoa mục, vừa nể tuổi nhiều hơn, bảo người buôn mèo rằng : « Ông ngồi xuống giường dưới để cụ Tú ngồi lên giường trên, kéo ông ngồi trên, có cái lồng mèo như thế, không tiện ».

Người buôn mèo, không chịu, lý sự nói rằng : « Tôi tưởng cái phép ở hàng quán, ai đến trước thì ngồi trên, ai đến sau thì ngồi dưới. Tôi đã ngồi đây rồi, thì tôi cứ đây tôi ngồi ».

Ông Tú thấy người kia cứng cổ, gạt chủ quán đi, bảo rằng : « Ông lái mèo nói phải lắm. Ông cứ ngồi đây, ông còn cả lồng mèo của ông ở đấy kia mà ! »

Đêm khuya, lúc người buôn mèo đang ngáy o-o, ông Tú dậy lên tháo mấy cái que gài trên miệng lồng vút đi. Bao nhiêu mèo chui ra hết sạch, và con nào con nấy được tự do đi lại ngoe ngoe kêu rầm cả nhà.

Người buôn mèo bật dậy, vội gọi nhà hàng : « Ồi, ông chủ ơi ! Mèo tôi ra hết cả rồi. Ông có mau đốt đèn lên để tôi bắt nó không ».

Lúc đèn đuốc thắp sáng rồi, người buôn mèo thấy con thì ở mặt đất, con thì ở giường dưới, con thì ở giường trên, có con lại leo chót vót lên tận xà nhà.

Người buôn mèo ngơ ngác kêu lên rằng : « Những con phải gió kia ! Chúng mà mỗi con một nơi thì tao bắt bao giờ cho hết ».

Ông Tú ngồi dưới giường dưới, trỏ vào lũ mèo, vừa cười, vừa nói : « Giống mèo nó cũng khôn và lý sự lắm : con nào ra trước thì được ngồi trên, con nào ra sau thì phải ngồi dưới ».

Người buôn mèo biết mắc mưu ông Tú, nhưng không dám nói gì, còn tíu tíu khốn khổ về việc đi bắt mèo.

BÁT CANH HẸ

Xưa có một người rất hiếu, chẳng may, mắc tội vu oan, phải giam đã lâu ngày, không ai được thăm hỏi. Một hôm, bà mẹ làm cơm canh, nhờ người chủ ngục đưa vào. Người kia trông thấy không ăn, nức nở khóc. Chủ ngục hỏi sao không ăn lại khóc ?

Người kia nói rằng : « Tôi ở nhà còn mẹ già, thường khi nấu canh hẹ, cứ lấy thước đo từng tấc một. Nay tôi thấy cơm với canh hẹ này, tôi chắc mẹ tôi đã lặn lội từ nhà đến đây, chăm nom đến tôi, mà tôi không được ra thăm mẹ tôi, trong lòng xót xa, ăn sao cho được ! »

Chủ ngục nghe nói rõ chuyện, lấy làm thương tình vào bẩm với quan. Quan nghĩ một đứa có hiếu như thế không lẽ làm điều phi pháp, cho thăm cái án lại thì quả nhiên người kia mắc tội oan mà được tha ngay. Hai mẹ con lại được đoàn viên tụ hội vui vầy tử tế.

BÁT CANH HƯƠNG ÁN

Xưa có một người, một hôm đến nhà bạn chơi. Bạn thết cơm, có một bát canh kiệu ăn lấy làm thích miệng lắm.

Lúc về nhà nói với vợ rằng : « Hôm nay, tao sang nhà bác ấy thết tao ăn một bát canh kiệu thật ngon ».

Vợ chẳng biết *kiệu* là gì, nhưng cũng làm ra mặt thạo, nói rằng : « Tưởng cái chi chớ canh kiệu thì khó gì ! »

Cách đó ít lâu, bạn sang chơi nhà, phải thết cơm trà. Chồng ngồi nói chuyện với bạn ở trên nhà, vợ lúi húi dưới bếp tấp tểnh cũng muốn bắt chước nấu canh kiệu. Nhưng kiệu là cái chi ? Hay nó là cái kiệu thực ? Chị chàng nghĩ vậy, cầm dao lon ton chạy ra ngoài đình, định nạo ít kiệu đem về nấu canh. Song ra đình chẳng thấy kiệu đâu, chỉ có mỗi cái hương án, chị chàng bụng lại bảo dạ rằng : « Hương án thì cũng như kiệu chớ gì ! ». Rồi ra sức nạo ít mún hương án đem về nấu canh lấy làm đặc chí lắm. Bát canh hương án, chồng với bạn chồng nuốt sao trôi được. Ngao ngán quá, đợi lúc bạn cơm nước về rồi, chồng hăm hăm vào tra hỏi là bát canh gì rồi đánh vợ một trận nên thân. Vợ đau quá, vừa khóc, vừa ví rằng :

*« Người ta canh kiệu thì ngon,
Mụ canh hương án thì đòn vào lưng ».*

CÂY GÌ CỬA CHẲNG ĐƯỢC

Xưa có một người tính hay tinh nghịch, một hôm ra đứng trước cửa, thấy một bọn thợ cửa vác cửa đi qua, lại đeo thêm mấy quan tiền nữa.

Người ấy gọi lại, hỏi rằng : « Các bác đi cửa thế, thì cây gì cửa cũng được cả chứ ? »

Bọn thợ quả quyết nói : « Chúng tôi đã làm nghề cửa xẻ thì cây gì cửa mà chẳng được ! »

Người kia bảo : « Thế thì mời các bác vào trong nhà. Bây giờ trời đã trưa, các bác hãy xơi cơm cho khỏe đã, rồi tôi nhờ các bác cửa cho tôi... »

Lúc bọn thợ vào nhà, người ấy sai đầy tớ làm cơm, sẽ bảo lấy thịt lợn đun cho thật chín, đổ mật vào nấu cho thật nhừ, rồi lại tra bao nhiêu mắm muối ninh cho thật mặn. Xong dọn cho bọn thợ ăn. Thịt bùi, cơm sốt, bọn thợ ăn thấy ngon miệng, tí tí đánh mãi. Cơm xong, anh nào anh nấy phè phỡn không muốn làm. Lại được cái thấy nhà chủ không giục giã gì, nên các anh nằm ngả nằm nghiêng để nghỉ xác.

Nhà chủ lẩn mặt, dặn đầy tớ rằng : « Hể mà thấy chúng nó khát nước, đòi uống thì cứ ních đủ mười đồng một bát hãy bán cho tao ».

Quả nhiên tối đến, bọn thợ khát nước quá, gọi nước uống. Thằng đầy tớ cứ y như lời chủ dặn, bảo trong nhà không sẵn nước, có chiu mua thì nó mua cho, mà phải mười đồng một bát. Bọn thợ đang khát thấy nó nói thế nào cũng bảo nhau ừ. Khi mỗi anh đánh một bát nước rồi, chẳng những không khỏi

khát lại thấy càng khát thêm. Khi đòi nước nữa, thằng đầy tớ làm ra dáng ngần ngừ.

Bọn thợ tức mình bảo : « Thì anh cứ bán cho chúng tôi uống. Hết bao nhiêu tiền, sáng mai trừ vào tiền cửa sợ gì ».

Thằng đầy tớ vừa đưa nước uống nữa, vừa bảo : « Được rồi ! Tôi chẳng biết tiền cửa mai đâu cả. Các bác có tiền sẵn đây, rồi các bác tính trả tôi cũng được ».

Bọn thợ uống nhiều nước quá, tính cả thấy đến mấy chục bát mà vẫn còn như thòm thèm muốn uống mãi. Sáng hôm sau dậy, bọn thợ lại đòi uống nữa, rồi mới ra bảo nhà chủ : « Nào, ông bảo cửa cây gì để anh em chúng tôi ra cửa ».

Người kia lẳng lẳng đưa bọn thợ ra vườn, trở vào một cây rau thơm, bảo rằng : « Đây này, tôi muốn thuê các bác cửa hộ tôi cái cây này ».

Bọn thợ lấy làm lạ, nhao nhao bảo : « Cửa cây gì chớ cửa cây rau thơm thì cửa thế nào được ? »

Người kia nói rằng : « Thế sao hôm qua, lúc tôi hỏi các bác lại bảo tôi : Cây gì cửa mà chẳng được. Thế có phải các bác nói bậy muốn đánh lừa tôi không ? »

Nói đoạn, người ấy lĩnh mặt vào nhà trong. Bấy giờ thằng đầy tớ ra đòi tiền nước. Mấy bác thợ cửa không cãi sao được, phải ăng cổ tính tiền trả nó phân minh, không kém một đồng một chữ nào. Thành cửa cây chẳng thấy đâu, bọn thợ có mấy quan tiền, lại bị hai thầy tớ nhà ấy nó cửa cho mất gần một nửa. Bữa cơm sốt ăn với thịt mật kho như biết đời nào quên !

ĐẬU ĐEN CHƯỜM ĐẦU

Xưa có một người, trong nhà trồng được nhiều đậu đen. Một hôm rình vợ đi vừa khỏi, chồng ở nhà đem đậu đen luộc định ăn mừng. Chẳng may thành linh vợ nó về. Không biết giấu đậu vào đâu, chồng vội vàng đổ ngay lên đầu và kéo khăn kín lại. Rồi vờ chạy ra sân cầm chổi quét. Nào ngờ ! vừa cúi đầu xuống quét, nước đậu đen trên đầu nhỏ giọt chảy xuống tong tọng. Vợ trông thấy, ví ngay rằng :

« Năm nay mưa gió thuận hòa.

Cha mà quét nhà, đổ máu than đen ».

Chồng nghĩ vợ nó biết, vội vàng trật khăn ra, đậu vãi tung tóe và hát luôn câu rằng :

« Mẹ mà không biết chi hèn ²²

Đau đầu thì lấy đậu đen mà chườm ». ²³

NỒI KÊ ÔNG THỔ

Xưa một nhà có hai vợ chồng. Chồng thì thức khuya, dậy sớm, siêng năng, cần mẫn, luôn tay hết việc này sang việc khác. Còn vợ thật làm bơ, làm biếng, suốt ngày chỉ lo ăn, lo chơi, không tưởng chi đến việc làm. Một hôm chồng vừa ra đồng khỏ, vợ ở nhà liền đi lấy kê ra nấu, chực ăn vụng. Nhưng chẳng may lúc kê chín tới, vừa bắc nồi ra thì nghe tiếng chồng đâu đã về đến trước cổng. Cuống cuống, chị chàng không biết giấu nồi kê vào đâu. Chợt trông thấy trước sân có đồng cám, chị chàng vội đem vùi vào đấy. Nào ngờ khi chồng vào đến sân, nghe chỗ cái nồi kê đang sôi, hơi lên phì phì, ngỡ là rắn phun, vội bảo vợ chạy tìm gậy ra để đập. Gậy vừa đập xuống một cái thật mạnh, thì rắn chẳng thấy đâu, chỉ thấy nồi kê vỡ toang vọt bắn tung tóe cả vào người. Chàng lấy làm quái lạ, hỏi vợ rằng : « Nồi kê của ai để lại đây ?

Không biết đổ cho ai được, vợ đáp rằng : « Kê của ông Thổ chớ của ai ? »

Chồng lại hỏi : « Mà nói cái gì ! Kê của ông Thổ nào vậy ? »

Vợ đáp : « Nồi kê ở dưới đất, nó chẳng của ông *Thổ địa* thì còn của ai ? »

VỪNG KHOAI LANG

Xưa có một nhà giàu có đứa con gái tuổi chừng mười tám, đôi mươi mà người rất đẹp. Trong làng, đôi ba nơi hỏi, song cô ả chưa thuận lấy ai cả.

Một hôm cô ả dắt bò vào ăn một nơi ruộng khoai. Đứa con trai nhà có khoai lang trở lại bắt bò, rồi nói đùa mấy câu. Cô ả trông thấy mặt mũi sáng sủa, lấy làm ưng lòng ngay, bèn chuyện trò với nó. Đôi bên bắt tình nhau từ đấy, rồi một hai gần bó lấy nhau. Nhưng khốn đứa con trai kia là con nhà đói khó dù cho người đến hỏi đôi ba lần cha mẹ đứa con gái cũng không chịu gả. Còn cô ả thì cứ khẳng khẳng một dạ nhất định đòi lấy nó, thề không lấy ai nữa. Sau cha mẹ không biết làm thế nào, đành phải chịu gả vậy.

Hôm nhà trai dẫn đồ cưới, cả thầy chỉ có một ít trầu cau và một vừng khoai lang để làm tích mà thôi. Cha mẹ đứa con gái thấy thế lấy làm thẹn lấm bần nhau bày ra một trò đùa, định làm cho con xấu hổ không dám lấy nữa. Hai ông bà cho đi mời các người trong họ, trong làng đến ăn cưới. Ai nấy mỗi người được một miếng trầu. Rồi một chốc, cỗ bàn chẳng thấy gì, chỉ thấy lù lù bưng ra một vừng khoai lang tương để mời khách, chia mỗi người một củ. Người trong họ lấy những củ nhỏ, còn bao nhiêu củ lớn để nhường cho người làng. Mọi người đều cười ồ, rồi trở ra về. Tuy vậy, đứa con gái cũng không lấy làm xấu hổ cứ nhất định lấy anh có vừng khoai lang ấy thôi. Cha mẹ không làm thế nào được, phải đành cho cưới vậy. Bởi sự tích này, mới có câu hát rằng :

« Cô Nhiêu giữ bò quàng sừng,

*Cậu Nhiêu đi dạm một vùng khoai lang.
Củ lớn thì để cho làng,
Bao nhiêu củ nhỏ họ hàng ta ăn ».*

LÀM RẺ CHƯƠNG ĐÀI

Xưa có người dạm vợ, đến làm rể nhà vợ ba bốn năm, mà chưa được cưới. Sau nhà vợ lại hình như ruồng rẫy không muốn gả. Nó về nhà, mượn người làm một lá thư đưa đến, kể cái nông nỗi đã làm rể đặng cay, khổ sở. Trong thư có mấy câu nói với người vị hôn thê của mình rằng :

*« Công anh làm rể chương đài,
Ăn hết mười một, mười hai vại cà.
Giếng đâu, thì dắt anh ra,
Không thì anh chết với vại cà nhà em ».*

Ông bố vợ xem thư bật cười, nhưng cho là có ý, nghĩ lại thương tình, cho nó cưới ngay. Hôm cưới, lúc hai họ đang ăn uống linh đình nhân nhắc lại cái thư của chú rể có người hiểu sự, xin đặt mấy câu ở trên ra chữ Hán rằng :

*« Chương đài chi tế
Thực tâm thập nhất, thập nhị gia.
Tĩnh tại hà phương, dư tử dai hành,
Phủ tắc, dư dữ gia câu tử hĩ ».*²⁴

Hai họ nghe vỗ tay cười ầm.

VỮ LÀ MƯA

Xưa có một nhà, cha chết sớm, chỉ còn mẹ ở với con trai. Tính người mẹ tham ăn, mà nhà thì nghèo, nên khi bắt con cá, con tôm gì là ăn ngấu ăn nghiền lấy làm thèm thường lắm.

Một đêm, gặp buổi trời mưa, thằng con đốt đuốc soi ếch, khó nhọc bao lâu mới được mấy con đem về nấu ăn. Chẳng ngờ lúc nấu xong, mẹ lắm tất tật. Con tức giận nói nọ, nói kia. Rồi thành hai mẹ con, trước còn cãi nhau om sòm, sau đánh nhau ầm ỹ, xóm giềng chẳng ai ngủ được. Có người hàng xóm thấy vậy tức cười, mới làm cái án kết mấy câu rằng :

*« VỮ là mưa, trên trời mưa xuống.
OA là ếch, nó nhảy ra coi.
CHÚC là đuốc vào soi thấy nó.
THỦ là tay bắt bỏ vào thời.
ĐAO là dao, ngồi chặt cắc cắc.
DUẨN là măng, nấu đã ngon đời.
MẪU là mẹ ngồi vợ tất cả.
TỬ là con, ngồi khóc « ư ư ».
Mỗi người mỗi hư,
Cũng vì con ếch ».*

Sau lại có người vịnh một bài thơ giễu rằng :

*« Nắng nắng, mưa mưa việc tại trời,
OA là con ếch nhảy ra chơi,
CHÚC là đuốc, soi lên cho tỏ,*

THỦ là tay, bắt bỏ vào thời,
ĐAO là dao, đâm kêu cú cắc,
DUẨN là mẩu, nấu cho chặt nồi,
MẪU là mẹ, ngồi vợ hết cả,
TỬ là con, đứng dậy kêu trời ».

ĐỄO CÀY GIỮA ĐƯỜNG

Xưa có một người thợ mộc bỏ ra ba trăm quan tiền về mua gỗ để làm cái nghề đễo cày mà bán. Cửa hàng anh ta mở bên đường. Ai qua đó cũng ghé vào coi.

Người này thì nói : « Phải đễo cho cao, cho to, thì mới đễ cày ». Anh ta cho là phải, đễo cày vừa to vừa cao.

Người khác lại nói : « Có đễo nhỏ hơn, thấp hơn thì mới đễ cày ». Anh ta cho là phải, lại đễo cày vừa nhỏ, vừa thấp.

Sau lại có người bảo : « Nay ở trên ngàn, hiện có người đang phá hoang bao nhiêu đồng ruộng và cày tính bằng voi cả. Nếu đễo cày cho thật cao, thật to gấp đôi gấp ba thế này đễ voi cày đợc, bày ra hàng bán thì chắc là bán đợc nhiều lắm, mà rồi lãì vô vàn ».

Người thợ mộc nghe nói, liền đễo ngay một lúc bao nhiêu cày to gấp năm, gấp bảy thứ thường bày ra bán. Nhưng qua bao nhiêu ngày tháng, chẳng thấy ai đến mua cho một cái nào, cũng chẳng thấy ai nói voi đi cày ruộng cả. Thành có bao nhiêu gỗ hỏng bỏ hết và bao nhiêu vốn liếng đi đời nhà ma sạch. Người thợ mộc bây giờ mới biết đễ nghe người là đại. Nhưng quá muộn rồi, không sao chữa đợc nữa !

Bởi truyện này mới có câu tục ngữ rằng : « *Đễo cày giữa đường* » để nói những người hay để tai nghe làm theo thiên hạ đến nỗi mất cả cơ nghiệp.

ĐỄO CÀY GIỮA ĐƯỜNG (II)

Lại còn truyện « *Đẻo cày giữa đường* » nữa, nhưng người thợ trong truyện này trái ngược hẳn với người thợ trong truyện trước.

Truyện rằng : Xưa có người thợ, một hôm, đem gỗ ra giữa đường để đẻo cày.

Thoạt vừa đem gỗ ra, đã có người đi qua hỏi : « Bác làm cái gì đấy ? »

Người thợ không ngoảnh ra nhìn, đáp : « À tôi đẻo cái cày ».

Một chốc, mới đẻo được ít nhất, có người đi qua, hỏi : « Bác làm cái gì đấy ? »

Người thợ không ngừng đầu lên, đáp : « À tôi đẻo cái chày ».

Chốc nữa, đẻo được một phần ba, có người đi qua hỏi : « Bác làm cái gì đấy ? »

Người thợ đầu vẫn cúi, đáp : « À, tôi đẻo chiếc đũa ».

Chốc nữa, đẻo được nửa chừng có người đi qua, hỏi : « Bác làm cái gì đấy ? »

Người thợ không ngừng tay, đáp : « À, tôi đẻo cái chìa vôi ».²⁵

Lại chốc nữa, đẻo được ba phần, có người đi qua hỏi : « Bác làm cái gì đấy ? »

Người thợ hơi phát khùng, vừa làm vừa đáp : « À, tôi đẻo

cái tằm xía răng ».

Lại chốc nữa, đẽo đã gần xong, có chị đàn bà đi qua cũng lon ton lại hỏi : « Bác làm gì đấy ? »

Người thợ vừa nhìn, vừa nhoẻn miệng đáp : « À tôi đẽo cái « vừa đo ».

Từ đó tịt, kẻ qua người lại, không thấy ai hỏi làm gì nữa, mà người thợ được ngồi yên, làm chu tất xong cái cày.

TRỜI TỐC, GIÓ RUNG

Xưa có bà sư, một hôm đi đám về gặp một cụ già bồng một đứa con gái độ hai ba tuổi. Bà sư mua đứa con gái về nuôi để sau nó hầu hạ đỡ đần trong chùa. Khi cô ả lớn lên, độ mười lăm, mười sáu, nhan sắc đã hơn người, mà thông minh cũng tuyệt vời không kém ai. Trong làng có người học trò đi học, ngày ngày thường ngồi nghỉ mát dưới gốc hai cây gạo vừa to vừa cao ở trước cửa chùa. Có một buổi, anh ta đang ngồi nghỉ mát thấy cô bé nhan sắc kia ra hái hoa. Anh ta nói đùa một đôi câu.

Cô con gái chẳng đáp sao, chỉ hát rằng :

*« Em như hoa gạo trên cây,
Anh như cái đám cỏ may giữa đường ».*

Người học trò biết nó hát chọc, mới hát lại rằng :

*« Một mai trời tốc, gió rung,
Hoa gạo nhẩy xuống nằm cùng cỏ may ».*

Hát xong, anh học trò trở về nhà, cô con gái trở vào chùa, hai bên từ đó không có tình ý gì với nhau cả. Cách độ sáu bảy năm, người học trò đi thi đỗ. Bao nhiêu nhà giàu tập tễnh muốn đem con gái gọt gả. Nhưng ông tân khoa chưa quyết định nơi nào cả, thì có một đêm, ông nằm chiêm bao thấy một ông lão vào nhà, đến tận đầu giường mà bảo rằng :

*« Cây gạo ! Cây gạo.
Bách niên giai lão ! »*

Ông chợt tỉnh dậy, ngồi suy nghĩ một chốc sức nhớ ngay đến lúc còn đang đi học, ngồi nghỉ dưới gốc hai cây gạo. Tai

ông lại còn vắng vắng như nghe thấy tiếng người con gái hái hoa trong chùa đối đáp hát với ông khi xưa. Sáng dậy, ông cho đi dò, thì người con gái vẫn còn ở chùa. Ông liền vào thưa với cha mẹ đầu đuôi câu chuyện và xin cho người đến dạm. Bà sư bằng lòng ngay, mà cô ả lại càng bằng lòng lắm. Hôm cưới, trước đông đủ cả hai họ, bà sư có vịnh một bài thơ mừng rằng :

*« Cỏ nhờ đất cứng, êm chân tựa,
Hoa được mưa chan, mỉm miệng cười.
Cỏ ướm lòng hoa, hoa đợi cỏ,
Ba sinh âu hấn cũng duyên trời ».*

Hôm nhị hỉ, bà sư dở tỉnh dở say, nói đùa rằng : « Ai biết đâu chốn am thanh, cảnh vắng này mà lại có dâu rể về nhị hỉ ».

Vợ ông tân khoa nửa vui nửa thẹn, nói rằng : « Bạch thầy, cũng nhờ có trời tặc, gió rung mà chúng con mới được có ngày nay ».

NỊNH ĐỜI

Xưa có một anh có tính hay phò nịnh, đi đến đâu, gặp ai là tặng bốc người ấy lên tận trời xanh, mà dìm người khác đến tận đáy biển. Một hôm, trước anh ta vào hàng mật thì anh ta khen mật rằng :

*« Mật này ngon đã lạ đời,
So vào với mía gấp mười gấp trăm ».*

Sau anh ta vào hàng mía thì anh ta lại tán mía rằng :

*« Mật đâu dám sánh mía này,
Vừa ngon, vừa ngọt, vừa dai, vừa giòn ».*

Có người nghe thấy, giễu anh ta rằng : « Rõ cái nhà anh ! đi với mật thì mật ngọt đi với mía thì mía ngon ».

CON KHÁ HƠN THẦY

Xưa có ông thầy học lười nhác có tiếng, đến nỗi không có một tên học trò nào cả. Nhưng quái lạ ! Một hôm, lại có một anh đem trầu cau đến xin vào học. Thầy bảo : « Nhà ta không có án thư, con xem nhà ai có, mượn tạm một cái đem về đây để ta làm lễ Thánh ».

Anh học trò trình lại thầy rằng : « Con không biết mượn án thư vào đâu bây giờ. Để con xin cúi khom lưng xuống làm cái án thư, cho thầy đặt trầu cau lên, thầy khấn Thánh cũng được ».

Thầy nghe nói bật cười, chấp tay vái trò, bảo rằng : « Thế thì con khá hơn thầy rồi. Con không cần phải học thầy làm gì nữa ».

NGƯỜI HỌC TRÒ MUỐN ĐẬU

Xưa có người học trò học thì dốt, mà đi thi chỉ mong những đậu. Nhưng đậu sao được. Khoa này khoa khác mong đậu mãi mãi, mà khoa này khoa khác mãi mãi cứ hỏng. Người học trò nghĩ mình sức học sánh với kẻ đậu, cũng có kẻ thua mà sao đậu, mình lại không đậu. Nghĩ rồi, giận lắm, người ấy làm sớ kiện tại Thiên Đình. Ngọc Hoàng bèn cho đòi lên để khảo khóa. Lúc hỏi đến việc mây mưa, sấm sét thì anh ta ù ù cạc cạc chẳng biết tí gì.

Ngọc Hoàng phán rằng : « Sức học như thế, muốn những đậu là cố làm sao ? »

Người học trò nài rằng : « Hỏi những việc ấy, chẳng những tôi không biết, cho những kẻ đậu rồi cũng không thể nói được ».

Ngọc Hoàng không tin, cho đòi những kẻ đã đậu lên hỏi, thì quả nhiên cũng không ai nói trôi chảy được cả.

Người học trò thấy vậy, kêu rằng : « Đấy, thế mà họ cũng đậu sao tôi đây không đậu ? »

Ngọc Hoàng xét lời nó kêu, có phần oan thật, bèn phán rằng : « Sự đã lầm lỡ. Ừ thời có phải mày muốn đậu thì để tao cho mày được đậu luôn ».

Rồi Ngọc Hoàng liền hóa kiếp cho làm con chim. Con chim sáng đậu nơi này, chiều đậu nơi khác, khi đậu cành nọ, lúc nào cũng cứ đậu luôn mãi. Trước không được đậu tí nào, mà nay được đậu cả tháng cả năm, hồn người học trò uốn éo nhớn nhỡ, lấy làm vui sướng lắm. Thường ngày cứ đậu trên

cây ríu rít mà hót rảng :

*« Đậ Cử Tú, như chim đậ,
Rảng đậ thấp, hay đậ cao,
Chớ đậ cành tao mà cáo tha mất ! »*

Những lúc đặc chí đậ trên cây cao chim ta dòm xuống thấy bọ Cử, Tú, Thám hoa, Bàng nhãn mà đậ thì người ta gieo tiền, vút bạc ra mua thật là quý giá, đắt hơn tôm tươi. Mà nó đậ, thì chẳng ma dại nào đưa tiền, đưa bạc lại mua nó cả. Nên nó nghĩ đậ như thế, chưa lấy gì làm thỏa.

Tức quá, nó lại làm sớ lên tâu Thiên Đình, kêu rằng :
« Đậ mà không có người mua thì cũng như không đậ. Xin Ngọc Hoàng hóa kiếp làm sao cho nó đậ mà có kẻ chuộng, người mua thì không mang tiếng rằng đậ mà không có giá ».

Ngọc Hoàng theo lời tâu lại hóa kiếp cho nó làm cây đậ.

Lúc cây đậ có quả chín, hái về, kẻ bán thì tìm khách rao : « Ai mua đậ ra mua ». Người mua thì tìm đến hỏi :
« Tôi mua một đấu đậ, một thùng đậ ».

Cây đậ thấy kẻ bán, người mua tấp nập, trao đi đổi lại luôn tay, lấy làm vui thú, lắm lúc nhớ luồng gió, mà reo lên rằng :

*« Đậ Cử, Tú như cây đậ,
Rảng đậ như đậ tháng ba.
Người ta đậ trên bàng
Như chim đậ trên cây,
Con phượng đậ cây ngô,*

*Con đa đậu cành đa,
Khác gì đậu Cử, đậu Tú,
Đậu Bảng Nhãn, đậu Thám hoa ».*

Nhưng được ít lâu, cây đậu nhận ra rằng : « Người ta mua người đậu, thì kính trọng, nhường bao, nào đón rước, nào lễ mừng, nào gả con, nào trao quyền, nào lại được ăn trên, ngồi trốc, mà mình cũng đậu, thì cành người ta đem đốt, hột người ta đem nấu, bung rừ nát bét, nghe mà khổ thân. Cho nên thật cũng gọi là đậu, mà ta đậu khổ đậu khổ, chớ không phải đậu sung đậu sướng ».

Nó nhận ra thế, lại lên tâu với Thiên-Đình. Nhưng quá lắm ! Lần này Trời quở mắng đuổi đi, rồi Trời đóng cửa không cho vào nữa. Thế là đành phải giữ cái kiếp cũng là được đậu, nhưng mà *đậu đen*, không còn biết phàn nàn kêu ca vào đâu cho được.

HỌC VĂN HAY HỌC VÕ

Xưa có một người có hai vợ. Hai vợ sinh được mỗi người một đứa con trai, mà hai đứa cùng một tuổi. Khi hai con cùng lên bảy, cha muốn cho đi học nhưng còn do dự chưa biết nên cho đi học Văn hay học Võ. Có một ngày, hai anh em đang cùng với cha đứng chơi ở trước cửa, chợt có con chích chòe đậu trên cây gần đấy, ríu ra ríu rít kêu vui lắm.

Cha muốn thử hai con mới bảo rằng : « Hai anh em mà ra lắng tai nghe xem chích chòe nó nói gì thế ? »

Rồi một chốc gọi vào, hỏi thẳng anh rằng : « Mà nghe thấy chích chòe nói những gì ? »

Anh thưa rằng : « Con nghe nó nói : *Chi mi ! chi mi ! lại đây ta đánh với mi ni* ».

Xong lại hỏi thẳng em : « Còn mà, mà nghe thấy chích chòe nó nói gì ? »

Em thưa rằng : « Con nghe nó nói : *Tri chi, vi tri chi, bất tri vi bất tri, thị tri* ».²⁶

Hồi lâu, con chích chòe vẫn còn chí cha chí choét kêu mãi. Cha lại bảo rằng : « Hai anh em mà lại thử ra xem chích chòe nó còn kêu gì mãi thế ? »

Hai anh em lại chạy ra nghe một lúc, mới trở vào. Cha lại hỏi thẳng anh : « Nào, bạn này, mà nghe chích chòe nó nói gì nào ? »

Anh thưa : « Nó nói : *Lếu láo ! đánh bể óc. Lếu láo ! đánh bể óc* ».

Xong, lại hỏi thằng em. Em thưa : « Nó nói : Thiếu tiểu tu cần học ! Thiếu tiểu tu cần học ! » ²⁷

Cha nghe đoạn, không còn nghi ngờ gì, quyết chí cho thằng anh chuyên học nghề võ, thằng em chuyên học nghề văn. Quả nhiên sau hai anh em nó học cùng thành tài, cùng làm nên quan to, anh giỏi võ thì em giỏi văn, thật là một nhà văn võ kiêm toàn vậy.

TAM ĐẠI CON GÀ

Xưa có anh học trò học hành dốt nát, nhưng cái trò đời « xấu hay làm tốt, dốt hay nói chữ », đi đâu anh ta cũng khoe khoang lên mặt chữ nghĩa tài giỏi lắm. Có người tưởng anh ta hay chữ thật, đón về nhà để dạy trẻ.

Một hôm dạy thẳng con nhà chủ học sách « *Tam thiên tự* », sau chữ « tước » là sè, đến chữ « kê » là gà, thầy ta – đã lên mặt là thầy – thấy cái chữ nhiều nét khó khăn, ngắc lại không biết dạy ra chữ gì và nghĩa ra sao cả. Trẻ nó hỏi gấp lắm. Thầy cuống quýt dạy nó học liều : « Dù dĩ là con dù dĩ ». Nhưng thầy đã khôn, sợ ai nghe tiếng, bảo trẻ học sè sẽ tiếng thôi. Tuy vậy trong lòng vẫn thắc thỏm.

Tối hôm ấy, nhân nhà chủ có bàn thờ Thổ công, thầy đến khẩn thăm xin ba đài âm dương để quyết xem hai chữ ấy có thật là dù dĩ hay chẳng. Thổ công cho ba bài được cả. Thấy vậy, thầy lấy làm đặc sách, hôm sau bệ vệ ngồi trên giường cao, bảo trẻ học to tiếng.

Được thể, trẻ nó gào lên thật to rằng : « Dù dĩ là con dù dĩ ! Dù dĩ là con dù dĩ ».

Bố nó đang đào cuốc ngoài vườn, nghe thấy tiếng học lạ, bỏ cuốc chạy vào xem sách rồi hỏi thầy rằng : « Chết chửa, chữ ấy là chữ « kê » là gà sao thầy lại dạy cho cháu học dù dĩ là con dù dĩ ? »

Bấy giờ thầy mới nghĩ thăm : « Mình đã dốt, Thổ công nhà nó cũng dốt nữa ».

Rồi nhanh trí khôn, thầy vội nói gỡ rằng : « Ông tưởng tôi

không biết chữ ấy là chữ « kê » mà kê nghĩa là gà hay sao ? Nhưng tôi dạy cháu thế, là dạy cho nó biết tận tam đại con gà kia đấy ».

Nhà chủ ngạc nhiên hỏi : « Thầy bảo tam đại con gà là thế nào ? Ông bà gì vậy ? »

Thầy cắt nghĩa rằng : « Này thế này nhớ « *Dủ dỉ là chị con công. Con công là ông con gà* ». Thế chẳng phải là tôi đã dạy nó đến ba đời con gà là gì » ?

Nhà chủ không biết cãi sao, vẫn phải chịu thầy là hay chữ. Và tự bấy giờ con công, con gà, thành có họ với nhau, công là ông mà gà là cháu.

THẦY ĐỒ ĂN BÁNH RÁN

Xưa có một thầy đồ ngồi dạy học nhà người ta, một hôm, trông thấy hàng bán bánh rán mật đi qua, lấy làm thèm lắm, nhưng không dám nói. Thầy nghĩ mãi không biết thế nào cho có bánh rán ăn. Một buổi kia, nhà chủ vừa đi khỏi, thầy mới lấy ớt giã nhỏ, bỏ vào trong nước, rồi bảo tên học trò nhỏ của thầy lấy nước ấy mà tắm. Tên học trò ngoan ngoãn, vâng lời thầy, đi tắm ngay. Được một chốc, người nó phát nóng và lăn mần đở khắp mình mẩy. Khi cha mẹ về thấy con thế lấy làm lo sợ hỏi thầy đồ rằng : « Không biết cháu nó làm sao mà người nó như sốt và đở mần lên cả thế ? »

Thầy đồ làm bộ ngơ ngác bảo gọi đứa nhỏ vào xem như thầy lang xem bệnh, rồi bảo rằng : « Không việc gì, thẳng này mắc cái bệnh Thần Hòn làm quái đây. Bây giờ phải cho đi mua lấy bảy đĩa bánh rán mật để tối cúng tổng thần cho nó, thì nó khỏi ngay. Nhà chủ vâng theo lời thầy, vội vàng ra chợ mua đủ bảy đĩa bánh rán, lại kèm thêm cả trầu cau hương hoa đem về, đặt vào mâm tươm tất rồi nhờ thầy cúng hộ ».

Thầy đồ khăn áo chỉnh tề, làm bộ nghiêm trang ra đứng trước bàn thờ đặt giữa sân, lên giọng cầu nguyện rằng :

« Thần Hòn ! Thần Hòn ! ²⁸

Cái mình tròn tròn,

Cái da đỏ đỏ,

Làm cho thẳng nhỏ

Nóng đêm nóng ngày,

Tao xé mày ngay,

Tao nuốt mày đi,

*Mau đi, mau đi,
Thần Hòn ! Thần Hòn ! »*

Khẩn xong câu ấy, thầy lấy đĩa, thầy xắn ngay đĩa bánh, rồi bỏ vào mồm, thầy nuốt thực. Nuốt hết đĩa ấy, thầy lại khẩn, khẩn xong lại nuốt, khẩn bảy lần nuốt hết bảy đĩa bánh. Đoạn rồi, thầy bảo đứa nhỏ ra đằng sau nhà, thầy lấy nước lạnh tắm cho nó. Chỉ một chốc đứa nhỏ khỏi sốt, khỏi mẩn. Nhà chủ khen thầy là có phép tài, mà thầy được bữa bánh rán cũng thích miệng.

CỜ GIAN BẠC LẶN

Xưa có hai người kết bạn với nhau, chuyên làm nghề gá bạc. Hết cách gian lận, ban ngày, thì hai người rủ nhau đi kiếm cho được mấy con giời, ban tối thì đem bốn đồng tiền xóc cái ra, lấy mặt ngựa xát vào con giời, thì ở những nơi tối trông thấy sáng rõ lắm. Rồi hai anh, một anh vào làm cái, còn một anh vờ vĩnh giả vờ đánh vừa nằm chơi ở ngoài. Khi hai anh đem bốn đồng tiền cái ra trình làng ở dưới ngọn đèn, làng bạc cầm lấy tiền xem, thì không thấy hình tích chi khác cả. Đến lúc tiền bỏ vào đĩa, úp bát lại mà xóc, xóc rồi đặt ra ở giữa chiếu thì anh cái sẽ day bát một cái hở ra tí chút. Anh nằm ngoài liếc mắt coi mau, trong bát tuy tối om, nhưng những tiền trước đã xát giời đều sáng cả, nên chắn lẻ thế nào, là anh ta biết rõ trước. Bấy giờ anh ta mới ra ám hiệu cho anh cái biết mà đặt lẻ hay bán chắn.

Hai người cứ thông nhau làm gian như thế, mà thành trăm cái được cả trăm, hôm nào được hôm ấy, làng mạc ham mê, đại đột không ngờ vực gì cả, Chẳng bao lâu, hai người cùng trở nên giàu có hách dịch không ai bằng. Nhưng cũng chẳng bao lâu, hai người bỗng cùng mắc bệnh, một người thì đau tay, một người thì đau mắt, thuốc thang chạy chữa tốn kém bao nhiêu cũng không khỏi. Vợ hai người ấy lấy làm lo sợ, một hôm rủ nhau cùng đi xem bói.

Thầy bói gieo luân hai quẻ rồi đoán rằng : « Hai người này, tuy hai bệnh khác nhau, nhưng cùng do một chứng mà ra ».

Hai người vợ hỏi : « Thưa thầy, chứng gì ? »

Thầy nói rằng : « Chứng ma ! »

Hỏi rằng : « Ma gì ? »

Nói rằng : « Thứ ma lạ lắm ! *Phi lân, phi huỳnh, xử ám tự mình* ». ²⁹

Hỏi rằng : « Có cúng vái được không ? »

Thầy đáp rằng : « Không ».

Hai người lấy làm xót xa ngao ngán, vì đều không ngờ là trước kia chồng đi làm nghề cờ gian bạc lận, làm cho nhiều người phải thất cơ lỡ vận. Lúc về đến nhà, người nào người nấy kể chuyện đi bói lại cho chồng nghe. Chồng nào chồng nấy nghe rồi, tự nghĩ bụng rằng : « Cái của cờ gian bạc lận thật là cái của phi nghĩa không ra gì ! Chẳng những mình không được hưởng thụ, mà mình lại còn mang thêm tai thêm ách nữa. Nhưng tội mình làm, mình phải chịu, biết kêu cầu vào đâu bây giờ ! ».

Rồi sau hai người bệnh cứ một ngày một trầm trọng thêm, một người thì què tay, còn một người thì đui mắt và bao nhiêu gia tài tiêu kỳ khánh kiệt.

LỘC TRỜI HƠN LỘC NƯỚC

Xưa có một người, kể ra, cũng tài nghề giỏi giang, nhưng tính hay khoác lác lếu láo. Lúc nhỏ anh thường khoe với thiên hạ rằng :

*« Ta đây chí lớn tài cao,
Trong tay lộc nước mai sau chắc rồi ».*

Có người hỏi : « Quả được thế chẳng ? »

Người ấy quyết thề rằng : « Không được thế, thì ta làm giống vật ».

Đến sau, tuổi đã ngoài tám mươi mà người ấy cũng chưa làm nên nghề ngỗng gì cả. Thiên hạ thấy vậy, thường hát giễu rằng :

*« Hoa dâu, hoa nở mùa đông,
Lộc dâu có lộc, mà trông tháng mười.
Xuân thu rày ngoại tám mươi.
Già rồi hết lộc, hỏi người biết chẳng ».*

Người kia nghe hát, trước còn chửa thẹn, hát lại rằng :

*« Càng già, càng dẻo, càng duyên,
Ăn nhờ lộc nước, còn hơn lộc trời ! »*

Nhưng sau thấy thiên hạ giễu quá, tức mình, đập đầu vào hòn đá chết đi mà hóa làm con dê để ăn lộc. Hóa như thế, ấy là có ý bảo cho thiên hạ hay : Không ăn lộc nước, thì ăn lộc trời cũng đều là lộc cả. Nhưng hóa như thế, lại còn là tự biết mình tài hèn, sức mọn không dám đại ngôn nữa, chỉ nỏ mồm kêu được « Bé bé... bé » mà thôi.

NGHĨA CŨ, TÌNH NAY

Xưa có hai vợ chồng nhà kia, chẳng may một năm chạy giặc mỗi người lạc một ngả. Người vợ chạy trốn lên rừng, nhịn đói khốn khổ đã mấy hôm. May gặp được anh kiếm củi đem về nhà nuôi mới khỏi chết. Rồi sau, không biết nương nhờ vào đâu, đành phải ở lại với anh kiếm củi làm vợ làm chồng vậy. Cách đó mấy năm, loạn yên, người chồng đi tìm mãi mới gặp.

Vợ thấy nghĩ bụng rằng : « Bây giờ ta không về với chồng thì là bất nghĩa ; mà ta về với chồng, thì là bất trinh ».

Trong lòng lưỡng lự không biết thế nào là phải, nàng mới hát một câu để thử xem đôi bên nghĩa cũ, tình nay, xử với nhau ra thế nào. Câu hát rằng :

*« Muốn tắm mát lên ngọn cái con sông Đào
Muốn ăn sim chín thì vào rừng xanh,
Đôi tay em vít cả đôi cành,
Quả chín thì hái, quả xanh không lẽ đừng.
Ba bốn năm nay ăn ở trên rừng,
Chim kêu, vượn hú, nửa mừng, nửa lo.
Em trót sa chân, lỡ bước xuống đò ».*

Người kiếm củi nghe hát, nói với người chồng cũ rằng : « Thôi, bây giờ bác đã tìm thấy bác gái, thì bác đem bác ấy về. Tôi bằng lòng ».

Người chồng đưa tiền bạc ra để tạ ơn người kia, nhưng người kia nhất định không chịu nhận. Rồi hai vợ chồng đem nhau về.

KHÔNG GIẾT GIÁN

Đời xưa có người học trò có lòng nhân đức lắm phàm thấy vật gì, cũng không giết chết bao giờ cả. Trời sai ông Bụt xuống thử hóa làm con gián, cứ tối tối, lúc anh ta ngồi học, thì bò vào đĩa dầu mà uống. Người kia cứ ngồi yên học chẳng nói làm sao, thấy dầu cạn thì đi lấy đổ thêm vào. Đến kỳ thi, người học trò ấy làm văn bài khí kém.

Quan trường cầm bút, định phê « liệt » thì tự nhiên thấy con gián đâu bay đến đậu vào ngòi bút không sao đuổi đi được. Quan trường nói với con gián : « Hay tao phê « thứ » nhé ? »

Thì thấy con gián bay ngay lập tức. Ba kỳ thi đều như thế. Quan trường lấy làm lạ phải chấm cho người ấy ba chữ « Thứ » mà người ấy được đỗ hiệu sinh.

TRỌNG NGHỀ

Có một ông hể động chân bước xuống đất là rón rén giữ gìn từng tí. Ông còn nói nhất sinh ông không có chạy và đạp xuống đất bao giờ. Hoặc có người tò mò hỏi : « Sao lại thế ? »

Ông bảo : « Tại cái nghề tôi bắt tôi như thế ».

Người kia lại hỏi : « Thế ông làm nghề gì ? »

Ông đáp : « Tôi làm nghề coi Đất. Tôi ở đời sống về Đất, mà lúc chết đi cũng vùi xuống Đất. Tôi quý Đất cũng như cha mẹ vậy. Cho nên tôi không dám giẫm mạnh xuống Đất, sợ hoặc lỡ chạm vào vía Thổ thần, Thổ địa hay động đến long mạch của cả làng, cả nước ».

NGƯỜI HỌC TRÒ VÀ CON CHÓ ĐÁ

Xưa có người học trò, hôm nào đến nhà thầy cũng đi qua một nơi có con chó đá. Bao nhiêu học trò khác qua đó thì không sao : chỉ khi người ấy qua đó, thì con chó đá nhồm dậ như lấy làm mừng rỡ.

Người học trò lấy làm lạ, một hôm đứng lại hỏi con chó rằng : « Anh em học trò qua đây cũng đông, sao các người khác thì mà không mừng, lại chỉ mừng riêng có một mình tao ? ».

Con chó đáp rằng : « Khoa này bao nhiêu người kia không ai đậu cả. Chỉ một mình anh thi đậu mà thôi. Số Thiên tào đã định, nên tôi phải kính trọng không dám khinh nhờn ».

Người học trò thấy nói vậy, lúc về nhà kể chuyện lại cho cha mẹ nghe. Người cha, từ đó, tự lên mặt ta đây, hống hách với cả mọi người. Có hôm, ông ta dặt trâu ra đồng cày, ông cho trâu giẫm vào cả lúa của người ta. Người ta nói, ông ta không thềm đáp lại.

Hôm sau, lại đưa thêm trâu, thêm người, cứ ruộng lúa của người ta bước bừa xuống, giẫm be bét không kiêng nể gì cả. Chủ ruộng thấy thế lại kêu, thì ông ta trừng mắt, ngiễn rằng dọa dẫm rằng : « Khoa này con ông đỗ, rồi ông xem cho chúng mà ! »

Chủ ruộng thấy ông nói vậy cũng có lòng sợ, không dám lời thôi gì nữa.

Hôm sau người học trò đi học, qua chỗ con chó thì không

thấy nó đứng dậy nữa. Lúc về cũng vậy, nó cũng không đứng. Người học trò lấy làm khác lạ, đến hỏi con chó rằng : « Mọi buổi tao qua đây, mày vẫn đứng dậy không sai buổi nào. Hôm nay sao mày lại không đứng dậy nữa thế ? »

Con chó nói rằng : « Tại cha thầy lên mặt hách dịch với cả mọi người, rồi lại cho trâu giẫm hại ruộng lúa của người ta, cho nên trên Thiên tào đã gạch tên thầy đi, khoa này thầy không đỗ được nữa. Nên tôi không phải kính trọng thầy, coi thầy cũng như mọi người học trò khác thôi ».

Người học trò lúc về nhà, đem lời con chó kể lại với cha. Người cha lấy làm hối. Từ đó dẹp hết thói khoe khoang lên mặt, rồi lại đến từ tạ người chủ rất khiêm tốn. Khoa ấy, người học trò đi thi đã vào lọt mấy kỳ, mà cũng không đỗ thật. Tuy vậy người ấy không lấy làm nản, càng chăm chỉ học hành, mà người cha ở nhà cũng không lấy làm oán hận, càng tu nhân tích đức để sửa tội.

Cách đấy ít lâu, người học trò đi qua chỗ con chó đá, lại thấy nó đứng dậy mừng rỡ như trước. Người ấy chạy lại hỏi, thì con chó nói rằng : « Nhà thầy tu nhân tích đức đã ba năm nay, đủ chuộc lại những lỗi trước rồi. Nên sổ Thiên tào lại định cho thầy khoa này thì đỗ ».

Người học trò nghe nói, về nhà không kể lại chuyện cho cha nghe nữa chỉ biết gia công, gia sức cố học cho mỗi ngày một tinh thông hơn lên. Khoa ấy, quả nhiên đi thi đỗ, mà đỗ cao hơn người nhiều.

CHÓ ĐÁ ĐỔ MÁU

Xưa có một người học trò học hành kém quá. Anh em đồng học, bao nhiêu người đỗ, kẻ trước, người sau, kẻ cao, người thấp. Duy có anh ta lằng đằng mãi bao nhiêu năm, học chẳng thấy nhê nhích, còn bảo mong đỗ đạt gì nữa ! Bạn bè thấy thế, thường xúm nhau lại giễu cợt anh ta.

Một hôm có kẻ ngỗ nghịch, trước đông đủ mọi người, đến hỏi đốp vào mặt anh ta rằng : « Anh học thông minh quá thế, thì định đến năm nào, khoa nào anh mới đỗ ».

Người học trò lấy làm tức mình, nhân chỗ ấy có con chó đá, trở tay vào nói rằng : « Tôi đỗ đấy à ? Bao giờ con chó đá kia đổ máu thì tôi đỗ... Các anh hỏi làm gì... »

Bao nhiêu anh em thấy người ấy nói khùng, cười ầm ầm ộ ộ cả lên. Ngay lúc ấy, lại có người học trò khác tinh nghịch, lấy miếng trầu ăn, rồi lén ra nhổ một bãi quết trầu tưng vào con chó đá. Xong, lại trở lại chỉ con chó đá, gọi các anh em mà bảo rằng : « Kìa các anh ! Các anh kìa : Chó đá đã đổ máu kìa kìa, khoa này anh ấy đi thi, chắc đỗ mười mười ».

Bao nhiêu anh em lại được một trận huyên náo cả trường, ai nấy vừa cười vừa nói : « Ừ mà thật con chó đá đổ máu, đổ máu thật ! Khoa này anh ấy chẳng đỗ thì còn ai đỗ vào đấy ! »

Nào ngờ lời nói chơi, nói đùa thế mà thiêng ! Người học trò, khoa ấy vào thi có số đỗ thật. Ba kỳ đầu vào, kỳ nào cũng gặp được bài cũ. Đến kỳ phúc hạch, bài không làm được câu nào tưởng đã hỏng cả mười phần. Nhưng may sao, bỗng

ở lều bên, có ông Tú hỏi mượn quyển văn người ấy đưa cho mượn rồi nói với ông Tú làm gà hộ bài. Ông Tú vốn người hay chữ, vui lòng làm giúp. Thành người ấy vào lọt cả kỳ đệ tứ, và đến lúc xướng danh, được đỗ cử nhân thứ hai. Bạn bè bây giờ không ai chế nhạo nữa. Lắm anh thi hỏng thì thào bảo nhau rằng : « Học tài thi phận thật ! Anh này thật nói ngáp, mà gặp thiên chỢ ».

DỐT HỌC CŨNG THÔNG

Xưa có hai người bạn thân với nhau : một người hay chữ, một người dốt đặc. Hễ hai người đi chơi đâu, thì người hay chữ nói năng văn hoa, địa lý ai cũng phải kính, phải phục. Trái lại người dốt đặc không nói được câu gì, mà thấy ai nói gì, là cũng chịu thua trước. Người hay chữ lấy làm thẹn, nghĩ bụng « xấu chàng hổ ai » mới khuyên người kia nên đi học. Người kia không chịu đi, thoái thác rằng : « Tôi đành phận hèn, vì trí tôi mờ, dạ tôi tối, học làm sao được ! »

Bạn nhất định không nghe, cứ đưa đi tìm thầy học. Khi đi giữa đường, thấy một cái suối nước chảy rì rì, người hay chữ mới trở tay hát một câu để dạy bạn rằng :

« Nước trong hòn đá chảy ra.

Ban đầu nhỏ nhỏ dần dà lại to ».

Bạn nghe hiểu ý, từ đó lập chí học hành. Rồi không bao lâu vỡ ngu, mở trí, thông thạo việc đời và trở nên một người giỏi có tiếng. Ai bảo rằng có chí mà không nên.

SÁNG MẮT RA

Xưa có một ông nhà giàu, có ba đứa con trai, đứa nào cũng ngu si dốt nát, chữ nhất là một cũng không hay. Đến lúc gần về già, ông vận tiền bạc đi mua một bè sáng lê về cất cho ba cậu, mỗi cậu một tòa nhà nguy nga lộng lẫy. Một hôm có ông bạn đến chơi. Ông đem đi xem khắp cả ba tòa nhà, khoe đi khoe lại rằng đẹp, rằng làm tinh bằng gỗ sáng lê cả. Ông bạn lấy lẽ phải chăng, bảo rằng : « Chẳng có gì đẹp, cũng chẳng có gì sáng ! »

Ông không nghe câu tục ngữ người ta nói : « *Khôn hơn khôn của* » hay sao ? Tôi xem như ba đứa con ông ngu si, dốt nát là thế, thì tuy làm gỗ sáng lê cũng chẳng được sáng đâu. Ông sao không kíp rước thầy về cho chúng nó học hành, sáng dạ nó ra, sáng mắt nó ra, sáng mắt nó ra, chẳng bằng mười bằng trăm cái gỗ sáng lê của ông ấy ru ! »

Ông kia nghe nói tỉnh ngộ, liền đón thầy về cho con học.

TÀI VỚI HỌC

Xưa có hai người ở cùng làng với nhau. Một người thì học hành sáng láng, thuộc sách hay văn, văn hay, tốt chữ. Nhưng phải cái tính rượu chè hoang đàng, chơi nhiều học ít. Còn người kia thì học rất ngu dốt tối tăm, nhưng được cái chuyên cần không ai bằng, học ngày, học đêm, thật canh một chưa năm, canh năm đã dậy. Hai người thường lấy việc văn chương ganh đua hơn kém, mà bất bình với nhau luôn. Rồi cứ tức khí nhau mãi thành chẳng bao lâu hai người mắc bệnh cùng chết, hồn hóa lên trời. Hồn người học tối lấy làm uất ức hơn, liền làm cái đơn để kiện người học trò thông minh tại trước Ngọc hoàng. Đơn rằng : « Tôi vốn học hành chuyên cần, sao Trời không phú cho tôi cái khiếu thông minh. Nó thường chơi bởi ít học, sao Trời lại phú cho nó cái khiếu thông minh ? Xin Ngọc hoàng lượng cả soi xét cho tôi được nhờ bề nào chẳng ». Ngọc hoàng chấp đơn và cho đòi hồn người thông minh đến. Rồi Ngọc hoàng truyền cho cùng ngồi và cho một câu, bảo hai người cùng vịnh, xem tài ai hơn kém.

Câu xuất đề của Ngọc hoàng rằng : « Chúng tinh chi minh, bất như nhất nguyệt chi quang ».³⁰

Người thông minh liền phú một câu, đưa lên nộp trước rằng :

*« Trong vòng hơn với thiệt
Ngang vẻ nhỏ cùng to ».*³¹

Người tối dạ phú một câu, đưa lên sau rằng :

« Kể chi ba vạn chiếc,

Sanh lại một vòng tròn ». ³²

Ngọc hoàng xem đi xem lại hai câu, rồi phán rằng : « Ta cân nhắc văn của hai người, thì thật khó phân cho ai hơn, ai kém. Ta không riêng cho ai. Ta cho hai người văn cùng ngang nhau, nghe được cả. Một bên mà có tài tự nhiên, thì một bên cũng nó học lồi lạc. Thôi cho cả hai người lại trở về dương gian, và từ giờ phải hội hợp cùng nhau và giúp đỡ bao bọc lấy nhau không được lồi thối gì nữa. Đừng có tài cậy tài, mà học cậy học. Có tài không học cũng hư, mà có học không tài cũng kém ».

KHÔNG ĂN BÍ

Xưa có một nhà hai vợ chồng ngồi ăn cơm, có bát canh bí, người chồng nhất định không ăn.

Vợ lấy làm lạ hỏi : « Sao mà không ăn ? »

Chồng nói : « Quả ấy là tên húy cha ta trước, nên ta không ăn ».

Vợ tạ rằng : « Tôi không được biết, xin tha thứ ».

Được ít lâu, một hôm, người chồng ra ngoài ruộng, sai đầy tớ trồng nhiều bí lắm.

Lúc về nhà, vợ hỏi : « Hôm nay ra ruộng trồng cây gì thế ? »

Chồng nói : « Ta trồng bí ! »

Vợ lấy làm lạ, hỏi : « Trước kiêng không ăn, thì trồng làm gì ? »

Chồng đáp : « Ăn thì không nỡ ăn. Nhưng ta trồng lấy quả bán cho người ta, thì có can gì. Vả chẳng, ta trồng cây ấy khi thấy nó khai hoa, kết quả tốt tươi, thì ta coi cũng như cha ta phảng phất vẫn còn sống vậy ».

Vợ lại tạ rằng : « Như thế thì có hiểu thật ! Xin Trời chứng lòng cho ».

Sau có người làm câu hát khen người ấy rằng :

*« Ăn quả thì nhớ đến cha,
Trời xanh thấu đến, ắt là chứng tri ».*

LƯƠN NGẮN, TRẠCH DÀI

Xưa có một người dạm một đứa con gái trong làng đã hai ba năm mà chưa được cưới. Sau nghe có một người làng khác cũng đến dạm, và nhà gái ra giọng đậm đà hơn vì đám này có lễ giàu hơn đám trước. Nhân một hôm, cha đứa con gái có tiệc mừng thọ, anh dạm trước đem đến lễ mừng một xâu nửa trạch, nửa lươn. Mọi người đều lấy làm lạ, hỏi nhau nó đem lươn, đem trạch đến mừng là có ý gì. Sau có người trong họ, nói rằng :

*« Xin đừng ra dạm Bắc Nam
Mà chê lươn ngắn, mà tham trạch dài ».*

Lại có người nữa tán rằng : « Hay nó bảo :

*« Công anh bắt tép, nuôi lươn,
Lươn ăn cho béo, lươn chuồn xuống sông ».*

Rồi trong nhà, trong họ bàn nhau, khi tiệc hạ thọ xong, phải cho nó cưới, không dám để lôi thôi nữa. Vì tay nó biết đem lễ thế không phải là tay vừa.

CON ĐẸ, CON NUÔI

Xưa có một ông tên tục gọi là ông *Chép*. Trước không có con, ông nuôi một đứa bé mồ côi làm con nuôi. Sau, nhờ trời, ông lại sinh được một đứa con trai. Lúc hai ông bà mất thì hai đứa con đã khôn lớn cả. Nhưng đứa con nuôi tinh khôn hơn thành có bao nhiêu của cải ruộng nương là nó tranh phần lấy hầu hết, không để cho thằng con đẻ được mấy tí. Họ hàng thì không ai để ý phân xử, mà xóm giềng cũng chẳng có ai để ý đến. Thằng con đẻ thấy anh làm quá, nhất định không chịu. Hai anh em đem nhau lên quan kiện.

Quan hỏi : « Chúng mày anh em một nhà, sao lại bất hòa, bất mục đem nhau đến chốn tụng đình như thế ? »

Thằng con đẻ khai rằng : « Bẩm quan lớn, anh ấy kể gọi là anh con, nhưng anh ấy chỉ là con nuôi, con đây mới thật là con đẻ. Đáng lẽ cái phận con đẻ thì phải hơn con nuôi mà bây giờ anh ấy lại tranh hết cả phần của con thật là ức lắm. Xin quan lớn đèn trời soi xét ».

Thằng con nuôi khai rằng : « Bẩm Quan lớn, con đây mới thật là con đầu lòng của ông con sinh ra. Chớ em nó chỉ là con nuôi thêm sau này thôi. Con là anh phải giữ giỗ tết nên phần hương hỏa con lấy nhiều là phải ».

Quan không rõ bên nào khai thực, chưa biết xử ra sao, hãy tạm đuổi cả ra ngoài, bảo rằng : « Rồi ta sẽ xét ».

Đoạn, Quan mật sai người ra dọn cơm cho hai anh em nó cùng ăn. Trong mâm, so sẵn hai đôi đĩa, mà đôi nào cũng để lộn đầu lộn đuôi như nhau. Lúc hai đứa ngồi vào mâm, Quan

đứng lên trông, thì thấy đứa con đẻ trở đầu đĩa cẩn thận rồi mới ăn, còn đứa con nuôi chẳng kịp nhìn đến đĩa, cứ cầm gắp gắp và và luôn.

Quan trông thấy, nghĩ bụng : « Thằng biết trở đầu đĩa là đứa ăn ở tiêm tất, chắc là con đẻ, còn thằng không biết trở đầu đĩa là đứa tham tàn, chắc là con nuôi rồi ».

Tuy vậy, quan vẫn làm tỉnh chưa nói gì, bắt đợi lại buổi nữa để hầu kiện. Chiều đến, Quan lại mật sai người dọn một bữa cơm khác cho hai anh em nó ăn với nhau. Trong mâm có hai đĩa cá : một đĩa cá chép ngon lành, và một đĩa mấy thứ cá vụn nhỏ, không lấy gì làm ngon. Lúc hai đứa ngồi ăn. Quan lại đứng lên xem, thì thấy thằng con nuôi vọc vào đĩa cá chép ăn mãi, còn thằng con đẻ, chỉ ăn đĩa cá vụn thôi.

Quan thấy thế lấy làm lạ, thằng ngay công đường sai lính cho đòi cả hai anh em nó lên hỏi rằng : « Tao thấy chúng mày ăn cơm có hai đĩa cá, mà mỗi đứa lại ăn một đĩa, là nghĩa làm sao ? »

Rồi quan lại hỏi riêng thằng con đẻ rằng : « Thằng kia sao mày không ăn cá chép ? »

Nó thưa rằng : « Bẩm lạy quan lớn, xưa nay con vẫn kiêng không ăn thứ cá ấy, vì tên tục cha con là Chép ».

Còn thằng kia nín, không nói được ra sao cả. Quan nghe xong, giảng giải mọi điều phân minh, rồi sai lính đánh thằng lớn tuổi bắt phải khai cho thực. Bấy giờ nó mới chịu thú nhận nó là con nuôi, chớ không phải con đẻ của ông cụ Chép.

MẤT GIỖ, BỎ CAU

Xưa có một anh thấy nhà bên láng giềng có giỗ, mổ gà, mổ vịt linh đình. Anh ta tưởng bụng thế nào nó cũng mời mình. Nhưng đợi lâu, chờ mãi cũng chẳng thấy nó sang mời. Chắc nó quên, anh ta mới lập ra cái mẹo rằng : Anh ta chặt một cây cau cho nó đổ sang nhà ấy, rồi anh ta sang vác cau về, hoặc nó nhớ đến mà mời chẳng ? Cau đã chặt rồi, anh ta tất tả chạy sang nhà láng giềng. Họ hỏi : « Bác đi đâu ? »

Anh ta nói : « Tôi có cây cau nó đổ sang bên này, tôi sang tôi xin ».

Họ bảo : « Vâng, bác cứ lấy về ».

Rồi chỉ chào hỏi qua loa, anh kia tha hồ đà đận, cũng chẳng thấy họ mới trầu nước, cỗ bàn gì cả.

Nghĩ giận thân, anh kia vác cau về, vừa đi vừa phàn nàn : « Rõ thật « *Đã mất đám giỗ, lại bỏ cây cau !* » Câu này sau thành câu tục ngữ ».

ĐI LỪA TIỀN CƠM

Xưa có hai người cùng nhau đi chơi xa, đến lúc trở về, hết cả tiền, không biết làm thế nào cho có ăn. Hai người bàn soạn, lập mẹo với nhau, rồi vào hai hàng cơm gần nhau, bảo dọn cơm ăn. Một người ăn ở hàng bên, xong trước đứng dậy bảo : « À, tôi hãy sang bên này, xin anh kia một miếng trầu ». Rồi sang hàng bên kia, giả vờ xin trầu, cầm luôn khăn gói của anh kia cầm đầu chạy.

Anh kia thấy thế kêu ầm lên : « À mà y giật khăn gói của ông, ông phải bắt mà y cho được mới nghe ». Nói rồi, người kia giả ù té đuổi theo...

Hai nhà hàng ra nói chuyện với nhau, chỉ trách một đứa cướp giật và một đứa bị cướp giật, chớ không nghĩ rằng chính mình bị hai người ấy nó lừa, nó không trả tiền cơm³³. Đến lúc nghĩ ra, thì hai người kia đã mất hút tụt đời nào không đào đâu cho thấy nữa.

VẠC, CÒ

Xưa có người học trò đói quá không biết lấy gì mà ăn. Một hôm phải đến hỏi mượn hàng cơm một cái vạc, rồi đem đi bán quách lấy tiền để độ nhật. Nhà hàng lâu không thấy mang vạc trả, cho người đến đòi. Người học trò liền đi kiếm hai con cò đưa đến, khất để cho ít nữa. Nhà hàng sau đợi đến năm bảy tháng, cũng không thấy trả, mới đem việc lên kiện tại quan. Quan cho đòi người học trò đến hỏi. Anh ta thưa rằng : « Tôi mượn bác ta có một vạc mà tôi đã trả đến hai con cò rồi. Bác ấy còn đòi gì nữa ».

Nhà hàng nói rằng : « Nguyên vạc của chúng con là vạc *đồng* kia ạ ! »

Người học trò nói : « Thì cò của chúng tôi cũng không phải cò ở *trong nhà* ».

BÁT VẠN LÀ QUẢ ỚT

Xưa có một người tính hay ăn ớt, bữa cơm nào ít ra cũng phải có một quả ớt. Một hôm người ấy đi đánh tổ tôm mãi không ù. Sau được ván bài lên tay tốt lắm, chờ bạch thủ bát vạn lên, thì ù thập hồng lèo. Nhưng bát vạn chờ mãi chẳng thấy đâu, nhà cuối cánh lại ù quân khác mất. Uất quá, anh ta về nhà vẫn mơ tưởng luôn đến *bát vạn*. Lúc vợ nó dọn cơm bưng lên, anh ta vừa trông vào mâm, đã quát cả lên rằng : « Ớt đâu ? Ớt đâu ? Sao không có ? »

Vợ nói : « Tưởng cái gì khó, chớ ớt thì *bát vạn, bát vạn* ».

Anh kia nghe nói *bát vạn* mừng quýnh, miệng thì nói to : « Phỗng đấy ! », tay thì đập mạnh xuống như ném quân bài, thế nào trong mâm có cái gì vỡ đổ loảng soảng cả. Thành anh ta mất cả ăn lại bị vợ nó mắng cho. Và cũng thành từ đó, đánh đồ tôm người ta hay gọi đùa quân bát vạn là « *Ớt hay quả ớt* ».

MÈO LẠI HOÀN MÈO

Xưa có một ông nuôi một con mèo, nghĩ con mèo của mình khôn ngoan, tài giỏi không ai có nữa, mới đặt tên cho nó là con « *Trời* ».

Một hôm, có người đến chơi, thấy sự lạ, hỏi ông ấy rằng : « Sao ông lại dám gọi nó là con *Trời* ? »

Ông ta đáp : « Con mèo của tôi quý hóa có một, gọi nó là con mèo không được. Phải gọi là con « *Trời* » mới xứng đáng, vì không ai hơn được *Trời* ».

Người kia nói : « Thế mây chẳng che được *Trời* là gì ! »

Ông ta bảo : « Thì tôi gọi nó là con *Mây* ».

Người kia lại nói : « Thế nhưng gió lại đuổi được *Mây* ! »

Ông ta lại bảo : « Thì tôi gọi nó là con *Gió* ».

- Thế nhưng thành lại cản được gió !

- Thì tôi gọi nó là con *Thành* !

- Thế nhưng chuột lại khoét được thành !

- Thì tôi gọi là con *Chuột*.

- Thế nhưng mèo lại bắt được chuột !

Ông kia nghĩ rồi bảo : « Thì tôi lại cứ gọi nó là con *Mèo* như trước vậy ».

Người kia vỗ tay, cười xòa : « Thế có phải là : « *Mèo lại hoàn mèo* » như câu tục ngữ ta vẫn thường nói không ? »

LÁ HÚNG ! LÁ HÚNG !

Một hôm, có ông sư vào chơi một nhà giàu trong làng. Mấy con chó trong nhà nó chạy ra, nó sủa ầm ỹ.

Nhà sư giả làm không biết giống chi, hỏi nhà chủ rằng : « Nhà ông nuôi giống chim gì mà nó hót nghe hay quá ! »

Nhà chủ tưởng nhà sư xưa nay chưa từng biết chó là gì thật, cũng nói chiều rằng : « Bạch người, giống chim ấy ở đây nhiều lắm. Chúng tôi nuôi nó để lúc khách đến chơi, nó hót cho vui nhà ».

Nhà sư ngồi chuyện trò lúc lâu, rồi nói với nhà chủ rằng : « Chúng tôi ở trên chùa am thanh cảnh vắng, xưa nay chưa có giống chim nào như giống chim của nhà ông ban nãy. Dám xin ông mở lòng từ thiện cúng nhà chùa một con. Chúng tôi đem nó về, chúng tôi nuôi để nó hót cho vui chùa thì thật là quý hóa lắm ».

Ông chủ nghĩ bụng, một con chó cũng chẳng bao nhiêu, không lẽ chối từ, mới sai thằng đầy tớ lấy dây buộc một con chó dắt đi theo nhà sư.

Đi được một lúc, nhà sư bảo thằng đầy tớ rằng : « Thôi cho anh về, kéo phiền lòng anh ra. Anh đưa con chim ấy đây, tôi dắt nó cũng được rồi ».

Chó nó thấy người lạ, nó không chịu đi, cứ co dây giằng lại.

Nhà sư cố sức kéo dây đi, vừa đỏ mặt tía tai, vừa mắng dõn con chó rằng : « Có đi không thì... lá húng, lá húng ! »

Thằng đầy tớ nghe rõ, đem câu chuyện về kể lại với chủ.

HAI VỢ CHỒNG ANH THẦY BÓI

Xưa có người thầy bói chưa vợ, nghe thiên hạ đồn trong làng kia có cô con gái đẹp, mà chưa chồng. Người thầy bói mới lần mò tìm đến tận nhà ấy, vào xin ở trọ một đêm. Thầy dụng tâm giở bói toán ra thế nào, mà lừa được người con gái ăn phải bùa mê hoa lài. Rồi người con gái đâm ra mê thầy và theo ngay thầy về làm vợ. Song trời làm người con gái, sắc tuy có đẹp, nhưng lại phải cái tật nặng tai nghe không được rõ. Chồng đui, vợ điếc, thật đã xứng đôi ! Có một hôm, hai vợ chồng đem nhau ra chợ bói. Khi qua đường, gặp một đám ma ở đầu làng kia đi lại.

Vợ thấy, nói với chồng : « Ôi chao cái đám ma to ! biết bao nhiêu cờ quạt ».

Chồng mắng : « Cờ quạt đâu mà cờ quạt ! chỉ có chuông trống đánh inh ỏi ».

Vợ cãi : « Chuông trống đâu mà chuông trống ! cờ cắm nhan nhản như thế kia, không trông thấy lại còn nói láo ».

Chồng cãi lại : Thì mặc cờ với quạt mà ! Tao nghe thấy chuông trống, thì chỉ có chuông trống thôi... »

Hai vợ chồng cứ cãi nhau rồi đến đâm đá nhau ầm ĩ cả đường. Có người qua đó, thấy thế vào can, rồi hỏi tại sao. Hai vợ chồng đem chuyện ra kể lại.

Người kia nghe rồi, bật cười bảo rằng : « Thôi tôi xin cả hai bác. Câu chuyện này thật tại anh, tại ả, tại cả đôi bên. Bác trai tôi thì đui nên không thấy cờ. Bác gái tôi lại điếc nên không nghe tiếng trống. Mà thực ra thì cái đám ma kia có cả

cờ lẫn trống, cờ bay phất phới, mà trống đánh inh ỏi người sáng mắt, sáng tai ai cũng vừa trông, vừa nghe thấy cả... Thôi hai bác nghe tôi, hai bác đi bó đi, còn hơn là đứng đây mà cãi nhau, đánh nhau mất buổi chợ ». Bởi truyện này, sau mới có câu hát rằng :

*« Thăm thăm hoa lài
Chồng đui vợ điếc, kém ai trên đời ».*

THẰNG BỢM CÓ CON NGỰA

Xưa có một thằng Bợm chỉ có một con ngựa mà đi lừa hết người nọ, đến người kia. Thoạt tiên, một hôm nó cưỡi ngựa ra đường, thấy một người đàn bà đi chợ, nó đến nói với người ấy rằng : « Chợ trưa đường xa, chị đưa tôi một quan tiền tôi cho mượn ngựa đi chóng tới, mà khỏi mỏi chân ».

Người đàn bà thấy nói, bùi tai nghe. Thằng bợm lấy liền xong, nhảy lên ngựa tể liền để người đàn bà đứng trơ đấy, tiền đành mất mà ngựa không được cưỡi.

Lại một hôm, Bợm ta dắt ngựa qua nhà ông bá-hộ, nghe lỏm thấy ông đang bàn với bà rằng : « Ta bây giờ già nua tuổi tác. Ước gì có ai bày cho ta được cách có ăn mà không phải làm, thì ta gả đứa con gái cấm cung của ta cho ».

Bợm nghe rõ, về đi mượn một đĩnh vàng, rồi hôm sau, dắt ngựa qua vườn ông bá hộ. Con ngựa hí ầm lên. Bợm làm ra bộ tìm lơ tìm láo như mất cái gì quý lắm.

Ông bá hộ chạy ra hỏi : « Anh kia tìm cái gì đấy ? »

Nó thưa rằng : « Con ngựa tôi nó hí ra vàng. Tôi tìm để tôi lấy ».

Vừa nói nó vừa giả đưa tay vào hàm thiếc ngựa lấy ra được một đĩnh vàng thật.

Thấy vàng đỏ mắt, ông bá hộ mời nó vào nhà chơi bảo rằng : « Lão đây có đứa con gái cấm cung, lão thấy thầy có con ngựa quý hóa, lão muốn đổi với thầy, có bằng lòng chăng ? »

Bợm thưa rằng : « Ông lấy con ngựa thét ra vàng của tôi, mà ông lại gả con gái ông cho tôi, thì con ngựa vẫn là của cha con nhà ta cả, có phải ai đâu mà sợ thiệt... Tôi xin bằng lòng đổi ».

Ông bá hộ nghe nói mừng lắm, liền dắt con ngựa vào nhà, rồi gọi con gái ra cho về với anh có ngựa. Hôm sau, con ngựa hí ầm chuồng. Ông bá hộ vội vàng chạy ra để lấy vàng, nhưng chẳng thấy vàng đâu cả. Ông vào nói với bà. Rồi hai ông bà cùng ra tìm, tìm mãi cũng chẳng thấy gì. Đang lúc ấy, con ngựa lỏng dây làm sao, lại lồng lên chạy tuốt về nhà anh Bợm mất.

Ông bà ngơ ngơ ngác ngác. Bà bá đập đất kêu trời : « Ối thôi còn gì ! Con thì nó lấy, ngựa... nó nuôi ».

Thế là chỉ có một con ngựa, mà thằng Bợm trước đã lừa được một mụ đàn bà, sau lại lừa được một ông bá hộ. Nhưng chưa thôi.

Một ngày kia, Bợm lại cưỡi ngựa đi sang huyện khác, tìm vào nhà một ông chánh tổng nói rằng : « Tôi có con ngựa rất hay, ông có mua tôi bán ».

Ông chánh xem qua ngựa, bằng lòng mua. Hai bên định giá, mua bán phân minh, nhưng Bợm vẫn rắp tâm đánh lừa, lúc lấy tiền rồi nháy phăng lên mình ngựa, ra roi : Ngựa chạy như bay, không thấy lộn lại. Song mà ông chánh có phải người vừa. Ông liền sai đưa ở nháy lên ngựa nhà đuổi theo cho kịp. Khi đến cái quán, đưa ở thấy con ngựa mua cột ở gốc cây, còn thằng Bợm đang ngồi trong quán ngất ngưỡng đưa chén, gật gù trò chuyện. Đưa ở liền đi trình ông lý ở đấy,

gọi tuần lại, trói thẳng Bợm đưa về nhà ông chánh.

Ông chánh thấy mặt, giận lắm, mắng rằng : « Thằng khốn kia, xưa nay tao chưa mắc lừa ai, mà mày muốn lừa tao sao nổi ! »

Rồi ông chánh cho điệu cả nó, cả ngựa lên thưa quan. Khôn chẳng qua lẽ, trước mặt quan, Bợm ta phải thú thật. Quan cho ông chánh đem ngựa về, rồi thét lính đánh cho Bợm ba chục roi và kết án giam ba tháng tù.

Bợm bấy giờ mới hồi lại, nghĩ bụng rằng : « Thật là quá báo không sai. Ta lừa người ba bận, bây giờ ta phải đòn ba chục và phải giam ba tháng, thật là đáng kiếp ta ».

Lúc phải giam, vợ vào thăm, tỏ mặt mắng rằng : « Tôi đã bảo mà : Lừa vợ dễ, lừa người ta khó ».³⁴

Lúc hết hạn tù, về đến đầu làng, gặp người đàn bà bị lừa trước chỉ mặt hỏi rằng : « *Bây giờ mất ngựa, hết lừa*³⁵ *chưa anh* ».

ĐỔI LÒNG LÀNH

Xưa có người thầy tu, tu đã lâu năm mà mãi không thành Phật. Một hôm, thầy tu bỏ chùa đi, định sang bên Tây trúc cho chóng đắc đạo.

Giữa đường, thầy gặp một người xin theo. Thầy hỏi rằng : « Xưa nay, anh làm nghề gì ? »

Người kia nói : « Xưa nay, tôi chỉ làm có nghề đi ăn trộm ».

Thầy rằng : « Ta đây ở hiền ở lành mà tu còn chưa xong huống chi người làm nghề bất nhân độc ác, thì tu thế nào được. Người hãy nghe ta, trở về nhà tu nhân, tích đức đi đã. Người ta tu hành phải cốt ở cái lòng lành làm trước ».

Người kia nói : « Trước tôi có làm điều ác thật. Nhưng nay tôi đã đổi lòng lành. Xin thầy cứ cho tôi theo với ».

Thầy tu nhất định không nghe. Người kia năn nỉ mãi không xong, ngẫm nghĩ một lúc, rồi van lạy rằng : « Nếu cái thân này không được đi theo thầy, xin gửi thầy cái lòng lành này, dám nhờ thầy đem sang đất nhà Phật hộ ».

Nói đoạn, người kia cầm dao rạch bụng, moi bộ lòng đưa cho thầy tu rồi gục xuống đất chết liền. Thầy tu không dám sai lời ủy thác, phải mang bộ lòng của người kia đi. Nhưng được vài hôm, cỗ lòng thối tha, khó chịu, thầy tu quăng bỏ lại, không đem đi nữa. Có con quạ thấy bộ lòng liền tha bay sang nước Phật, rồi đến đậu trên đầu cột phướn của nhà chùa. ³⁶

Đến lúc thầy tu sang tới nước Phật, vào châu Phật, thì Phật trách rằng : « Người ta trước kia vốn làm nghề bắt lương, mà đến khi đã biết cái tà qui chánh, cái ác vi thiện, thì là người có lòng tu được rồi. Còn như người trước kia vốn hiền lành, nhưng người ta úy thác lòng lành người ta cho người, mà người lại nỡ vứt lòng người ta đi thì chính người đã phạm một tội đại ác. Người không thành Phật được, còn người kia có lòng có dạ, ta cho được thành Phật ». Thầy tu ăn năn không kịp, phàn nàn rằng :

*« Ở độc, ở ác, thành Phật, thành Tiên,
Ở hiền, ở lành, câu liên, câu bát ».*

Rồi đành lại trở về chốn chùa cũ.

HAI ANH EM VÀ CON CHÓ ĐÁ

Xưa một nhà có hai anh em, người nào cũng đã có vợ và ở riêng, ở tây. Hai vợ chồng người anh giàu có dư tiền bạc, nhưng phải cái tính keo cú, cay nghiệt, chẳng những không giúp ai bao giờ, mà lại còn tham lam vợ vét của người nữa. Hai vợ chồng người em thì không thế. Nhà tuy nghèo đói mà vẫn cứu giúp những người nghèo đói hơn mình, còn tính hạnh thì hiền lành tử tế hay làm những việc phúc đức.

Một hôm ông Bụt hóa làm lão ăn mày xuống thử. Trước đến nhà người anh xin, thì hai vợ chồng nó chẳng những không cho gì lại còn mắng nhiếc, đánh đuổi khổ sở. Sau đến nhà người em, chưa kịp xin, thì hai vợ chồng nó đang ngồi ăn cháo, chạy ra vồn vã mời vào cùng ngồi húp cháo.

Ăn xong, ông lão bảo hai vợ chồng nhà ấy rằng : « Các con đối đãi với lão thật là phúc đức. Vậy các con hãy đi theo lão, lão bảo cho cái này hay lắm ».

Hai vợ chồng thật thà chẳng biết là cái gì, nhưng ông lão đã bảo, thì cũng cứ đi. Khi lên trên chỏm một quả núi, có con chó đá ngồi, ông lão cầm cái gậy đập vào miệng con chó há miệng ra. Rồi ông bảo hai vợ chồng người kia thò vào miệng con chó, muốn lấy bao nhiêu vàng bạc thì lấy. Hai vợ chồng nó rụt rè sợ hãi, không dám đưa tay vào. Ông bảo cứ thò vào, thì quả nhiên thấy trong có bao nhiêu vàng bạc. Nhưng hai vợ chồng nó cũng chỉ lấy vừa mang thôi. Không ôm đồm tham lam nhiều quá. Đoạn rồi, ông lão lại đập cái gậy vào đầu con chó, thì con chó lại ngậm miệng lại như trước. Xong ông lão đi. Hai vợ chồng người kia sẵn có vàng bạc, về tậu

ruộng, tậu nhà, giàu có hơn anh nhiều lắm.

Anh thấy vậy, lấy làm lạ lùng, hỏi em sao mà được chóng giàu như thế ? Em đem chuyện kể lại đầu đuôi để anh nghe.

Anh nghe xong, bảo rằng : « Ta tưởng ai, chớ có phải cái ông lão ấy, thì hôm nọ cũng có đến ăn xin ở bên nhà. Rõ hoài của thế mà ta không biết ».

Rồi anh vội về nhà nói chuyện với vợ, và bảo làm một mâm cơm thật hậu để mình đi tìm cho thấy ông lão. Mà tìm ông lão cũng chẳng mất công lâu la gì. Vừa đi một lúc, thì đã gặp ông lão đang kia đi lại, vì Bụt biết chuyện đã hiện xuống làm ông lão ngay đấy rồi.

Người ấy mừng rỡ, lôi kéo ông lão mời về nhà, thết một bữa cơm thật no, rượu thật say, rồi nói với ông lão rằng : « Vợ chồng tôi cho ông ăn bữa này thật bằng mấy mươi bữa cháo của vợ chồng chú nó độ nọ. Vậy bây giờ ông đem vợ chồng chúng tôi đi, và cho chúng tôi thật nhiều vàng bạc hơn chú nó cho công bình ».

Ông lão gật đầu. Hai vợ chồng vui mừng, quấy đi mỗi người một đôi thúng thật to. Rồi cũng thấy ông lão đưa lên trên chòm núi, ông lão cũng lấy gậy đập vào đầu con chó đá, con chó đá cũng há miệng ra. Người chồng hí hửng vội vàng thò ngay cả cánh tay vào định khoắng cho thật nhiều. Nào ngờ, tay vừa vào lọt, thì con chó ngậm miệng lại, không rút ra được nữa. Người chồng sợ cuống, ngoảnh đi nhìn lại kêu ông lão, thì ôi thôi ! chẳng thấy tăm hơi ông đâu nữa.

Hai vợ chồng lúc ấy mới hối, bảo nhau rằng : « Thôi ta mắc mưu ông lão này rồi ! Mà ông lão này chắc là Bụt hiện

xuống để thử lòng ta. Ta tham lam thì ta chết... »

Nhưng bây giờ hai vợ chồng dù ăn năn than khóc mấy, cũng vô ích. Cái tay chồng cứ giữ chặt ở trong miệng con chó đá không thể nào rút ra được nữa. Vợ đành phải để chồng nằm ở đó, rồi cứ ngày ngày hai bữa đem cơm lên cho chồng ăn. Suốt ba năm như vậy. Vợ chồng không làm ăn gì được, bao nhiêu của cải trong nhà mỗi ngày một dần mòn khánh kiệt hết.

Vợ thấy tình cảnh khốn khổ, than thở với chồng rằng : « Rõ đau đớn cho hai vợ chồng nhà mình ! Người ta thường nói : « *No thì ra Bụt, đói thì ra ma* ». Nào hay vợ chồng nhà mình đã cho Bụt ăn no, mà Bụt lại ở với mình ra lòng ma, dạ quỷ ».

Chồng thấy vợ than thở cũng ngùi ngùi, nửa khóc nửa mếu, nói với vợ rằng : « Tưởng là chó đá có vàng, ai ngờ chó đá lại biết cắn ! Mình ơi ! Hai vợ chồng ta không được ăn ở với nhau đã ba năm nay. Tao thật lấy làm buồn quá. Thôi mình hãy ngồi xuống đây cho ta vui đùa ít chút, kéo khi người chết của hết thì còn giờ trò trống gì được nữa ».

Vợ nghe chồng nói cũng vui lòng, ngồi luôn xuống bên. Không biết anh chồng nghịch ngợm, vui đùa làm sao, mà con chó đá trông thấy phải bật cười há to miệng, người chồng vội rút ngay tay ra được. Hai vợ chồng vội đưa nhau chạy về, không còn dám ngoảnh lại trông con chó đá nó vẫn còn cười...³⁷ Rồi từ đó chừa tiệt được cái tính keo cú cay nghiệt, tham lam vợ vét.

THI VẼ NHANH

Xưa có một viên quan Tàu sang chơi An-nam, cứ hay khoe là vẽ khéo mà lại rất nhanh không ai theo kịp. Bấy giờ có một người An-nam tên là Kinh thấy nói thế, một hôm, đến tận nhà người Tàu, thách thi vẽ, thử xem ai nhanh, ai chậm.

Người Tàu nói : « Ngộ phải bảo : cứ tách một tiếng trống mà vẽ xong được một con vật, thì mới là mau ».

Ông Kinh hỏi : « Vẽ vật gì ? »

Người Tàu nói : « Cái này vẽ con gì cũng tặc, không kỳ nhất tịnh ».

Ông Kinh bảo : « Nếu dứt một tiếng trống vẽ xong một con vật đã lấy gì làm mau. Xong một tiếng trống, ta vẽ đủ mười con vật cho mà xem ».

Nói xong ông giục cho đem ra mỗi người một tờ giấy, một cái bút và một đĩa mực. Ông bắt đem cho ông cái đĩa to và mài mực cho thật nhiều. Trống vừa lên tiếng, ông nhúng cả mười đầu ngón tay vào đĩa mực rồi vạch vào giấy trắng mười nét ngoằn ngoèo.

Tiếng trống dứt, người tàu vẽ xong đủ bộ một con chim ngoảnh lên trông ông thấy ông làm thế, hỏi : « Cái nị làm cái gì tấy ? »

Ông Kinh nói : « Ta vẽ đủ mười con vật rồi đó ».

Người Tàu nói : « Cái con vật gì mà ngònng ngoèo thế ? »

Ông Kinh nói : « Con rồng chớ con gì ? »

Người Tàu ngạc nhiên hỏi : « Cái con rồng ? Nị nói cái

gì ? »

Ông Kinh bảo : « Ừ thì cái con giun cũng được ».

Người Tàu lại càng ngạc nhiên, giương mắt nhìn.

Ông Kinh mới giảng rằng : « Thì cái con giun chẳng phải là con rỗng đất mà người bên Bắc-quốc gọi là *Long Thổ* là gì ? »

Người Tàu nghe nói, bỏ bút chấp tay vái, chịu ông Kinh là người vừa mau tay vừa mau trí. Và tại có truyện này, sau người ta mới có câu thường nói rằng : « *Mau như ông Kinh vẽ giun* ».

VAN NHƯ VẠC

Xưa một nhà, có hai vợ chồng nằm ngủ với nhau. Chồng không tài nào nhắm mắt được còn vợ thì ngủ mê, ngủ mệt, chồng đánh thức làm sao cũng không dậy. Chồng tức mình mới hát ví một câu rằng :

*« Nằm đêm nghe vạc kêu canh
Nghe chim tử-luận khuyên anh với nàng ».*

Vợ sức tỉnh dậy nghe câu ví chập-chờn vắn lại rằng :

*« Ngủ thời không để cho êm.
Thức dậy nửa đêm van như vạc tác ».*

TRI ÂM VỚI KHƯỚU

Xưa có một người nuôi một con khướu hát thật hay, kêu đủ trăm tiếng không sót tiếng gì. Người ấy lấy làm trân trọng khướu lắm, gắp cào cào, châu châu đậu, là cũng bắt cho kỳ được để đem cho khướu ăn. Người ân-cần trông nom, khướu cũng ra dáng quyển-luyến, đôi bên khăng-khít, không ngày nào là không kẻ hát cho nghe, người đem cho ăn. Một hôm, người kia nằm ngủ giữa buổi trưa, treo con khướu ở trước cửa sổ. Lúc đang say giấc, bỗng phảng phất thấy một người con gái ra dáng nhà-trò, ăn mặc đồ thâm, đến đứng trước mình, du dương hát một bài rằng :

*« Gẫm trần thế tri âm là mấy kẻ,
Đã cam lòng với khách tương tri.
Trước song nam, xem bóng hoa phi,
Sau hồ nguyệt, gió làm ngư dực.
Sớm cung thương, trưa quản thước,
Này lưu thủy, họ hành vân.
Lẳng tai tiên đã bấy nhiêu lần.
Thân cá chậu, chim lồng nên dễ chuộc.
Lòng dưỡng dục biết nghìn vàng khôn chuốc.
Song nước non cự ước chí đầu lâm.
Trách người quân tử vô tâm ».*

Người kia nghe hát tỉnh dậy, không thấy nhà-trò đâu cả chỉ thấy con khướu đang réo rắt hát trong lồng... Nghĩ động lòng thương, người ấy liền đem lồng ra mở, buông tha cho khướu bay về ngàn.

HAI THẰNG ĂN TRỘM VÀ CON NGỰA

Xưa có hai thằng kẻ trộm, một hôm, rủ nhau đi ăn trộm. Chúng nó bàn định với nhau rằng : « Bây giờ anh em ta đi ăn trộm bò ».

Nhưng khi chúng nó vào một nhà kia, chẳng may có con chó sủa mãi, sủa hoài, người nhà nghe tiếng, bảo nhau rằng :

*« Chó đâu chó sủa chỗ không,
Chẳng thằng ăn trộm thì ông ăn mà ».*

Rồi cầm sào cầm gậy ra đuổi đánh. Hai thằng kẻ trộm chạy chí chết. Lúc đã xa rồi, mới dám đứng lại bàn với nhau rằng : « Hay bây giờ hai anh em ta đi ăn trộm trâu vậy ».

Nhưng khi chúng nó vào nhà kia, chẳng may lại phải một nhà kín cổng cao tường và người nhà nó còn đang thức, canh gác rất cẩn thận.

Hai thằng biết đợi lâu vô ích, rủ nhau đi, vừa than, vừa bàn định với nhau rằng : « Đầu thì trộm bò, sau thì tha trâu, mà ra bò không được, trâu cũng không xong. Hai anh em ta thật hôm nay ra ngõ gặp gái. Bây giờ đi một nơi nữa, nếu không được gì, thì đành phải mau mau trở về, kéo sáng đến nơi rồi ».

Hai thằng bèn đưa nhau vào một nhà kia, thì phúc đâu, một con ngựa buộc ngay ở ngoài gốc cây, mà chẳng thấy bóng vía người nào, cũng chẳng thấy tăm hơi con khuyển nào cả. Hai thằng sẽ bảo nhau vào cởi con ngựa ra, rồi cứ tự do thế dắt đi không e sợ gì cả. Khi ra tới ngoài đồng, hai

thằng bàn nhau chia của. Nhưng ngựa chỉ có một con, mà ăn trộm những hai kẻ, biết ai lấy ai đừng ? Hay chẳng lẽ lại bỏ đôi con ngựa ra ! Thành hai đứa tranh nhau, đứa này nhận là : « của tao », thì đứa kia cũng nhận là « Của tớ », đứa này muốn giữ lấy một mình, thì đứa kia cũng giật lấy cả ngựa. Trước khi hai đứa còn cãi nhau, chửi nhau, sau đến đấm nhau, vật lộn nhau, không đứa nào nghĩ đến con ngựa nó đang thơ thẩn dưới ruộng. Bất giác ngay lúc ấy, có một anh ăn trộm khác vừa qua đến đó, biết rõ câu chuyện, lén đến cưỡi lên mình ngựa, ra roi chạy một mạch.

Hai thằng trộm kia nghe tiếng chân ngựa mới vội bỏ nhau ra, bảo nhau đi đuổi. Nhưng ngựa chạy đang được nước ³⁸ đuổi sao cho kịp, hai thằng đành phải đứng lại nhìn nhau và tần ngần than thở với nhau rằng :

*« Trộm bò không được,
Trộm trâu chẳng xong.
Trộm được con ngựa,
Tưởng đã bỏ công,
Ngựa lại mất trộm
Tay không, hoàn không.
Ôi công không !
Ôi công không ! »*

QUÂN TỬ RUỒI

Xưa có một người tài bộ khá, học hành cách vật nhiều, cái tính lại hay ăn chơi và thường tự xưng là « quân tử ». Quân tử được cái khác hẳn người ta một điều là : thấy ruồi đâu, chẳng những không hề đánh đập bao giờ, lại còn ân cần trọng hậu với ruồi, mời ruồi ăn uống rất tử tế. Thời bấy giờ, vua kén phò mã. Quân tử ta cũng đi dự cuộc. Tới nơi, nhà vua làm một cái cung chín gian, y như nhau, cửa đóng then cài rất cẩn mật. Vua truyền cho thiên hạ chỉ được vào từng người một, và ai mở ngay gian đầu có công chúa, thì vua gả công chúa cho. Bao nhiêu người trước vào mở lăm, đều bị đòn đuổi ra cả.

Đến lượt Quân tử kia vào, bỡ ngỡ đang tìm, sức nhớ đến ruồi mới lăm bắm khẩn rằng : « Bấy lâu, tôi thiết đãi các bác tươm tất. Bây giờ tôi mới dám nhờ giúp hộ một việc. Các bác chui vào dò xem công chúa ở gian nhà nào, thời các bác bay ra cho tôi biết ».

Ruồi rằng : « Được chúng tôi báo ơn cho anh ».

Ruồi bay vào chín gian cung, dò được gian thứ ba là gian công chúa ở, mới từ đó từ từ bay chui ra. Quân tử cứ gian ấy mà gõ, quả nhằm gian công chúa ở, bèn vào lạy vua, xin gả công chúa cho. Nhưng vua chưa nghe, lại truyền bày ra chín cỗ yến như nhau, rồi viết tên Quân tử dán dấu vào dưới một cỗ, bảo tìm được đúng cỗ ấy ngay, thì mới gả công chúa.

Quân tử không biết làm thế nào, lại khẩn ruồi rằng : « Các bác đã thương tôi, thì thương cho trót. Tôi cậy các bác

vào xem cỗ nào có tên tôi dán ở dưới, thì đậu lên đấy để tôi vào, tôi tìm ». Ruồi nghe khẩn, vù vù hát rằng :

*« Có ơn có nghĩa với nhau,
Ơn sâu, phải trả nghĩa sâu cho vừa ».*

Rồi bay vào chín cỗ yến, bay đi bay lại xem được cỗ thứ năm có tên Quân tử, bèn đậu lên trên. Quân tử vào thấy ruồi đậu đó, liền ra ngồi ăn, rồi lật mâm lên, thì quả có tên mình dán ở dưới thật. Vua thấy vậy cười rằng :

*« Ai ngờ Trời định duyên hài,
Bệ Rồng mà lấy người ngoài Cửu Châu ».*

Rồi vua vui lòng gả công chúa cho Quân tử. Quân tử lấy làm cảm động quá, khẩn tạ ơn ruồi và vui mừng hát rằng :

*« Nghĩ mình « Quân tử » chẳng vu
Trai tài sánh với gái vua cũng vừa ».*

Lúc vua cho đưa công chúa về theo, người ấy lại hát với công chúa rằng :

*« Vinh hoa bõ lúc phong trần,
Chữ tình ngày lại thêm xuân một ngày ».*

Sau thiên hạ biết truyện, đặt tên phò mã ấy là phò mã « Quân tử ruồi ».

NGƯỜI ĂN MÍA VÀ NGƯỜI CHỦ VƯỜN

Xưa có một người đi đường, vừa đói, vừa khát trong mình nhược là như muốn rụi xuống. Bỗng thấy một cái vườn mía, không ai canh giữ cả. Người ấy muốn mua một cây ăn, không biết hỏi ai mà mua. Làm thế nào được ? Người ấy cứ vào trong vườn, bẻ liền một cây mía ăn cho đỡ khát. Ăn xong người ấy lấy tiền buộc vào cây mía ở bên cạnh. Một chốc, người chủ vườn ra xem vườn, thấy mất một cây mía. Nhìn kỹ lại thấy một xâu tiền treo vào cây mía ở bên. Người chủ vườn đem tiền ra đếm thì thấy bội hơi giá cây mía nhiều lắm. Ông ta biết ngay là có người ăn cây mía, để tiền lại trả mà trả nhiều quá, mau theo gót chân người kia, cố tìm cho được, để trả lại chỗ tiền thừa³⁹. Đi mãi lúc lâu, mới tìm thấy người kia. Nhưng người kia đói quá, đã chết còng queo bên đường rồi. Người chủ vườn thấy vậy xót xa trong lòng, nhận thấy có cái chùa gần đấy, vội vàng chạy vào cầu với nhà sư ra tay tế độ. Nhà sư cho tiểu ra khiêng thây người kia vào chùa rồi lấy mía, buộc tiền vào đặt lên bàn làm lễ, gọi là lễ « Chiêu hồn ». Ít lâu người kia dần dần tỉnh ra và sống lại.

Vì truyện này, mà từ đó hễ làm lễ triệu linh, các thầy chùa và thầy phù thủy hay dùng cây mía có buộc một xâu tiền vào.

HAI THỨ MỌT KHÁC NHAU

Xưa có một người chỉ chuyên những nghề tàn nhẫn lừa tiền, cướp của thiên hạ mà làm nên giàu nên có. Sau người ấy mua cả một bè gỗ, đem chìm xuống nước ba bốn tháng, rồi mới đem lên làm một tòa nhà rất trang hoàng, lịch sự.

Một hôm có một người bạn đến chơi, người kia đưa đi xem cả tòa nhà, rồi khoe khoang rằng : « Bác tính bao nhiêu gỗ làm vào cái nhà này là tôi đã ngâm dưới nước hàng ba, bốn tháng. Bác cho như vậy thì có đời nào mọt được nữa không ! »

Người bạn ung dung nói : « Bác tưởng gỗ chìm dưới nước ba, bốn tháng đã là nhiều lắm á ? Cho chìm đến trăm năm dưới nước vẫn còn mọt đấy bác ạ ! »

Người kia hỏi : « Bác nói gì lạ thế ? »

Người bạn nói : « Thế để tôi cắt nghĩa cho bác nghe : Có thứ mọt chìm xuống nước chết ; lại có thứ mọt chìm xuống nước, không chết. Có thứ mọt đốt cháy, chết ; lại có thứ mọt đốt cháy, cũng không chết. Thứ mọt chìm chết được, đốt chết được là thứ mọt ở ngoài. Còn thứ mọt chìm chẳng chết, đốt chẳng chết, là thứ mọt ở trong bụng... »

Người kia hỏi : « Mọt trong bụng là thế nào ? »

- À ! Bác không biết thứ mọt trong bụng là mọt « tham » ấy à. Nay, mọt tham là thấy người ta có con trâu béo, có mẫu ruộng tốt là sinh cách lừa đảo, cướp của người để làm của mình. Lúc giàu có lên rồi, mới có bạc, mua gỗ làm nhà làm cửa. Nhưng nhà cửa không được bền, vì trước mình là

mọt đục của người, mình rồi lại có người khác làm mọt để đục của mình... Bụng thì có mọt, thì nhà mình cũng có mọt liền... Thứ mọt như thế, rồi bác xem, dìm sao chết được và đốt sao cho cháy được !

Người kia nghe bạn nói, biết bạn cho mình là mọt, tỉnh ngộ ngay ra, tạ tội bạn. Rồi từ đó về sau không dám khoe cửa, khoe nhà, cũng không dám làm những điều tàn ác để cướp tiền, cướp của của thiên hạ nữa.

CÔ LÔ GỐC MÍT

Xưa có hai cô cháu, cô thì nhà có nhiều mít, nhưng phải cái tính keo bản. Còn cháu thì có tính hay ăn mít, nhưng lại phải cái không tiền mà mua.

Một hôm, cháu sang nhà cô chơi. Cô đã biết cháu, sợ cháu ăn mất nhiều mít, nói gióng lên bảo người nhà rằng : « Đi thôi cơm cho cháu nó ăn đi ».

Cháu đã để ý đến tự trước, nhanh miệng đỡ rằng : « Thôi cô ạ, đừng cơm cơm *mít mít* chi nữa cho nó phiền ».

Cháu không nói cơm cơm nước nước, lại nói cơm cơm *mít mít*, tức là như nói rõ cho cô biết cháu muốn ăn mít, thì thế nào, cô cũng phải cho ăn. Quả nhiên, bất đắc dĩ cô phải ra vườn để lấy mít. Nhưng cô đi hết cây này sang cây nọ, xem hết quả này sang quả khác mãi, sau thấy một quả vừa nhỏ vừa sâu, mới bảo chặt xuống, đem về bổ cho cháu ăn. Cháu ăn, khó nuốt trôi miệng, mới càu nhàu phàn nàn nói : « *Cô gì mà cô ! cô lô gốc mít* ».

Câu này hiện thành một câu tục ngữ, cháu vẫn thường nói để giễu bà cô hư.

THÈM

Xưa, một nhà có hai vợ chồng : ông chồng thì hay chữ, nhưng phải bà vợ được cái tính chỉ hay xơi quà. Một hôm, mới sáng sớm dậy, vợ đã vác mấy quan tiền bảo đi chợ. Mãi đến quá trưa mới về, tiền thì hết cả, mà chẳng thấy mua được cái gì. Chồng lấy làm lạ hỏi, thì vợ bảo là mất cặp cả rồi. Nhưng sau chồng dò được, mới biết bao nhiêu tiền đều vào hàng quà, hàng bánh hết. Chồng tức cười từ đó, bao giờ thấy vợ nói đi chợ, thì cũng đọc một bài thơ yết hậu để tiễn rằng :

*« Sớm tới hàng kê, đồ,
Trưa vào quán chả, nem,
Chuỗi dài, chuỗi ngắn hết,
Thèm ».*

SỢ SÉT BÀ

Xưa có một thầy đồ ngồi dạy học ở nhà một người đàn bà góa. Bữa nào, cơm ăn, người đàn bà cũng chỉ cho thầy ăn vừa sét bát thì thôi. Có một hôm, trời mưa, sấm sét dữ lắm. Người đàn bà sợ run cầm cập. Còn thầy đồ thì thản nhiên như không. Người đàn bà thấy vậy, hỏi : « Thầy không sợ sét ư ? »

Thầy đồ đáp : « Tôi không sợ sét của Trời, tôi chỉ sợ sét của bà thôi. Cứ mỗi ngày bà sét ba lượt thì tôi chết đói mất ».

CUA CẶP THẦY VƯỜN

Xưa có người thầy vườn, thuốc men chẳng biết chi, chỉ giỏi nghề đi dối chúng. Một hôm, thầy vườn đi qua trước cửa nhà một người thợ cày, thấy vợ nó có thai, giả vào xin nước uống, rồi tay thì bấm, miệng thì lẩm bẩm rằng : « Chị này có thai, nhưng tôi tính, chị sắp phải cái hạn nặng ».

Chồng nghe nói có hạn, kinh hoảng, van lạy thầy, đã biết thì cứu giúp. Rồi hai vợ chồng cố lưu thầy ở lại thết một bữa cơm để nhờ thầy chỉ bảo hộ.

Cơm xong, thầy làm ra bộ thông thạo, nói rằng : « Muốn giải cái hạn này, thì phải cúng Nam tào, Bắc đẩu mới được. Phải sắm cho đủ trầu, rượu, hương, hoa, xôi, gà, cá một cặp, cua năm con ».

Vợ người thợ cày nghe nói, vội vàng đi chợ để sắm sửa đồ lễ. Lúc về đến nhà, chẳng may có con cua nó sổ, nó bò người, rồi lên nó cắn ngay vào giữa vú. Người kia một mình gỡ không ra, mà đau đớn quá, không sao đi được nữa. Thầy vườn ở nhà đợi, thấy mãi chưa về, ra ngoài ngõ, đứng trông.

Vợ người thợ cày nom thấy, vội kêu lên rằng : « Thầy cứu giúp tôi ! Mau mau ! Thầy cứu giúp tôi ! »

Thầy vội chạy lại, thấy sự tình như thế, ghé miệng vào thổi định làm cho con cua phải nhả. Con cua nhả thật, nhưng nó lại bám ngay vào miệng thầy và cắn chặt lấy môi thầy, không sao gỡ được. Thầy cứ chịu đứng đó, nhẩn nhẩn nhó nhó, xít xa với cua. Trẻ con, người lớn rủ nhau ra xem, ai nấy cười ồ làm cho thầy vườn hổ thẹn trăm chiều... Lúc gỡ được

cua ra, máu chảy ròng ròng, cái môi sưng vếu, thầy lủi thủi
lảng mất, không dám trở lại làm trò cúng vái con hươu nữa.

CHÙA ĐẾN TẬN GIÀ

Xưa có người đàn bà, một hôm đi chợ, mua một con cua bể, định bụng đem về luộc ăn giầu chông. Lúc về đến đầu làng, sợ để trong thúng thì chông nó biết, người đàn bà mới đem cặp con cua vào trong mình. Chẳng may, vừa đi đến cửa chùa, con cua nó sổ sàng nó cặp ngay vào vú. Không tài nào gỡ được, người đàn bà đau quá phải nằm trước cửa chùa mà khóc.

Sư ông trong chùa nghe thấy tiếng khóc, chạy ra, thấy sự tình thế, mới chấp tay, đọc một câu rằng : « Na mô Phật ! Cứu nhất nhân, đắc vạn phúc. Rồi ghé xuống lấy miệng định gỡ con cua ra ».

Ai ngờ vừa ghé đầu vào, con cua nó giơ cái càng bên này, nó cặp ngay lấy miệng. Gỡ cho người không xong, lại buộc thêm mình vào, sư ông đau quá, cũng đành phải nằm xuống đó mà cùng người đàn bà giọt ngấn giọt dài.

Một chốc, đứa con người đàn bà, mong mẹ về chợ, lâu không thấy, mới thủng thỉnh ra chùa chơi. Nó thấy mẹ nó đang nằm với sư, hai người cùng khóc, nó lon ton chạy về mách với cha rằng : « Cha này cha ! U con đang nằm ngoài chùa cho nhà sư bú ».

Nghe nói sự lạ, người chông vội vàng chạy ra thấy tình hình làm vậy nực cười, rồi cầm cái dùi đập mãi con cua nó mới chịu nhả. Hai người bấy giờ mới dậy được, cái vú người đàn bà thì sưng vù, cái môi sư ông cũng vều tướng. Sư ông vừa đau, vừa thẹn, chấp tay, bĩu miệng nói rằng :

*« Na mô Phật !
Từ rày chừa đến tận già,
Mặc ai cưa cấn, chớ tra miệng vào ».*

ANH CHĂN DÊ VÀ ANH XÁCH NGỔNG

Xưa có một người, một hôm, đem đàn dê đi ăn, đang lúc ngồi nghỉ giữa đồng, thì thấy một người xách cái lồng, trong lồng có con ngỗng, cũng đến ngồi đó nghỉ chân. Hai người nói chuyện gẫu với nhau.

Người chăn dê hỏi người xách ngỗng rằng : « Con ngỗng anh mua bao nhiêu ? Tôi tưởng con ngỗng, một năm, sinh lợi chẳng được là mấy. Âu là anh về đem bán quách con ngỗng này đi. Anh lấy tiền mua lấy một đôi dê anh nuôi, chắc được lợi hơn nhiều... »

Người xách ngỗng nói lại với người chăn dê rằng : « Hai nghề ta đây cũng là nghề làm ăn cả. Nhưng tôi thiết nghĩ như cái nghề chăn sóc đàn dê kia khi chăn bờ bụi, khi chăn bãi bể, khi gặp nắng dữ, khi gặp mưa to, thì tôi tưởng công phu vất vả khó nhọc nhiều lắm. Mà cái lợi thật có được là bao ! Âu là anh nghe lời tôi, anh về bán đứt đàn dê này đi, anh lấy tiền mua một đôi ngỗng về nhà mà nuôi, anh không phải khó nhọc nữa mà lại được lợi biết bao nhiêu... Này nhớ, đôi ngỗng mỗi năm nở ra đôi ba lứa, bán được rất nhiều tiền, đôi ngỗng lại dũi cho trong vườn sạch cỏ, không phải quét tước mấy. Quí nữa là đêm đến anh ngủ được yên giấc vì đã có ngỗng nó giữ nhà cho anh... »

Người chăn dê nghe nói đến đây, lấy làm lạ hỏi : Anh nói cái gì ? ngỗng mà giữ nhà... »

- Ủ ngỗng giữ nhà... Thế anh không nghe nói chuyện, xưa có ông quan trong nhà nuôi một đôi ngỗng nó sinh nở nhiều,

khi thì bán trứng, khi thì bán con, chẳng bao lâu làm ăn trở nên giàu có ư ? Ấy tại giàu có, mà một đêm kẻ trộm nó vào rình nhà ông, nó định lấy của, nhưng vào đến nơi đàn ngỗng trong nhà coạc coạc kêu ầm lên, người nhà chạy ra theo bắt được kẻ trộm. Đấy có phải là nhờ có ngỗng mà của không mất không ? Tôi cho ngỗng giữ nhà thật tốt hơn chó vậy...

Anh chẵn dê nghe câu chuyện lấy làm phải, trong bụng phân vân chưa biết có nên đổi nghề chẵn dê làm nghề chẵn ngỗng không. Rồi hai anh đứng dậy chào nhau về, một anh theo đàn dê đi trước, một anh xách lồng ngỗng đi sau. Lúc đi, hai anh gặp quan Chánh-sứ với quan Phó-sứ đi sứ Tàu vừa kéo quân qua đó. Quan Chánh-sứ thì mít đặc, còn quan Phó-sứ rất hay chữ. Nên khi quan Phó-sứ trông thấy cái cảnh hai người đi như thế, mới đọc một câu rằng :

*« Nhất nhân khu quân dương,
Lung sơ, nga cảnh trường ».*

Rồi hai quan Sứ lại kéo quân đi. Một chốc gặp nhà hàng, hai quan Sứ vào nghỉ ăn cơm. Đang lúc ăn, quan Phó-sứ nói rằng : *« Diêm tận, canh vô vị ».*

Quan Chánh-sứ lại nhớ câu ấy làm lòng cả với hai câu trước. Khi hai quan Sứ sang đến Tàu, vào yết kiến vua Tàu, công việc ứng đối xong xuôi, lúc về, quan Chánh-sứ bèn làm bài thơ để bái tạ vua Tàu. Thơ rằng :

*« Nhất nhân khu quân dương,
Lung sơ, nga cảnh trường.
Diêm tận, canh vô vị
Kim nhật tạ quân vương ».* ⁴⁰

Vua Tào xem bài thơ, khen lấy khen để và phong chức cho hai quan Sứ. Mà bài thơ ấy hay chẳng là do tự hai anh chẵn dê, xách ngỗng kia mà thành sao ?

CHIÊM BAO THỊT CHÓ

Xưa có một người học trò gần đến kỳ thi, một đêm, nằm chiêm bao thấy có ông cụ già chống gậy đem đến cho một miếng thịt chó : người ấy cầm lấy ăn ngay. Lúc tỉnh dậy, người học trò ấy nói chuyện với vợ rằng : « Tôi vừa nằm chiêm bao thấy có ông cụ cho miếng thịt chó, tôi ăn liền. Cái điềm này tất là cái điềm gỡ, xấu lắm. Thật là :

*« Bấy lâu đèn sách gia công,
Điềm này chưa dễ mây rồng gặp nhau ».*

Vợ nghe rồi, cười mà nói rằng :

*« Chiêm bao điềm ấy tốt lành,
Bõ công ao ước học hành bấy lâu,
Khoa này, chàng ắt đỗ đầu,
Hẳn như điềm ấy, mới hầu trông mong ».*

Chồng hỏi : « Cao đoán làm sao mà dám quả quyết như vậy ? »

Vợ nói : « Cứ lấy ý ngu tôi, tôi đoán, thì một miếng tức là chữ *Phiến* 片 thịt chó ắt là chữ *khuyển* 犬 hai chữ ghép với nhau thành ra chữ *Trạng* 狀⁴¹ ! Thì khoa này có lẽ chàng đỗ đến *Trạng Nguyên* ».

Khoa ấy, quả nhiên người học trò vào kỳ nào cũng được văn hay chữ tốt, lỗi lạc hơn chúng nhiều, nhà vua chấm cho đỗ *Trạng Nguyên*. Bởi chuyện này mới có câu tục ngữ rằng : « *Ăn thịt chó, đỗ Trạng nguyên* ».

NỤ CÀ, HOA MƯỚP

Xưa có đứa con gái, một hôm, đi trẩy mướp, lúc đang đứng chơi yếm ra khều, thì có đứa con trai đi qua trông thấy, lên giọng hát rằng :

*« Vú em như quả mướp hương,
Tay anh phật thủ, đôi đường lấy nhau ».*

Đứa con gái vội vàng mặc yếm, rồi hát lại rằng :

*« Mình em như mướp nở hoa,
Mình anh như bướm bay qua trên ngành ».*

Đứa con trai hát lại :

*« Em như hoa mướp trên ngành,
Đây anh như bướm tung hoành càng vui ».*

Đứa con gái hát lại :

*« Anh hùng ví biết thuyền quyên.
Xin đưa quả mướp làm tin gọi là ».*

Rồi đứa con gái đưa cành hoa mướp cho đứa con trai, đứa con trai đưa cành nụ cà cho đứa con gái. Sau hai đứa lấy nhau. Nên tục ngữ mới có câu : *« Nụ cà, hoa mướp »* để nói đôi bên trai gái còn mơn mớn thanh tân.

KHÔNG HOA, KHÔNG CHỒNG

Xưa có một cô ả trước thì kén chồng, không lấy ai, sau lại thành luống tuổi, lỡ thời không ai lấy. Khi cha mẹ còn, cha mẹ gìn giữ, thì cô ả không việc gì. Nhưng đến lúc cha mẹ mất, không ai kiểm thúc, cô ả thấy cái bụng phình phình mỗi ngày một lớn. Gần đến kỳ sinh, cô ả không chịu ở nhà, cứ ra gốc cây sung nằm ngày nằm đêm. Anh em, họ hàng bảo cô ả về làm sao cô ả cũng không về, lại nói rằng : « Tôi đây cũng như cây sung tôi ở đây với cây sung, sống chết với cây sung ».

Mọi người đều lấy làm lạ hỏi : « Như cây sung là thế nào ? Sống chết với cây sung là làm sao ? » Cô ả không đáp. Rồi một chốc cô ả giả điên giả dại, ngêu nghao hát rằng :

*« Không hoa mà quả mới kỳ
Có qua, có quả cây gì là không ».*⁴²

Cũng như tôi đây này :

*« Không chồng mà chữa mới ngoan,
Có chồng mà chữa, thế gian sự thường ».*

Mọi người đều nực cười, nhưng nhất định không để cho cô ở với sung, đem cô về nhà cho sinh nở, và bắt cô phải chịu nộp tiền khoán cho làng.

DÙNG ĐĨA TRA TỘI

Xưa có một người đàn bà tính hay sợ đĩa, hễ thấy đĩa đâu là kêu inh làng nước. Sau người đàn bà ấy chữa hoang. Làng mang ra tra khảo thế nào cũng nhất định không xưng. Có người mách với làng : « Tính nó hay sợ đĩa. Bây giờ làng cứ bắt đĩa ra cho bám vào nó, xem nó có xưng không ? »

Quả nhiên khi làng bắt mấy con đỉ vào mình người ấy, thì người ấy sợ rụng rời phải thú thật ngay. Bởi vậy mới có câu rằng :

*« Chẳng ngoan, chẳng khôn.
Thấy đĩa phải nói càn ».*

NGƯỜI HỌC TRÒ VỚI CON RÙA

Xưa có một người học trò, một hôm, đi học về đi ngang qua bờ sông, thấy mấy người thuyền chài bắt được một con rùa, đang bàn nhau đem về làm thịt để đánh chén. Người học trò đến nói rằng : « Có phải các ông muốn uống rượu, tôi có quan tiền đây, xin đưa hầu các ông và xin các ông làm phúc đừng giết chết con rùa ».

Những người kia bằng lòng nhận quan tiền, rồi trao con rùa cho người học trò. Người học trò đem con rùa về nhà, coi sóc nuôi nấng ân cần quý hóa lắm. Quái lạ, mấy hôm sau cứ buổi đi học về, thì người học trò đã thấy một mâm cơm để phần rất tử tế, không biết ai thổi nấu mà ngon lành như thế. Một hôm, người học trò giả dạng vượt ve con rùa, nói rằng : « Em ở nhà ngoan nhé ! Hôm nay anh đi có chút việc cần đến đêm mới về ».

Rồi anh ta đi một chốc là lộn về ngay. Anh ta khẽ đứng dòm vào trong nhà, thì thấy một người con gái rất đẹp đang ngồi thổi cơm. Anh ta vội chạy lên vào, nắm chặt lấy cổ tay người con gái, hỏi rằng : « Nàng là ai ở đâu mà đến đây ? »

Người con gái nói : « Tôi xin thú thật cùng thầy, tôi là con rùa đây. Tôi có nhờ thầy cứu khỏi mới thoát tay bọn thuyền chài. Ớn thầy bao giờ dám quên, nên tôi định gắng ở lại đây ít lâu để nuôi nấng cho thầy ăn học, chờ khi thầy làm nên công danh rồi, thời tôi lại trở về thủy phủ ».

Người học trò bảo : « Nếu quả thật như vậy, thì âu cũng là túc trái tiền duyên gì đây. Dám xin gả nghĩa vợ chồng ».

Người con gái gạt đi nói rằng : « Không xong. Tôi với thầy kẻ dương gian người thủy phủ, âm dương cách biệt, không thể lấy được nhau. Bây giờ thiên cơ đã lộ, thì tôi phải về, chớ không ở được với thầy một ngày nào nữa ».

Người học trò nghe nói, sụt sùi gạt nước mắt. Người con gái phải yên ủi dỗ dành bảo đưa chỗ cho đi học. Rồi lại đội lốt rùa vào mà đưa người học trò xuống học dưới thủy phủ. Đến kỳ thi, lại đưa lên mặt đất thì người học trò đi thi đỗ Trạng nguyên. Lúc về vinh quy, đi ngang qua con sông trước, người học trò nhớ đến chuyện xưa, làm mấy câu hát chơi rằng :

*« Nước lênh đênh thấy rùa trôi nổi,
Mưa đem về nuôi bấy lâu nay.
Năm năm tháng tháng ngày ngày,
Cơm ăn còn nhớ, nghĩa này ở đâu.
Tưởng những nên nghĩa Trần Châu,
Nào hay chữa dựng nhịp cầu sông Ngân.
Tưởng những nên nghĩa Tấn Tân.
Nào hay trời đất chẳng vẫn lại cho ».*

CÂY ĐA BIẾT NÓI

Xưa có một người mang bạc đi đường. Đi đến gốc cây đa, ngồi đó nghỉ mát. Lúc đứng dậy đi thì bỗng thấy mất một bao bạc. Không biết hỏi vào đâu, người ấy mới nằm lăn bên gốc cây đa mà làm vạ.

Dân trong làng thấy vậy, bàn với nhau rằng : « Cây đa ấy thuộc về địa phận làng ta, một mai có sinh ra chuyện gì, thì cả làng phải cứu ».

Rồi, lên trình quan. Quan cho đòi người kia đến hỏi : « Tại sao người nằm vạ ở đó ? »

Người kia nói rằng : « Bẩm Quan lớn con ngồi nghỉ mát dưới gốc cây đa mà mất một bao bạc. Con không biết hỏi ai, nên phải nằm dưới gốc cây ấy mà kêu van ».

Quan truyền cho dân chặt một cành đa lên để quan khảo. Rồi quan sai người đào cái hố trước, cho một tên lính nằm phục sẵn đấy, và dặn nó hễ thấy trên tra hỏi thì dưới phải nói rằng : « Bẩm lạy Quan lớn, xin Quan lớn hãy khoan tay để con xem đứa nào lấy bạc, con xin xưng ».

Khi làng chặt cành đa đem đến quan cho để phủ lên trên chỗ hố người lính nằm, rồi sai lấy vồ khảo mãi vào cành đa. Người lính ở dưới hố, cứ nói đi nói lại câu quan đã dặn trước. Bấy giờ từ trong dinh quan tiếng đồn ra khắp mọi nơi rằng : « Cây đa biết nói, sắp xưng tên lấy bạc ».

Có tật giật mình, trong làng có một đứa gian đã lấy bạc của người kia, nghe đồn lo quá, sợ cây đa nói xưng tên mình ra thì chết. Tiên năng tự thú, nó vội vàng ra lấy bạc đem đến

trước quan thú tội và xin dong thứ ⁴³. Thế là quan lấy mẹo xử, mà quân gian mắc mẹo thật.

BA CON TRÂU ĐƯỢC THÀNH CHÍN CON

Xưa có một ông vua, một hôm, sai một ông quan đi dò khắp nước xem có những ai là người tài giỏi. Ông quan đi đã nhiều nơi mà chưa thấy người nào thật vào bực lỗi lạc.

Mãi một buổi, ông lang thang đi đến đầu làng kia, thấy hai cha con nhà nọ đang đánh trâu cày ruộng mà ở trên đầu có một đám mây che rất đẹp. Ông bèn dừng ngựa lại hỏi rằng : « Nhà ông kia ! Trâu ông cày một ngày được mấy đường ? »

Người cha chưa kịp nói thì đứa con đã hỏi vặn lại ông quan rằng : « Thế xin dám hỏi ngựa ông đi một ngày được mấy bước ? »

Ông quan nghe hỏi, không đáp được ra sao cũng như người kia trước không đáp được câu hỏi của ông. Ông khen thầm trong bụng « Thăng bé này thông minh ».

Rồi ông quay ngựa về tâu với vua sự thể ông tìm được kẻ hiền tài như thế. Vua lấy làm mừng. Nhưng muốn thử tài lại, vua bèn sai ban cho làng ấy ba thúng gạo nếp và ba con trâu đực, và có lời chiếu rằng : « Phải nuôi làm sao cho ba trâu đực ấy thành ra chín con và năm sau phải đem vào nộp đủ. Không thì cả làng phải tội ».

Khi dân làng nhận được gạo, được trâu và được chiếu của nhà vua, ai nấy đều lấy làm lạ lùng, lo lắng không biết làm ra thế nào. Nay làng họp, mai làng họp, họp đã đến mười ngày, cụ nào, bô ấy, chẳng ai nghĩ ra được mưu mẹo gì cả.

Con người thợ cày thấy cha đi họp việc làng luôn, mà

hôm nào về, cũng ra dáng lo buồn nghĩ ngợi mới hỏi cha rằng : « Cha đi họp việc làng có việc gì thế ? »

Cha bèn đem chuyện vua ban trâu, ban gạo kể lại tỏ tường cho con nghe. Rồi nói : « Việc thật khó quá... Có lẽ rồi vua bắt tội cả làng chớ chẳng chơi ».

Con bảo rằng : « Việc ấy con cho thật dễ như không. Can gì mà làng phải lo. Để đến mai con xin theo cha ra họp việc làng, con nói hầu làng nghe ».

Hôm sau hai cha con bảo nhau đi họp thật. Khi dân đã đến đông đủ, người con đứng dậy thưa với làng rằng : « Cái việc này xin làng cứ giao cho tôi một con trâu với một thúng gạo. Còn hai con trâu và hai thúng gạo, xin làng cho đem ra làm thịt. Ta ăn mừng với nhau. Khi nào đến kỳ nộp trâu trả nhà vua, làng cứ để mặc mình tôi lo liệu được xong xuôi mọi việc ».

Làng nghe nói, kẻ bàn ra, người bàn vào, không ai dám tin thẳng bé nó nói đùa. Nhưng thẳng bé nó quả quyết xin làm giấy cam đoan với làng, cả cha nó cũng ký kết vào đấy. Bấy giờ làng mới chịu tin. Làng bắt làm giấy má cẩn thận xong rồi, mới cho làm thịt trâu ăn uống với nhau thật.

Cách vài hôm, hai cha con người thợ cày đưa nhau đến chỗ vua đóng. Con dặn cha đứng đợi ngoài. Còn một mình can đảm đi thẳng đến trước mặt vua, quì xuống lạy, rồi khóc ầm cả điện.

Vua bắt không được khóc nữa và phán hỏi rằng : « Thẳng bé kia có việc gì ? Sao dám đến đây mà khóc ».

Thằng bé liền cất lời tâm minh bạch rằng : « Tấu lạy Đức Vua muôn tuổi, mẹ tôi chết sớm, tôi chỉ còn cha tôi. Ngày đêm tôi thường cầu nguyện cho cha sinh thêm lấy vài chút em bé để nó chơi với tôi cho vui, kẻo tôi có một mình buồn lắm. Nhưng mấy năm nay, tôi mong đợi mãi mà chẳng thấy cha tôi sinh ra cho tôi được đứa em nào nữa... Cho nên tôi càng buồn, tôi phải khóc. Dám xin nhà vua là Đức sáng suốt trên Trần, phân xử cho tôi được nhờ ».

Vua nghe nói bật cười phán rằng : « Mày muốn có em, thì phải dạm vợ bé cho cha mày, chớ một mình cha mày thì làm gì được ? »

Thằng bé bắt ngay câu ấy tâm lại rằng : « Đức Vua phán thế, chúng tôi cũng biết. Phạm sự sinh nở phải có đủ đực, cái mới được... Song ngày nọ, Đức Vua có ban về cho dân làng chúng tôi ba con trâu đực, không cho con trâu cái nào, mà lại hẹn rằng phải làm sao cho ba con trâu ấy sinh được chín con để đem nộp nhà vua. Dân chúng tôi thật đang lúng túng, chưa biết làm thế nào ».

Vua cười phán rằng : « Ta thử đấy thôi... Thế sao không đem trâu ấy ra làm thịt mà ăn với nhau ? »

Thằng bé tâm : « Đức Vua đại xá. Dân chúng tôi thật đã làm thịt trâu, thổi xôi ăn mừng với nhau rồi ».

Vua chịu thằng bé ấy là thông minh tài giỏi, liền phong cho làm Trạng nguyên.

CỦ KHOAI VÀ CÁI CẦU

Xưa có một người bên Hà tây nghe nói bên Hà đông có củ khoai to lắm, mới đi xem khoai. Lại có một người bên Hà đông nghe nói bên Hà tây có cái cầu cao lắm, cũng đi xem cầu. Hai người gặp nhau ở giữa đường, mời nhau vào hàng uống nước để hỏi thăm chuyện nhau.

Người Hà đông hỏi người Hà tây rằng : « Bác đi đâu, công chuyện gì ? »

Người Hà tây nói : « Tôi sang xem củ khoai to bên Hà đông ».

Người Hà đông bảo : « Bác không phải đi nữa. Tôi xin nói để bác nghe : Củ khoai bên Hà đông tôi thật to, không gì sánh kịp. Một vạn quân chỉ ăn củ khoai ấy đã hơn một tháng nay mà mới hết có non một góc ».

Người Hà tây nghe rồi, hỏi : « Thế bác đi đâu, công chuyện gì ? »

Người Hà đông nói : « Tôi sang xem cái cầu cao bên Hà tây ».

Người Hà tây bảo : « Thế thì bác cũng không phải đi nữa. Tôi ở bên ấy biết cái cầu ấy rồi ».

Người Hà đông vội hỏi : « Thế cái cầu ấy cao thế nào ? »

Người Hà tây thủng thẳng đáp : « Ôi ! cái cầu ấy thật cao, cao không lấy gì mà đo cho được... Trước có một người bồng một đứa con lên chơi trên cầu, lỡ tay đánh rơi con xuống sông lấy làm thương tiếc, trở về đóng chiếc thuyền đã

hơn một tháng, chèo ra đó để cứu con, mà đứa con vẫn còn chưa rơi tới mặt nước... Hai cha con họ gặp nhau rất vui sướng ».

Người Hà đông bảo : « Thôi, thế thì tôi không phải sang Hà tây nhà bác xem cầu nữa, mà bác cũng chẳng phải sang bên Hà đông nhà tôi xem khoai làm gì ».

Người Hà tây bảo : « Phải đấy, tai ta nghe nói thế cũng đã đủ. Hà tất cứ phải mắt trông thấy mới được ».

Câu chuyện xong, hai người sắp từ giã nhau, mời mời nhau ăn trà. Song không biết người nào nhiều tuổi hơn mà ăn trước.

Người Hà đông mới hỏi người Hà tây rằng : « Bác năm nay bao nhiêu tuổi ? »

Người Hà tây nói : « Lâu nay tôi cũng quên. Tôi chỉ mang máng nhớ trước mẹ tôi có thai tôi, ăn quả đào lấy trộm trên vườn bà Tây Vương Mẫu, ba nghìn năm mới nở hoa, ba nghìn năm mới kết quả, mà cái hạt đào mẹ tôi bỏ ra đem trồng thành cây, cây ấy đã kết quả thành cây khác, mà hiện nay thứ đào ấy lên chiu chít đã như rừng rồi... Thế còn bác năm nay bao nhiêu tuổi ? »

Người Hà đông nói : « Tôi cũng không có trí nhớ như bác. Tôi chỉ biết rằng tuổi tôi cứ mỗi năm biên vào một cái thẻ bằng cái tấm que, mà số thẻ bây giờ chắt đầy bảy gian nhà chưa đủ, còn phải xếp nhờ ra cả ngoài đình ngoài chùa nữa. Tôi mắc nhiều công việc, nên chưa lúc nào tính được, mà có tính cũng không xuể... »

Người Hà tây nói : « Như thế thì biết ai nhiều tuổi hơn ai ? Hay ta thử hỏi mẹ hàng xem mẹ nay xuân thu đã bao nhiêu rồi ».

Lúc hỏi mẹ hàng, thì mẹ này nói rằng : « Tôi đàn bà không biết chữ, cho nên không biết tuổi. Nhưng có thằng em tôi nó biết ».

Hai người hỏi : « Thế ông em ở đâu ? »

Mẹ hàng nói : « Nào tôi cũng chẳng biết nó ở đâu bây giờ... Tôi chỉ biết tên nó là thằng Bàn ».

Hai người nói : « Em mẹ là thằng Bàn ⁴⁴ ? Thế thì mẹ nhiều tuổi hơn hai anh em chúng tôi rồi, phải xin mời mẹ xơi trầu trước ».

KÉO CÂY LÚA LÊN

Xưa có một người, đang khi đại hạn, ra đồng có lúa, thấy lúa người tốt, mà lúa mình xấu, bèn lấy tay kéo cây lúa của mình cho bằng lúa của người. Lúc về nhà, người ấy khoe với vợ con rằng : « Lúa của ta xem bây giờ có tốt hơn lúa của người rồi không ! »

Vợ con không tin. Anh ta lại nói rằng : « Không tin, ra mà xem ».

Khi vợ con ra đồng xem thật, thì bao nhiêu lúa đã khô héo rũ cả rồi. ⁴⁵

THẦY DẠY HỌC TRÒ

Xưa có ông thầy dạy học, một hôm dạy học trò rằng : « Các con có học, thì học làm con trống, chớ làm con mái ».

Học trò hỏi tại sao. Ông giảng rằng : « Trò đời giống đực bao giờ cũng có chí lớn hơn giống cái ».

Hôm khác, ông lại dạy rằng : « Các con có học, thì học làm con chim cốc ».

Học trò hỏi tại sao. Ông giảng rằng : « Cốc là giống có chí cao và bay xa được nghìn dặm ».

Hôm khác nữa, ông lại dạy : « Các con có học vẽ, thì cũng học vẽ con chim cốc ». Học trò hỏi tại sao. Ông giảng rằng : « Các con vẽ con cốc, nên ra, thì được hết như con cốc, mà không nên ra nữa, thì cũng còn ra được con cò... Chớ nếu các con học vẽ con cọp, thì rồi hóa ra con chó mất ».

THANH YÊN SO VỚI PHẬT THỦ

Xưa có một người tìm đến học một ông thầy ở làng xa. Học được vài ba năm, người ấy đã tự nghĩ là sức học ngang ngang với thầy, xin về nhà để học lấy không ở theo thầy nữa. Cách đó hai năm, trong vườn anh ta, có cây thanh yên được năm, sáu quả, mà có một quả lớn lắm, anh ta rất lấy làm trân trọng. Tháng chạp, anh ta cho hái quả thanh yên ấy để đem đi lễ thầy cũ, và nhân tiện để xem sức thầy một thể. Lúc đến nhà thầy, chưa kịp bày gì, thì chợt anh ta trông thấy trong vườn thầy, bao nhiêu cây Phật thủ, quả lớn có, quả nhỏ có, quả chín có, quả chưa chín có, xanh vàng tươi đẹp, vị hương nức, càng lâu, càng xa, càng dày, càng thắm. Anh ta thấy thế tần ngần có ý thẹn. Thầy trông mặt, biết lòng, gọi lại hỏi.

Anh lấy sự thực, thưa với thầy rằng : « Thưa thầy, quả thanh yên ở nhà tôi, tôi tưởng trân trọng là thế. Đến đây thấy vườn Phật thủ nhà thầy, tôi mới hay trân trọng khác xa ».

Rồi lại thưa rằng : « Từ nay về sau, tôi mới biết cách đi học. Thật là : xem vườn dạng bằng xem sách, mùi quả khác chi mùi văn. Người ta càng học, lại càng biết mình là dốt ».

Thầy nghe nói, đỡ lời bảo rằng : « Có xem bề, mới biết nước ao không mấy nổi : có lên núi, mới biết đá cống chẳng bao nhiêu ; có qua rừng, mới biết cây vườn không mấy chút... Đi học có biết thế, học mới tiến ích được ».

Anh kia nghe nói, cúi đầu bái tạ. Rồi từ đó, lại xin ở với

thầy, cố chuyên tập học hành. Không bao lâu, nhờ thầy dạy bảo, học mỗi ngày một cao, một rộng, và lúc đi thi, đỗ đầu trong thiên hạ.

NA MÔ CHUYỀNH

Xưa có ba anh học trò, một hôm ăn canh lơon, lấy làm ngon lắm. Ba anh hứng chữ, bàn với nhau rằng : « Lơon là giống quý thế này mà xưa nay, chưa có chữ gì để đặt tên cho nó cả. Chi bằng, đang lúc ngon miệng, ba anh em ta nghĩ đặt cho nó một chữ thật đẹp để họa sau này thiên hạ ghi chép vào sử sách chẳng ».

Một anh nói rằng : « Con lơon vốn là giống ở dưới nước, tôi đặt cho nó có « Ba chấm thủy » (氵) »

Một anh nói rằng : « Con lơon vốn có tính chúi dưới bùn, tôi đặt cho nó một chữ « Thổ » (土) nữa ».

Anh thứ ba nói rằng : « Con lơon vốn có cái đuôi uốn khúc cong cong, tôi đặt cho nó thêm một chữ cong cong là chữ « Tư » (厶) ».

Nói xong, ba anh ghép ba chữ lại, thành ra một chữ là : « 法 ».

Ba anh lại bàn nhau : « Chữ đã đủ nét rồi. Nhưng không biết gọi là chữ gì, đọc ra âm gì cho nó giòn, thì thiên hạ mới chịu theo ».

Bàn tán mãi, sau ba anh cùng đồng ý đặt cho cái chữ 法 ấy âm là chữ « Chuyềnh ».

Con lơon quý hóa bây giờ có chữ viết là 法 lại có âm gọi là « Chuyềnh ». Đủ cả chữ, chữ có nghĩa sâu xa, đủ cả âm, âm đọc giòn sang sảng, ba anh đắc chí vỗ tay cười xòa.

Nhưng chợt một anh giật mình bảo hai anh kia rằng :

« Chết rồi ! Ba anh em ta nay đặt được một chữ hay đến như thế, là có bao nhiêu tinh hoa trong mình, nó bốc ra hết cả. Anh em đến chết mất, không gì cứu được nữa ».

Rồi ba anh sụt sịt ngồi khóc với nhau. Chợt có ông sư đi ngang đó, thấy ba người đang khóc, lấy làm lạ, ghé vào hỏi. Ba anh em kia đem đầu đuôi câu chuyện kể lại. Thì lúc kể xong, ba anh thấy ông sư cũng giọt ngấn, giọt dài như khổ não lắm. Ngạc nhiên, ba anh hỏi ông sư : « Kìa sao mà nhà chùa cũng khóc thế ? »

Ông sư nói rằng : « Nào có gì đâu ? Bần tăng ăn mỳ Phật đã hơn ba mươi năm, xưa nay kinh-kệ vẫn chỉ biết có tụng niệm rằng : « *Na mô Pháp* » hay *Phật Pháp tinh thông*... mà thôi... Đến bây giờ, nhờ được ba thầy dạy cho mới biết không phải là *Na mô Pháp*, *Phật Pháp tinh thông*... mà là *Na mô Chuỳnh*, *Phật Chuỳnh tinh thông*... Vậy A di đà Phật ! *Na mô Phật*. *Na mô chuỳnh* hay *Na mô lươn*. *Na mô tăng*, *Phật chuỳnh* tinh thông hay *Phật lươn tinh thông*... Tôi cũng đến chết mất !... Nên tôi khóc với các thầy là phải ».

ANH THỢ RÈN BỪA

Xưa có một anh thợ rèn nhất thiết từ cái cuốc, cái thuổng đến con dao, cái kéo, không rèn cái gì cả. Anh ta chỉ chuyên rèn có một giồng bừa thôi. Một hôm, đi chợ mua sắt gánh về, trời đã nhá nhem tối, anh ta đi ngang qua một đám cỏ, nghe thấy xì xào như có tiếng nói chuyện. Đã tưởng là ma quỷ, anh ta sợ run cả người, không dám bước chân đi nữa. Nhưng lắng tai nghe rõ thì thấy một cây cỏ hỏi những cây cỏ kia rằng : « Các anh có sợ cái cuốc không ? »

Một cây cỏ đáp : « Cuốc chỉ cuốc từng khu một. Ta không sợ ».

- Thế các anh có sợ cái thuổng không ?

Một cây cỏ khác đáp : « Thuổng chỉ đào sâu từng hố một. Ta không sợ ».

- Thế các anh có sợ cái lưỡi cày không ?

Một cây cỏ nữa đáp : « Lưỡi cày chỉ bầy lên từng đường một. Ta không sợ ».

- Thế các anh có sợ cái lưỡi liềm không ?

Một cây cỏ thứ tư đáp : « Liềm chỉ vơ được từng nắm một. Ta không sợ ».

- Những cái ấy đều là những cái làm hại mình hết cả, mà các anh không sợ, thì các anh sợ cái gì ? Nói cho tôi biết thử...

Cả đám cỏ nhao nhao lên nói một dịp rằng : « Chúng ta đây chỉ sợ có một *thăng bừa*. Nó mà đưa vài cái, thì rằng nó vơ *bừa bừa* hết cả đám ta, không còn sót một mống nào ».

Người thợ rèn nghe nói, trong bụng hồi hộp nghĩ rằng :
« Như thế thì những bữa xưa nay ta làm chẳng là hại lắm sao ! Mà ta đây làm nghề rèn bữa bán bữa cũng chẳng là độc ác lắm ru ? »

Nghĩ vậy, anh ta liền quăng miếng sắt đã mua xuống đám ruộng sâu, rồi vội chạy về nhà. Về tới nhà, vợ nó hỏi :
« Chớ sắt mua đâu ? »

Anh ta nói : « Sắt ta không mua ».

Vợ lại hỏi : « Sắt không mua thì tiền đâu ? »

Anh ta nói : « Tiền đánh bạc thua hết cả rồi ».

Vợ nghe nói, nổi giận đùng đùng, đánh cho kỳ thừa sống thiếu chết. Bấy giờ anh ta mới thú thật với nó rằng : « Tao đi chợ mua sắt về, khi đi qua đám cỏ, nghe thấy cỏ bàn chuyện nhau không sợ chi cả, chỉ sợ có cái bữa. Tao nghĩ tao làm việc thất đức nên tao quăng sắt đi, tao thề từ rày không rèn bữa nữa. Tao làm nghề khác, kéo mà mang tội... »

Vợ hỏi rằng : « Ừ thế bây giờ làm nghề gì ? »

Chồng đáp : « Nọ thiếu chi nghề ! Tao làm nghề kiếm củi tao ăn ».

Vợ mắng rằng : « Sao mà ngu thế ! Thôi làm nghề hại cỏ mà lại làm nghề chặt cây, thì cây cũng như cỏ là giống trời sinh ra cả, có khác gì ».

Chồng nói : « Ừ mà nói phải. Hay ta làm nghề đi cày ».

Vợ lại mắng : « Rõ đồ ngốc ! Làm nghề đi cày tức là làm nghề bới đất, lật cỏ. Đã chữa hại cỏ cách này, sao lại tìm hại cỏ cách khác ».

Chồng gãi đầu, gãi tai bảo : « Thế thì tao đi học vậy ».

Vợ nghe nói chồng đi học, lấy làm mừng lắm nhảy cẫng mãi chân lên. Vô phúc thế nào chân vấp phải răng một cái bừa gần đấy, máu chảy ra lênh láng. Vợ vừa ôm chân lu loa khóc, vừa hỏi gặng chồng rằng : « Thế thì mình định lại rèn bừa hay đi học thật nào ? »

CUỐC, CÀY, BỪA TRANH CÔNG

Xưa có một nhà khai hoang một thửa ruộng, thuê một người đi cuốc, hai người đi cày và một người đi bừa. Bốn người ra đồng tự sáng sớm tinh sương. Người cuốc thì cuốc chung quanh ruộng. Hai người cày luôn hết đường nọ sang đường kia. Duy có người bừa là không có việc gì, chỉ cưỡi trâu chơi, và ngêu ngao những câu phong dao cổ, nào lúc thì :

*« Mồng chín, tháng chín không mưa,
Cha con ta gác cày bừa đi buôn ».*

Nào lúc lại :

*« Mồng chín, tháng có có mưa,
Để cho thiên hạ cày bừa làm ăn ».*

Đến nửa buổi, nhà chủ đi ra thăm ruộng, hỏi những người kia rằng : « Thế nào, các bác làm những công việc gì ? Có chăm chỉ không ? »

Người cuốc nói rằng : « Tôi giữ việc cuốc, thì tôi chăm lắm ».

Hai người cày nói : « Chúng tôi giữ việc cày, cũng chăm lắm ».

Nhà chủ hỏi : « Thế còn người nữa làm việc gì ? »

Ba người đồng thanh nói : « Anh ấy chỉ chơi với hát, chưa bừa được tí nào cả ».

Người chủ mắng người bừa rằng : « Rõ đồ toi cơm ! »

Người bừa giận lắm, không nói không rằng, vác bừa đi.

Ra đến đường, vừa gặp một ông quan đi tới, người ấy liền đến thưa rằng : « Tôi cùng hai người cày, một người cuốc. Ba anh ấy làm chưa xong việc, tôi biết lấy đất đâu mà bừa. Mà ba anh ấy lại tâng công với nhà chủ, nói tôi không làm gì, để nhà chủ mắng tôi. Dám xin quan lớn soi xét ».

Ông quan cho đòi ba người kia lại, quở rằng : « Ba đứa chúng mày cày cuốc chưa xong, thì lấy đất đâu cho thẳng này nó bừa ? Sao chúng mày khoe công lại nói không hay cho nó, để nhà chủ mắng nó ? Tội chúng mày để đâu, đét cho mỗi đứa mười roi ».

Khi ba anh bị đòn xong rồi, ông quan đem người kia ra cho nó bừa. Nó bừa chỉ một chốc, thì bao nhiêu ruộng sạch cỏ hết cả.

Ông quan khen rằng : « Cày, cuốc có công, mà không có bừa, cũng chẳng làm gì. Chúng mày làm già nửa buổi không xong. Nó mới làm có một lúc xong ngay. Thế thì công cái bừa to hơn cái cuốc, cái cày nhiều ».

Chủ nhà đứng đấy, vỗ-về người bừa rằng : « Bây giờ tôi mới biết công anh. Thôi anh bằng lòng vậy. Tôi biết sức cái bừa của anh rồi, thật là bừa-bừa cả, cây cỏ nào mà còn mọc lên được ! »

CƠM VỚI CÀ

Xưa có một người trong nhà kể cũng vào bậc khá giàu, nhưng tính hay bần tiện, không hề phao phí đi đâu một tí gì. Bữa cơm, người ấy thường chỉ ăn một dúm muối với một đôi quả cà vừa đủ no thì thôi.

Thiên hạ, có kẻ thấy thế cười mà bảo rằng : « Ta nghĩ người sinh ra trong trời đất, này mưa, mai gió, chẳng lấy gì làm chắc, cho nên lúc ăn, lúc uống, tưởng cũng nên tìm sao cho vui thích chớ nhịn miệng làm chi cho tội cái thân ».

Người kia nghe nói, mắng lại rằng : « Anh biết một, mà chẳng biết mười : Con người ta ở đời không phải một ngày một phút gì, nhưng còn lâu dài mãi. Vậy mà cứ chưa ăn chưa mặc, không liệu tính việc gì, thì dần dà của hết, người còn, mình đã chẳng có mà ăn, mà con cháu mình rồi cũng vì mình mà đói rách khổ sở. Nếu mình để lại cái tiếng : « Cha ăn mặc, con khát nước » thì mình còn ra gì nữa chẳng ? »

Rồi sau mặc tiếng khen chê. Người ấy giữ thói bần tiện. Chẳng bao lâu trong nhà mỗi ngày một giàu có, thịnh vượng mãi lên, mà đàn con, đồng cháu cũng được đề huề sung túc. Thiên hạ thấy đều khen rằng : « *Cơm với cà, là nhà có phúc* ». Câu ấy nay thành câu tục ngữ ».

THỊT NGÓE, CANH GÀ

Xưa có người trồng một vườn cà rất tốt. Một hôm, có bạn đến chơi giễu rằng : « Bác trồng cà làm gì nhiều thế ? bác không nghe người ta có câu hát rằng : « *Thịt ngóe mà nấu canh cà. Ba đời cháu ngoại đưa bà về quê* » đấy sao ? »

Người kia đáp lại rằng : « Anh nói cái gì lạ lùng ! Thế anh lại không biết có câu tục ngữ rằng : « *Cơm với cà, là nhà có phúc* » ư ? Và chẳng cà tôi đây bán chợ nào ai cũng mua, khách nào đến nhà, ai cũng ăn... Thôi, hay nhân tiện đây, tôi xin thết anh một bữa cơm với cà để anh nếm thử xem ».

Người bạn bằng lòng. Lúc ăn cơm, lại ngỏ lời khen : « Cơm với cà thật đã nên ngon ! »

Người kia bẻ lại rằng : « Lúc nãy anh vừa ghét cà, bây giờ anh lại khen cà ngon, sao anh lăm điều thế ? »

Bạn nói : « Bác dạy thế. Chớ tôi khen chê mà khác nhau, là bởi quả cà nó khác nhau. Trước kia, tôi chỉ biết có một thứ cà quả tròn là *cà táo*, hay quả dẹt là *cà dứa*, *cà ghém* mà thôi... »

Người kia nói : « Cà nó có nhiều loài, nhưng vị nó cũng không khác gì nhau. Thế anh có biết thứ cà tôi thết anh đây gọi là cà gì không ? »

- Không ! Thật quả tôi không biết...

- Thế thì anh còn ngu thật. Đây là cà dài mà nhỏ quả này gọi là *cà soan* hay *cà vú trâu*, còn thứ cà dài mà to quả mà anh vừa xơi vừa khen ngon hơn cả, chính nó tên gọi là – xin thất lỗi – *cà dái dê* đấy anh ạ...

Bạn biết bị mắc lõm, nhưng trót đã ăn, không dám đi
răng khen chê nhiều lời nữa.

MẸ HIỀN CON THẢO

Xưa một nhà có hai mẹ con, mẹ thì hay ăn thịt gà, mà con thì hết lòng chiều mẹ. Phải khi trở trời, bà mẹ mệt nhọc trong mình, không muốn ăn gì, chỉ ước ao thịt gà. Chẳng may bấy giờ láng giềng hàng xóm không ai có gà mà lại chợ thì xa, trời thì mưa gió, không làm thế nào kiếm cho ra gà. Ở nhà cũng có một con gà mái, nhưng nó lên ổ, mới nở được mười hai con gà con. Người con không biết tìm đâu cho có gà mới thưa với mẹ, xin làm thịt con gà mái để mẹ ăn.

Bà mẹ gạt đi bảo rằng : « Con gà mái, con nó còn nhỏ. Hãy để nó nuôi cho con nó lớn, trước là biết thương loài vật, sau nữa bán được lấy tiền. Con không nghe người ta thường nói : « *Như gà mất mẹ* » hay sao ? Thôi con đừng làm thịt nó, tội nghiệp ! »

Con thưa rằng : « Mẹ dạy cũng phải. Song gà rồi lại đẻ ra gà được, cha mẹ không ai đẻ ra được nữa ! Mẹ cứ cho phép con làm để mẹ xơi ».

Bà mẹ nhất định không chịu. Người con phải chiều ý mẹ. Làng nước, ai biết chuyện cũng khen rằng : « Thật là mẹ hiền, con thảo : Con thì biết thương mẹ, mà mẹ thì biết thương gà ».

CÂY TÁO VÀ NHÀ LÁNG GIỀNG

Xưa có một nhà có cây táo, cành mọc trở sang cả nhà lán giếng. Đến mùa cây táo có quả, vợ người lán giếng thấy vừa chín đến nơi, nghĩ rằng ngon ngọt, ra bứt một ít đem vào đưa mời chồng ăn. Chồng hỏi, biết là táo vợ đi lấy trộm của nhà người ta, lấy làm giận lắm, cho vợ là đứa không ra gì có ý muốn bỏ. Nhà có cây táo, biết chuyện, cho là tại cây táo của mình mà đến nỗi vợ chồng người ta phải bỏ nhau, lấy làm không phải, định chặt cây táo đi. Nhưng có ông lão biết rõ đầu đuôi việc này, đến khuyên người có táo đừng chặt cây đi. Rồi lại cùng người có táo đến khuyên người kia đừng bỏ vợ mà tội nghiệp. Trong làng thấy vậy, có người làm mấy câu hát rằng :

« Nhà đông lân trồng cây táo,
Nhà tây lân người vợ bỏ.⁴⁶
Nhà đông lân bỏ cây táo,
Nhà tây lân người vợ về⁴⁷ ».

HAI VỢ CHỒNG NGƯỜI THUYỀN CHÀI VÀ THẦY TU

Xưa có người thuyền chài ở dưới sông lấy được một người vợ rất đẹp, thật là má phấn, môi son, da ngà, tóc phượng, tiếng đồn gần xa, ai nấy cũng biết. Một hôm có một người thầy tu ở từ xa đến, nhác trông thấy nàng, lòng xuân phơi phới, muốn bắt nhân tình. Rồi thầy tu tìm cách lui tới nhà ấy cúng vái luôn. Người vợ cũng có tình ý. Chỉ người chồng là không ngờ vực chi cả. Nhân một hôm, người chồng đi vắng, thầy tu đến nhà giở hẳn cái mặt chim chuột, mới hát ve một câu rằng :

*« Na mô xa cũng như nên gần,
Na mô kết nghĩa Châu, Trần với nhau ».*

Chị chàng động lòng, hát đáp lại rằng :

*« Thầy ôi, tôi muốn lấy thầy,
Cho cao tiếng đọc, cho đầy mâm xôi ».*

Rồi hai bên cười cợt, vui đùa. Vô phúc, ngay lúc đó, người chồng ở đâu đột ngột về. Thầy tu và vợ người kia sợ hãi quá chừng, không biết trốn đâu, nhảy tùm cả xuống sông. Trời đọa kiếp, người vợ thì hóa ra cây hoa sen, thầy tu thì hóa ra con cá hòa thượng. Người chồng đang cơn giận, cũng nhảy xuống sông định bắt thầy tu, nhưng không bắt được, liền hóa ngay ra con cóc để theo mò bắt con cá hòa thượng. Bởi truyện này mới có câu hát rằng :

*« Cốc mò vì cá thầy tu,
Không nhưng, lên cạn xuống sâu làm gì ».*

BUÔN VỊT TRỜI

Xưa có anh chàng siêng ăn, biếng làm. Vợ nó thấy thế, một hôm mắng rằng : « Người ta thì có công, có việc, làm cho vợ con được nhờ, như mình thì chẳng công việc gì, chỉ nằm mà ăn nhờ vào vợ ».

Chồng hỏi : « Thế mà bảo tao làm việc gì bây giờ ? »

Vợ nói : « Người ta đi buôn, đi bán, nuôi vịt, nuôi gà. Trông người ta đấy, muốn bắt chước làm nghề gì thì làm ».

Chồng bảo : « Ừ thì mà đưa cho tao năm quan tiền để tao mua vịt về tao nuôi ».

Vợ nghe nói, vui lòng đưa năm quan tiền. Sáng hôm sau anh chàng vác tiền đi. Đi mãi, lúc lâu, thấy một nơi có đàn vịt đang ăn giữa đồng, không ai canh giữ cả. Anh ta lên tiếng hỏi lũ trẻ chăn trâu gần đấy rằng : « Vịt ai ăn đó ? »

Lũ trẻ nhận láo : « Vịt của chúng tôi ».

Hỏi : « Chúng mà có bán không ? »

Lũ trẻ nói liền : « Có bán ».

Hỏi : « Bán giá bao nhiêu ? »

Lũ trẻ nói thách : « Mười quan ».

Anh chàng mặc cả : « Đây ta chỉ có năm quan ; có bán thì ta mua ».

Lũ trẻ bằng lòng : « Ừ thì bán rẻ cho bác để bác về nuôi mà sinh lợi ». Rồi chúng nó lại khôn ngoan dặn rằng : « Bác trả tiền ngay chúng tôi, để cho chúng tôi đi khỏi đây, rồi hãy

đuổi vịt về, kéo bác đuổi ngay bây giờ, sợ vịt nó quen lối cũ lại theo gót chúng tôi về chăng ».

Anh chàng y theo như lời, đưa tiền ngay cho lũ trẻ. Chúng nó tẩu tán lén đi hết. Còn anh ta cứ đứng trên đường, đợi cho vịt nó ăn no. Một lúc lâu, anh ta nóng ruột, xuống đuổi vịt về. Nào hay nó là một đàn vịt trời, thấy người đuổi, nó vù vù bay đi hết. Anh chàng đứng ngẩn, đợi mãi đến chiều tối không thấy nó trở lại, mới đành tay không mà về nhà.

Vợ nó thấy, nó hỏi : « Nào, đi buôn vịt, thì vịt đâu ? »

Anh ta đáp tự nhiên rằng : « Vịt nó bay lên trời cả rồi. nó còn ở trên trời ấy ».

Vợ nghe nói, vỗ đùi bảo rằng : « Thôi chết rồi ! lại đi mua vịt trời hử ! Con người dại đâu mà dại thế ! Để người ta lừa cho. Nào tiền mất rồi, bây giờ làm thế nào thì làm ».

Nói xong, nó dìm đầu, nó mắng, nó đánh cho một trận. Anh chàng giận quá, nghĩ không biết làm thế nào để có được năm quan tiền trả nó mới định đi ăn trộm. Ngay tối hôm ấy, anh ta lén vào một nhà trong làng, chui xuống gậm giường nằm.

Một chốc, thấy hai vợ chồng nhà ấy đem nhau lên giường ngủ. Hai người nói chuyện trò đùa cợt với nhau rồi không biết thẳng chồng nó bảo với vợ nó rằng : « Chao ôi ! Tao lên đến trời, đến tận trời xanh mà ạ ».

Anh chàng thấy nó nói, vội vàng ở gậm giường chui ra, hỏi rằng : « Anh này anh ! Anh lên trên trời, thế anh có thấy đàn vịt của tôi nó bay lên trên ấy nó ở vào đâu không ? »

Hai vợ chồng nhà kia, thấy có người, vừa sợ, vừa thẹn. Nhưng nó cũng vùng dậy nó đuổi, nó đánh. Anh chàng ù té chạy. Từ đó không dám nói đến vịt nữa, mà vợ nó cũng không dám mượn đi buôn vịt nữa. ⁴⁸

BỮA RƯỢU CHÁY NHÀ

Xưa có người làm bếp trong nhà, lại làm ngay giữa chỗ cửa mở thẳng vào, và ở bên chỗ chứa củi. Một hôm, có người khách đến chơi, thấy vậy, bảo rằng : « Ông nên xoay cái cửa đi hướng khác và dịch đồng củi đi chỗ khác, kẻo như thế này tôi e có ngày cháy nhà mất ».

Người chủ nhà không nghe. Chẳng bao lâu, quả nhiên một hôm, lửa ở bếp bén vào đồng củi, lại nhờ luồng gió ở chỗ cửa thổi mạnh ngọn lửa bốc lên to : nhà cháy. Làng xóm đổ đến chữa. Nhờ trời lửa không lan ra to và tổn hại cũng không mấy.

Nhờ ơn cứu giúp, mấy hôm sau, người chủ nhà làm rượu mời hàng xóm. Lúc mọi người đã đến đông đủ, chủ nhà đứng dậy, thưa rằng : « Bữa hôm nay là bữa tôi mừng đã tránh được vạ cháy nhà. Vậy dám xin các ông đã có lòng cứu chữa cho chúng tôi, ai cháy đầu, sém râu, hay phải bỏng, phải thương tích gì thì xin mời ngồi lên chiếu trên... »

Trong đám, có một người biết rõ chuyện từ khi người chủ mới bắt đầu làm bếp, lên tiếng hỏi rằng : « Ông còn nhớ cái người trước bảo ông không nên làm bếp ở chỗ cửa mở thẳng vào và liền bên chỗ đồng củi không ? »

Người chủ nói : « Có, tôi có nhớ... »

Người kia lại hỏi : « Nếu ông biết sớm nghe người ấy, thì làm gì ông phải cái vạ cháy nhà, lại phải tổn tiền về bữa rượu hôm nay !... Mà sao hôm nay tôi không thấy người ấy có mặt ở đây ? Tôi thiết nghĩ ông nên cho mời người ấy đến, rồi

chúng tôi đây xin nhường người ấy ngồi mâm trên nhất cả mới là phải ».

Người chủ vừa cười vừa nói : « Vâng, ông nói nhầm lẫn ! Nhưng cốt ý bữa rượu tôi đãi hôm nay chỉ là để đền ơn các cụ, các ông, đã cất công chữa chạy hộ lúc nhà tôi bị cháy mà thôi. Và chẳng nếu nhà tôi không cháy, thì sao lại có bữa rượu hôm nay để mời nhà ông kia được ? »

Thôi xin mời các cụ, các ông ngồi vào mâm cho... Còn ông kia, xin để hôm khác vậy... Cái hôm khác ấy sau không biết có chẳng ! ⁴⁹

CHIÊM BAO THẤY LỢN KÊU

Xưa có một người đoán chiêm bao hay có tiếng. Một hôm, có người làng khác muốn hỏi thử, mới tìm đến đặt ra nói rằng : « Đêm hôm qua tôi nằm chiêm bao thấy lợn kêu, thầy thử đoán hộ xem điều gì ».

Người kia đoán rằng : « Tất rồi có ai đem miếng ăn đến cho ».

Quả nhiên, hôm sau có người làng đem xôi thịt cho anh ta thật.

Cách mấy hôm, anh ta lại tìm đến người kia bảo rằng : « Thầy đoán tài lắm ! Nhưng đêm qua, tôi lại chiêm bao thấy lợn kêu. Thầy đoán hộ xem ».

Người kia đoán rằng : « Tất rồi có ai đem cho cái khăn, cái áo gì ».

Cách một vài ngày, quả nhiên có người làng đem cho anh ta cái khăn thật. Ít lâu, anh ta lại tìm đến người kia, bảo rằng : « Thầy đoán giỏi quá ! Song mà đêm qua, tôi lại chiêm bao thấy lợn kêu nữa. Thầy thử đoán xem... »

Người kia đoán rằng : « Ngày mai thì phải giữ mình cho khéo, chớ có đi đâu, kẻo có người nó đánh đập xấu hổ ».

Anh ta nghe thấy, lấy làm lo sợ, nghĩ bụng rằng : « Hai lần trước hẳn đoán đã nhầm, thì lần này không lẽ sai được ».

Rồi cả ngày hôm sau, anh ta run sợ cứ ro ró ở trong nhà, không dám bước chân đi đâu. Đến lúc nhá nhem tối, anh ta mắc đi đại tiện, không sao nhịn được. Và chẳng nghĩ ngày

cũng đã gần qua rồi, mới liều bước chân ra ngoài ngõ. Nhưng mót quá, không kịp đi xa, anh ta vội ngồi bên nhà hàng xóm phịch một bãi to tướng. Bỗng thấy người trong nhà nó vác gậy ra nó choảng cho mấy cái nên thân. Đau quá, anh ta ôm quần chạy bán mạng. Về nhà, càng nghĩ, càng phục người đoán chiêm bao giỏi, nhưng không hiểu đoán về cái lẽ làm sao.

Tình sương hôm sau, anh ta sang hỏi lại người kia rằng : « Ba bận, tôi nằm chiêm bao đều thấy lợn kêu, thầy đoán ra ba việc khác nhau, mà sao cũng đều đúng cả ? »

Người kia bảo rằng : « Nào có khó gì đâu, để tôi giải cho mà nghe : Kẻ nuôi lợn, nghe thấy lợn kêu, nghĩ rằng nó đói, thì cho nó ăn ; đã cho ăn rồi, nó lại còn kêu, nghĩ rằng nó rét, thì cho nó ấm. Ăn đã no, ở đã ấm, mà nó vẫn còn kêu, thì nghĩ rằng nó làm phiền mình, tất phải đập phải đánh cho nó chừa kêu đi. Lấy cái lẽ đó mà suy, nên chú nằm chiêm bao thấy lợn kêu lần đầu, tôi cho là được ăn, lần thứ hai, tôi cho là mặc, đến lần thứ ba, quá lắm, tôi cho là phải đòn. Nào có phải tôi cao đoán gì đâu ? »

SỢ MA BAO GIỜ

Xưa có người làm nghề phù thủy, một hôm ngồi ăn cơm với vợ, vợ nó hỏi đùa rằng : « Mình có sợ ma quỷ không ? »

- Mà hỏi lạ ! Tao đây làm nghề trừ ma, trừ quỷ, ma quỷ nó sợ tao thì có, chớ đời nào tao lại sợ nó bao giờ.

Một hôm thầy phù thủy đi đấm về khuya, con vợ nó rình, nó nấp một bên đường, và đem theo hòn than cháy đỏ hồng. Thầy đang xách một cái đầy đầy những củ, xôi, oản, chuối về qua tới bụi cây, thì con vợ nó cầm hòn than sẽ giơ cao lên dần dần.

Thầy phù thủy đã sợ, nhưng còn tin phép màu của thầy, bèn bỏ đầy xuống, vừa bắt quyết, vừa đọc câu thần chú rằng : « Yểm, thiên lý thu lai, vạn lý thu lai ». ⁵⁰

Vợ nó thấy vậy, cố nhịn cười và cầm hòn than, hoa đi hoa lại mấy cái, rồi tung tung cao lại gần thầy lập lòe như ma trời. Bấy giờ thầy mất hết hồn vía, cuống cuống trật cả khăn, bỏ cả đầy, vừa ù té chạy vừa nói như kêu lên mà cầu cứu rằng : « Yểm, thiên lý cha ôi ! Yểm, vạn lý cha ôi ! »

Con vợ thủng thỉnh lại lấy cái đầy đem về nhà, thầy không ngờ vực chi cả. Sáng hôm sau đến bữa, vợ nó đem những đồ lấy ở trong đầy dọn ra ăn.

Thầy phù thủy thấy dọn cơm, lấy làm ngạc nhiên vừa nhìn vừa lẩm bẩm một mình : « Thủ...giống thủ, xôi... giống xôi !... »

Con vợ nó bật cười, nó bảo : « Thủ chẳng giống thủ, xôi

chẳng giống xôi thì giống cái gì ? Hay giống cái con ma trời
tối hôm qua !... »

Thầy biết mắc mưu của vợ, ngồi cầm đầu xuống, không
dám ngừng lên nữa. Bởi chuyện này, người ta mới có câu
giễu thầy rằng :

*« Đom đóm thầy ngỡ là ma,
Thầy bỏ thầy chạy,
Rơi khăn, rơi đũa.
Rơi cả cục xôi,
Thầy ngồi thầy réo,
Ma bắt thầy đi,
Kim nhật, kim thì,
Kim đương thỉnh giải ».*

LÀM GIƯỜNG CHO VỢ ĐẸ

Xưa có một người, vợ gần đến ngày sinh nở không biết lấy gì để làm giường cho vợ đẻ. Người ấy mới biện cái lể đem ra đình để xin tre về làm giường. Khẩn xong, xin âm dương, thì thấy hai đồng tiền cùng dựng đứng.

Người ấy bụng bảo dạ : « Thần lại cho một cây đặng trước và một cây đặng sau đây ».

Rồi liền về nhà lấy dao ra đẵn luôn bốn cây tre ngoài đình, đem về đóng giường. Đóng xong, quái lạ cái giường ! Cái giường nó đi đi lại lại được như người. Vợ sợ quá, hỏi chồng.

Chồng bảo : « Mà chỉ có hai chân còn hay đi, huống hồ cái giường nó những bốn chân ! »

Thế là thôi, cái giường không dám đi nữa. Thần bèn sai con dù-dì đến đậu trước nhà người ấy mà kêu.

Vợ lại sợ, nói với chồng : « Nhà ta sắp có chuyện gì mà dù dì đến trước ngõ, kêu như thế kia ? »

Chồng bảo : « *Dù dì kêu chi ? Tiến sĩ, trạng nguyên !* »

Thế là thôi, dù dì lại bay đi, không dám kêu nữa. Thần bèn sai con át ma đến kêu. Vợ lại sợ, nói với chồng.

Chồng bảo : « *Át ma kêu à ? Đa điền, đa cốc !* »

Thế là thôi, át ma lại bay ngay, không dám kêu nữa. Thần thấy dù dì, át ma cũng không làm chi nổi nó, mới sai quan quân đến rình bắt vợ chồng nó.

Ngay lúc quan quân vừa kéo tới, vợ người kia đang đi

trong nhà, không biết vướng phải cái gì như muốn ngã. Chồng nó trông thấy, bảo rằng : « *Loàng quàng như Thành hoàng mắc bẫy* ».

Quan quân nghe nói, tưởng nó định đánh bẫy bắt Thần, sợ mất vía, ù té chạy về không dám ngoảnh cổ lại. Thế là anh kia trong nhà yên. Mà ông Thần đành mất mấy cây tre, để nó làm giường cho vợ nó đẻ.

TÙ LÌ TÁM TIỀN

Xưa có một anh chàng ngu dại quá mà yêu thương vợ cũng quá. Gặp khi vợ đang nằm bếp anh cứ lại luôn bên giường hỏi : « Mình ăn gì ? Mình ăn gì để tôi mua ».

Đang lúc mệt không buồn nói, lại được ông chồng cứ kè kè hỏi đi, hỏi lại mãi vợ tức mình, khùng lên đáp rằng : « Ăn gì ? Ăn gì ? Ăn cái con tù lì ».

Chồng nghe nói, ngỡ thật, vội vàng đi kiếm được tám tiền, xăm xăm ra chợ để mua tù lì. Đi khắp chợ dưới, chợ trên, chợ đông, chợ đoài, thấy ai bán con gì cũng hỏi, nhưng không thấy ai nói là bán tù lì cả.

Chiều đã xế bóng, trong bụng đang bần khoản, không biết mua đâu cho ra tù lì, thì chợt nó trông thấy bên đường có một con sông nước trong leo lẻo. Nó liền cỡi khố để trên bờ, rồi nháy xuống sông tắm.

Lúc tắm xong lên, thì cái khố không cánh đã bay đi đàng nào mất. Nó hốt hoảng cứ tồng ngồng thế đi tìm khố. Đi vào làng kia, nó thấy một người đang cầm cái cờ đi dẫn đám ma. Quáng mắt, nó tưởng cái khố của nó, nó mới rảo cẳng chạy lại kêu to lên rằng : « Cha tổ bây ! Oì bây ! Sao dám lấy khố của ông mà dẫn người chết ? »

Nhà đám thấy thẳng láo xược, bảo nhau đánh nó. Nó ù té chạy về nhà, vừa khóc, vừa mếu, kể lể với vợ rằng : « Tôi đem tiền đi mua tù lì về cho u nó ăn. Tù lì mua chẳng được, tôi cỡi khố xuống sông, tôi tắm mát. Thì đến lúc lên, cái khố của tôi nó mất biến đi đâu mất. Tôi vào làng kia, tìm khố thì

chẳng may bị người một nhà đám nó đánh tôi đau lắm... »

Vợ hỏi : « Khổ chưa ! Sao lại để nó đánh cho ? »

Chồng vừa quệt nước mắt, vừa nói : « Tôi tưởng nó lấy khổ của tôi, nó làm cờ dẫn ma, nên tôi chửi nó, tôi đòi lại ».

Vợ bảo : « Khốn không ! Ai nào người ta lấy khổ của mình mà làm cờ ! Người ta đang cất đám mà lại chửi người ta, người ta đánh cho là phải. Phải chi, mình gặp đám như thế, thì mình vào mình khóc « Ô hô ! Ô Hô ! Ô hô ! » ba tiếng, xem người ta có mời mọc ăn uống tử tế không nào ».

Bấy giờ chồng mới hỏi lại, rồi cứ nhảm đi nhảm lại mấy tiếng mới lạ vợ nó vừa bảo. Hôm sau, anh chàng dậy thật sớm để đi mua tù lì. Đi mãi cũng lại không mua được. Lúc sắp về, giữa đường gặp một đám rước dâu. Sức nhớ hai câu vợ dặn hôm trước, nó liền đi vào giữa đám, cất lên kêu : « Ô hô ! Ô hô ! Ô hô ! » ba tiếng thật to.

Nhà đám thấy nó làm vậy, tưởng nó điên dại, xúm nhau lại dọt nó một trận ra dáng. Đau quá, nó ôm đầu chạy về nhà, vừa kêu, vừa kể chuyện lại cho vợ nó nghe : « Hôm nay tôi đi mua tù lì, gặp một đám đưa dâu, tôi nhớ câu mình dặn, tôi vào ô hô mấy tiếng, tôi chẳng thấy nó mời mọc gì cả, nó lại đánh tôi sưng cả đầu, nên tôi chạy về đây ».

Vợ vừa cười, vừa bảo : « Người ta cưới xin mà đến ô hô, người ta đánh cho là phải lắm. Phải chi gặp đám cưới như thế, thì ta kiếm trầu cau vào ta mừng, ta nói rằng : « Mừng cho anh chị tốt đôi », xem người ta có mời về nhà cỗ bàn không ».

Nó nghe vậy, lấy làm hồi hận. Rồi lại nhắm đi nhắm lại câu vợ vừa dạy. Hôm sau, nó lại dậy thật sớm để đi mua tù lì. Đi mãi, mua cũng chẳng được, về đến giữa đường thì gặp một đám cháy nhà. Nhớ luôn câu vợ dặn hôm trước, nó vội đi kiếm cau trầu đem vào chỗ người đang chữa cháy, khúm núm nói rằng : « Mừng cho anh chị tốt đôi ».

Khổ chủ đang lúc cuống cuồng, thấy nó nói, cho nó là thẳng đốt nhà, mới đánh nó một mẻ như tử, rồi lại định trói đem lên nộp quan. Nhưng nó van lạy mãi người ta biết nó đại dột mới tha cho về.

Về nhà, nó lại vừa sụt sùi khóc lóc với vợ, vừa kể chuyện lại rằng : « Hôm nay tôi lại đi mua tù lì, tôi gặp một đám cháy nhà, tôi theo như câu mình dặn hôm qua, tôi đưa trầu cau vào mừng, họ chẳng mời mọc gì cả. Họ lại bảo « tốt đôi » là « tôi đốt ». Rồi nó đánh cho như cả người ra đây ».

Vợ nghe nói, cười bảo : « Người ta cháy nhà mà lại mừng, người ta đánh cho rất phải. Phải chi, thấy một đám như thế thì ta đem cào cuốc ra mà cào cuốc giúp người ta xem có được người ta mời mọc tử tế không ».

Nó nhớ lời dặn thế. Hôm sau, nó lại dậy sớm, đi mua tù lì nữa. Vừa ra đến đồng, thấy hai người đang đánh nhau túi bụi, nhớ lời vợ dặn hôm trước, sẵn thấy cào cuốc đấy, nó lấy nó cào cuốc cả hai người. Hai người kia thấy vậy, bỏ nhau ra, rồi cùng nhau đánh nó một hồi túi bụi. Đau quá, nó vội chạy về nhà, nó kể chuyện lại cho vợ nghe.

Vợ nó cười bảo rằng : « Người ta đang choảng nhau mà mình cào cuốc người ta, chẳng trách người ta đập cho là

phải. Phải chi gặp đám đánh nhau như thế, thì ta tìm đường mà lánh cho mau, kẻo có khi mang họa vào mình có hay gì ».

Nó nghe nói biết vậy. Sáng hôm sau, nó lại dậy sớm để đi mua tù lì. Đi một chốc nó thấy hai con cu cu đang chọi nhau. Nó đứng đó nhìn một chốc, chợt nghĩ đến lời vợ dặn, sợ mang vạ vào mình, nó ù té cắm đầu chạy một mạch về nhà hớt hơ hớt hải bảo vợ rằng : « Gớm, hôm nay tôi đi mua tù lì, tôi gặp hai con cu cu nó chọi nhau, tôi sợ rồi mang vạ vào mình như nhà nói hôm qua, nên tôi phải chạy về đây ».

Vợ nó cười bảo : « Đời nhà ai thấy cu cu chọi nhau mà lại sợ mang vạ vào mình được. Phải chi gặp một đôi chọi nhau như thế, thì ta bắt cả đôi đem về, ta làm thịt nấu măng ăn uống với nhau có ngon không ».

Nó nghe nói thế, nghĩ lại tiếc quá, chạy ra tìm xem có còn cu cu không. Thì cu cu chẳng thấy đâu nữa rồi. Nó thơ thẩn đi đến chỗ chân núi, bỗng thấy một con cọp mẹ đang giỡn với con cọp con. Nhớ lại lời vợ dặn, nó lấy làm mừng quá vừa chạy lại vừa nói : « Tao bắt cả đôi, tao đem về làm thịt nấu măng ăn xem có ngon không ».

Cọp gầm lên nhảy lại vồ, nó cuống cuống ngã bổ nhào, phúc bảy mươi đời có bọn thợ săn ùa đến, cọp sợ cọp chạy, không thì còn gì là mạng nó ⁵¹. Ngã cái ấy đã đau lại thêm hết hồn hết vía, nó nằm mất hai ba hôm mới dậy được. Dậy được, là nó lại liền tìm đi mua tù lì cho vợ nó ăn. Đi mãi, hỏi đâu cũng không thấy có bán tù lì cả. Đang lúc nóng ruột, nó bắt gặp một người ế hàng, bán con mèo từ sáng đến lúc ấy

mà không thấy ma dại nào thềm hỏi đến.

Người kia đang tức mình, mau bước về nhà, thì thấy nó cũng bước mau lại nó hỏi : « Bác bán con gì mà xách đấy ? »

Đang tức mình, thấy hỏi lại càng tức thêm, người kia nói như gắt lên rằng : Tù lì, tù lì. Bán cái con tù lì... »

Nó nghe nói mừng quá, nhảy cẫng lên, đưa ngay cả tám tiền nó vẫn đem theo cho người kia để đổi lấy con tù lì. Được món hời bất ngờ, người kia vừa đem tiền về nhà, vừa nghĩ bụng cười thầm. Còn anh nọ hí hửng ôm tù lì về nhà. Nhưng đi giữa đường, thấy một cái ao vừa trong vừa sạch, nó lại muốn xuống nó tắm. Không biết để con tù lì quý hóa kia vào đâu, nó mới cởi khố buộc lại để trên bờ, rồi nhảy xuống ao. Lúc tắm xong, thì ối thôi ! cả tù lì, cả khố mất mẹ nó đâu tự bao giờ rồi. Không bạn nào sợ hơn bạn này, nó gào, nó kêu, nó mếu, nó khóc, nó tìm hết bờ nọ, bụi kia như thẳng điên, thẳng dại. Khách qua đường thấy vậy lấy làm lạ, đứng lại hỏi, thì chẳng thấy nó nói gì, chỉ thấy nó hung hăng những tù lì, tù lì là tù lì.

Ai nấy bảo nhau : « Nó giận gì mình mà nó văng tù lì ra với mình ». Rồi bảo nhau đi hết.

Còn nó cứ quanh quẩn tìm mãi, vừa tìm vừa kêu : « Tù lì, tù lì, ối tù lì ơi ! »

Chợt nó trông xuống dưới ao, thấy thấp thoáng bóng con tù lì của nó. Nó đứng, nó ngẫm, nó hăm hăm hờ hờ như muốn bắt tù lì cho được. Nhưng tù lì đâu ? Rập rờn chỉ có cái bóng tù lì đấy thôi.

May lúc bấy giờ, có một thằng bé thấy con mèo ngồi trên cây, vừa trỏ, vừa bảo đùa : « Cái gì ở trên cây kia kìa ! »

Nó ngừng trông cây, thấy con mèo nhảy, nó mừng rú lên rồi vội trèo lên cây bắt con mèo vẫn còn lòng thòng buộc cái khớp, cứ thế ôm chặt, chạy thẳng một hơi về nhà, không còn biết trời đất là gì nữa.

Lúc vừa về đến cổng, nó đã vội réo vợ nó reo lên rằng : « Bu nó ơi ! Bu nó ơi ! Đây rồi tù lì. Tù lì đây rồi. Xem tôi có mua được tù lì đem về cho bu nó ăn không nào ! »

Cả nhà nghe nói, nhìn ra trông thấy con mèo, cười ầm cả lên bảo rằng : « Ơ con mèo ! Con mèo ! »

Vợ đang nằm, tức cười bật dậy, vừa giận chồng là đứa ngu dại, xấu hổ với chị em, lại vừa thương chồng là người yêu quý mình quá, trong lòng rất vui. Vợ mới có câu như vừa phàn nàn, vừa vui thú rằng :

*« Ăn chi đó nọ ăn chi ?
Hay là ăn một tù lì tám tiền ».*

Bởi truyện này, mới thành có câu : « Tù lì tám tiền » và người ta mới thường gọi đùa con mèo là con tù lì. ⁵²

= HẾT QUYỀN I =

***Giấy phép số 1489/XB* của Hội Đồng Kiểm Duyệt**
BỘ THÔNG TIN
GIÁ : 180\$



Notes

[← 1]

Có được ít nào, thì lại là người Pháp tò mò ghi chép cho người Nam xem !

[← 2]

Vào ngay, vào ngay.

[← 3]

Ra ngay, ra ngay.

[← 4]

Chính tục ngữ, thì có câu rằng :

« *Năm nay mưa gió dỗi dào*

Cá rô rạch ngược lên đầu non cao ».

[← 5]

Thôi cũng nghĩa như khởi.

[← 6]

Câu : « Sinh con rồi mới sinh cha, sinh cháu giữ nhà rồi mới sinh ông ».
Người ta còn thường dùng làm câu đố về cây tre (con măng, cha cây, cháu cành, cỗi ông).

[← 7]

Truyện này, còn có người kể rằng Thần gió khai với Trời là phải buổi đi vắng, đứa con ở nhà làm gió thổi chơi. Trời sai đánh chết đứa con ấy. Hồn nó xuống hạ giới không biết làm nghề gì, phải đi chăn trâu, chăn bò cho người ta. Sau lại chết mà hóa ra cây ngải gió. Bởi vậy mà người ta nghiệm khi cây ngải gió cuốn bông cuốn lá lại, là Trời sắp có gió vì cây ấy biết trước. Người ta lại thường dùng cây ấy để chữa bệnh cho trâu bò, bởi vì trước anh Ngải gió làm nghề chăn trâu bò.

[← 8]

Phong suy hay phong ba là Thần làm gió.

[← 9]

Bốn rợ khách lai.

[← 10]

Tam man đưng cõng.

[← 11]

Binh giáp trong bụng.

[← 12]

Kính luân ở bàn tay.

[← 13]

Thằng bé này, có người cho là Vũ Công Duệ, một bậc văn tài nước Nam, đỗ trạng về đời Thánh-tôn nhà Lê. Nhưng truyện này hơi khác truyện Vũ công Duệ mà kể cho lý thú hơn. Không rõ người làm Truyện Vũ công Duệ có mượn ít nhiều ở truyện cổ này chăng. Thử hỏi tác giả quyển « Tang thương ngẫu lục ».

[← 14]

Kể chuyện « Quít làm Cam chịu » thì còn nhiều truyện khác, sau chúng tôi sẽ nhật nữa.

[← 15]

Khúc truyện này có người kể cả vào truyện Tấm Cám.

[← 16]

Nguyệt hạ phóng thê : Dưới trăng bỏ vợ. Người học trò đây ngồi dưới bóng trăng mà nghĩ như vậy.

[← 17]

Đình tiền tỉ chạch : Trước sân dỡ nhà. Người học trò đây dọa người chủ nợ lúc người ấy vừa bước vào trước sân. Về các triều trước, ai đỗ Tiến sĩ được phép lấy ba mẫu đất làm nhà ở bất cứ muốn cắm đâu cũng được, không phân biệt đất tư, đất công gì cả.

[← 18]

Vị đắc ý, cố thất đức : Chưa được như ý đã mất đức, nghĩa là chưa đỗ cho toại ý mình, thì đã phạm vào tội làm điều thất đức rồi.

[← 19]

Khúc này đã thành ra phong dao cổ.

[← 20]

Có lòng không có tướng, thì tướng tự lòng sinh ra. Có tướng không có lòng, thì tướng theo lòng mà mất đi.

[← 21]

Truyện này và truyện trên thường diễn ở các rạp Chèo cổ và chúng tôi cũng kê cứu tự đẩy ra.

[← 22]

Hèn : cũng nghĩa như đau yếu, trở trời.

[← 23]

Ta nhức đầu thường hay lấy đậu đen bọc vào cái vải tơ nóng mà chườm hay có nơi gọi là đồ.

[← 24]

Bài dịch bật cười là ở chỗ dịch thẳng từng chữ. Dịch thẳng lại ra nôm thì như thế này :

« Chương đài chưng rể

Ăn hết mười một mười hai cà.

Giống ở phương nào cùng gã đều đi.

Không, thì ta cùng cà đều chết vậy ».

[← 25]

Đẻo chiếc đũa, đẻo chĩa vôi, đẻo đến cả cái tăm xỉa răng, anh thợ đáp thế, mà thiên hạ chưa nghe rõ, vẫn còn có người hỏi.

[← 26]

Câu trong Luận ngữ : « Biết đấy, làm biết đấy, không biết làm không biết, là biết vậy ».

[← 27]

Câu trong Ngũ ngôn thi : Bé nhỏ nên chăm học.

[← 28]

Hòn tức là viên tròn, cũng có thứ bánh gọi là bánh hòn tròn mình mà to hơn bánh rán, nhưng không tằm mật.

[← 29]

Không phải ma trơi, không phải đom đóm, ở chỗ tối tự nó, nó sáng.

[← 30]

Bao nhiêu sao tỏ không bằng một mặt trăng sáng.

[← 31]

Ý nói : hơn gì, thiệt chi cũng là ở trong vòng, cũng cùng sáng thì cùng ngang về nhau.

[← 32]

Ý nói : làm át cả đời, như mặt trăng làm át các ngôi sao vậy.

[← 33]

Cái trò vẫn thế : Việc người thì sáng, việc mình thì quáng.

[← 34]

Câu này đã thành câu tục ngữ.

[← 35]

Lừa là lừa đảo, lại là lừa ngựa.

[← 36]

Cái điển làm con quạ trên đầu ngọn phướn nhà chay là do truyện này và nhiều truyện khác nữa. Có truyện cho rằng : bộ ruột ấy là bộ ruột của nhà sư đi cầu kinh bị quỷ sứ nó ăn hết thịt, bỏ ruột lại mà con quạ tha đi.

[← 37]

Tục ngữ có câu : « Chó đá biết cười ».

[← 38]

Tục ngữ : « Chạy như ngựa được nước ».

[← 39]

Truyện này kể thật có thú vị : người ăn mía thật thà gặp được người chủ vườn thật thà cũng không kém. Về sự ăn mía giữa đường ta còn nhiều câu tin nghiệm như câu : « Làm lễ chữa hoang không bằng đi đàng ăn mía » ; « Đi thẳng đường, thấy mía chớ có bẻ, người không bắt, thì ma cũng bắt ».

[← 40]

Một người đuổi đàn dê, Lồng thưa, cổ ngỗng dài. Muối hết canh không vị,
Ngày nay tạ đứng Vua.

[← 41]

Chữ Trạng thuộc về bộ khuyển thật mà bên cạnh có chữ tương 𠂔. Muốn cho chữ tương 𠂔 thành chữ phiến 片 là ý bà vợ xoay lại như thế để giải mộng cho ra chữ « miếng ».

[← 42]

Xưa nay ta vẫn cho cây sung là không có hoa.

[← 43]

Tích này phường Chèo thường vẫn diễn.

[← 44]

Thằng Bàn là thằng Bàn Cổ nó sinh ra từ lúc mới có người, thì ai còn nhiều tuổi hơn được nó nữa. Để chỉ có mẹ bán nước xưng là chị nó.

[← 45]

Truyện này trong kinh « Bách dụ » cũng có ghi chép.

[← 46]

Như ta nói bây giờ là vợ bị bỏ.

[← 47]

Chuyện này Tàu cũng có, nhưng không giống hẳn.

[← 48]

Có truyện cho là buồn le le, mà le le cũng thế, cũng là một giống vịt nhưng nhỏ hơn. Nếu là le le thì có câu người ta thường ví rằng :

*« Mua le le giữa trời,
Mất tiền toi rồi đó ».*

[← 49]

Ta có thể kết luận câu chuyện này rằng : Những cái ơn nhỏ nhỏ nhưng nó liền ngay trước mắt, mà thiết đến thân ta thì ta nhớ mà ta báo lại. Chớ cái ơn to, nhưng vì nó xa thành nó lu không rõ mà không mấy ai biết đến. Thí dụ : mình mắc bệnh ông lang chữa khỏi lể tạ ngay, nhưng mình có bao giờ nhớ ơn những ông lang bảo mình cách phòng bị trước khi mắc cái bệnh ấy.

[← 50]

Yếm, nghìn dậm thu lại, muôn dậm thu lại.

[← 51]

Truyện này có người kể đến đây là hết, vì thằng kia bị cộp tha về rừng.

[← 52]

Khi ta đang bận rộn nhiều việc, hay bực mình cái gì, mà có người cứ đến kê bên cạnh, hỏi cái nọ, cái kia, làm cho ta bực thêm, thì ta thường phát gắt lên ta dõn rằng : « cái gì ? Cái con tù lì » ; tù li hay tù lì, hay ðù ðì (ðù ðì leng beng) cũng là một, mà mỗi nơi nói trạnh một khác. Riêng ðối với người Bắc, tiếng ðù ðì thông dụng hơn, nhưng có vẻ như hơi tục, nên trong truyện, chúng tôi ðể hai chữ « tù lì » vậy.